

Quyển 86

Thứ 1. NHIẾP TRẠCH SỰ HÀNH KHẾ KINH

Phần 2

Lại nữa, Ôt-Đà-Nam nói:

Tướng hành, tướng ngu, nhãn, thắng lợi

Chín trí, không si, cùng thắng tiến

Ngã kiến sai biệt, ba tướng hành

Sau rộng ba phẩm tổng pháp thấy.

Ở trong các hành, tu tướng hành vô thường có 5 chủng: 1. Do tánh không thường; 2. Tánh không hằng; 3. Tánh không phải cứu trụ; 4. Tánh không thể giữ gìn; 5. Tánh pháp biến hoại.

Trong đây vì sát-na sát-na hoại nên không thường. Tự thể có gián đoạn, vì bị phụ thuộc vào giới hạn của trụ thọ, nên không hằng. Ngoại sự của kiếp sau quyết định không thể trụ, nên không cứu trụ. Thọ lượng chưa mãn mà phải chịu duyên hoại, bất kỳ lúc nào cũng có thể chết, nên không thể giữ gìn. Bây giờ đang trụ, ở khoảng trung gian

không quyết định được an vui, nên là pháp biến hoại.

Lại nữa, kẻ ngu lược có 3 chủng tướng ngu phu. Những gì là ba? Các ngu phu ở nơi tất cả hành không thể tư duy năm tánh vô thường như đă thuyết ở trên. Ở nơi tánh không chân thật lúc thắng diệu lúc kém cõi kia, mà đem so sánh phân biệt mình người là hơn là kém. Tự cho mình là hơn, đây gọi là tướng ngu phu thứ nhất. Như cho là mình hơn, thì cho mình là bằng, cho mình là thua... nói rộng cũng vậy. Trái với tướng đây, nên biết bậc trí cũng có 3 chủng tướng trí.

Lại nữa, do 2 chủng tướng nên biết bậc Thánh có huệ nhãn thanh tịnh, đó là: xa trần và lìa cấu. Do đắc lìa hệ buộc của các triền phiền não kiến sở đoạn, nên gọi là xa trần. Do đắc lìa hệ buộc của các tùy miên phiền não kiến sở đoạn, nên gọi là lìa cấu. Lại khi hiện quán có ngã mạn thô tùy nhập tác ý gián đoạn, không gián đoạn mà chuyển, nếu liền rõ biết khắp sở thủ, năng thủ, sở duyên bình đẳng, tức đoạn diệt kia. Do đoạn diệt kia, nên gọi là xa trần. Vì tất cả tùy miên phiền não kiến đạo sở đoạn được đoạn trừ, gọi là lìa cấu.

Lại nữa, ở trong các pháp xa trần lìa cấu lúc đạt được pháp nhãn, nên biết có được 10 chủng thắng lợi. Những gì là mười? 1. Vì tự mình khéo thấy bốn Thánh đế, gọi là kiến pháp; 2. Vì theo đó thành tựu một trong bốn chủng quả Sa-môn, gọi là đắc pháp; 3. Vì ở nơi những điều mình đã chứng năng tự rõ biết: “Ta nay đã tận dứt địa ngục, bàng sanh, ngã quý. Ta chứng Dự lưu”, cho đến nói rộng, gọi là biết pháp; 4. Vì đắc bốn chứng tịnh, đối với Phật Pháp Tăng như thật biết, gọi là khắp kiên cố pháp; 5. Vì không nghi hoặc ở nơi sở chứng của mình; 6. Vì không nghi hoặc đối với sở chứng của người; 7. Vì tuyên thuyết chánh giáo tương ưng thánh đế, không bị dẫn đoạt bởi duyên khác; 8. Vì không quán mặt người, không nhìn miệng người, trụ bền chắc trong chánh pháp luật, không bị tất cả luận khác lay chuyển; 9. Vì ký biệt tất cả sở chứng giải thoát mà không hãi sợ; 10. Vì hai nhân duyên tùy nhập thánh giáo: thế tục chân chánh và đệ nhất nghĩa.

Lại nữa, có 9 chủng trí năng biết khắp siêu vượt các hành: 1. Trí các hành lưu chuyển; 2. Trí các hành hoàn diệt; 3. Trí nhân duyên tạp nhiễm;

4. Trí nhân duyên thanh tịnh; 5. Trí thanh tịnh; 6. Trí khổ; 7. Trí tập; 8. Trí diệt; 9. Trí đạo.

Trong đây, trí các hành lưu chuyển lược do 3 chủng nhân duyên tập, đó là: do tập hỷ, do tập xúc, do tập danh sắc; và tùy chỗ thích hợp hoặc tập sắc, hoặc tập thọ, tưởng, hành, hoặc tập thức, cho nên có được chánh trí về tập của tất cả hành. Cũng tức do 3 chủng nhân duyên đây diệt, nên 3 chủng hành diệt. Đây gọi là trí các hành hoàn diệt. Trí nhân duyên tập nhiễm, trí nhân duyên thanh tịnh và trí thanh tịnh, tức là ra khỏi xa lìa lỗi lầm tai hoạn của ái vị, nên biết như trước đã thuyết. Trong bốn Thánh đế có bốn trí là trí khổ... nên biết như trước đã phân biệt trong đạo lý Thánh đế. Ở vị dị sanh nếu tu tập 5 trí trước sẽ năng nhanh chóng chứng đắc bốn trí thánh đế sau. Do chứng trí kia mà năng như thật rõ biết các hành. Lại nếu bị khuyết các trí ở trước, quyết định chẳng thể dụng đạo lý để mà biết khắp các hành, cần yếu chứng đắc các trí trước mới năng biết khắp. Nếu ở nơi đạo lý để mà thiếu đi trí biết khắp hành, nhất định không thể ở nơi vị tu đạo bậc thượng dùng lược “đối trị đoạn” để đoạn trừ các phiền não và siêu

vượt tất cả hành. Trái với tướng đây cho đến năng siêu vượt, do đây gọi là có 9 chủng trí năng biết khắp siêu vượt các hành.

Lại nữa, người tu quán hành do 3 điều ở trong các hành không rơi vào ngu si. Những gì là ba? 1. Ở nơi các hành quá khứ, như thật rõ biết là tánh vô thường; 2. Ở nơi các hành hiện tại, như thật rõ biết là tánh pháp diệt; 3. Ở nơi các hành vị lai, như thật rõ biết tánh pháp sanh diệt. Người kia ở nơi ba đời của các hành như vậy không rơi trong ngu si, nên tâm không bị nhiễm ô, an trụ an lạc, nhập trong số minh tịnh. Trái với tướng đây nên biết tức là rơi trong ngu si, nhập trong số vô minh.

Lại có 3 chủng tên gọi khác của phiền não, phần nhiều được nói trong phẩm phiền não: 1. Tên gọi khác của tham; 2. Tên gọi khác của sân; 3. Tên gọi khác của si.

Tên gọi khác của tham: cũng gọi là hỷ, cũng gọi là tham, cũng gọi là luyến tiếc, cũng gọi là hân hoan, cũng gọi là muốn, cũng gọi là bùn lầy, cũng gọi là vui, cũng gọi là chứa nhóm, cũng gọi là giữ, cũng gọi là đăm trước, cũng gọi là mong, cũng gọi là đăm mê, cũng gọi là yêu, cũng gọi là nhiễm,

cũng gọi là khát.

Tên gọi khác của sân: cũng gọi là giận, cũng gọi là ghét, cũng gọi là sân, cũng gọi là phần, cũng gọi là tổn, cũng gọi là bất nhẫn, cũng gọi là tội lỗi, cũng gọi là bạo ác, cũng gọi là nọc độc, cũng gọi là chống đối, cũng gọi là tàn độc, cũng gọi là phần phát, cũng gọi là thù giận, cũng gọi là ôm ấp buồn rầu, cũng gọi là bỗng nhiên bùng bùng phát khởi.

Tên gọi khác của si: cũng gọi là vô trí, cũng gọi là vô kiến, cũng gọi là không hiện quán, cũng gọi là hôn muội, cũng gọi là ngu si, cũng gọi là vô minh, cũng gọi là hắc ám.

Hết thấy tên gọi như vậy, nên biết phần nhiều đã biện trong phần *Nhiếp dị môn*. Nay Ta sẽ thuyết sự sai khác của *hỷ* và *tham*.

Duyên nương tựa thọ phát sanh vui thích gọi là hỷ. Duyên cảnh sanh thọ phát khởi nhiệm trước gọi là tham. Lại ở nơi cảnh sắp có được mà sanh gọi là hỷ. Nếu ở nơi cảnh đã được mà sanh gọi là tham. Lại ở nơi sự việc đã được, gần sắp thọ dụng gọi là hỷ. Tức ở nơi sự việc đây đang thọ dụng gọi là tham. Lại ở nơi cảnh giới, phương tiện để năng đạt được, gọi là hỷ. Tức ở tại cảnh giới đây, gọi là

tham. Lại ở hậu hữu gọi là hỷ. Ở cảnh giới hiện tiền gọi là tham. Lại đối với sự vinh quang lợi dưỡng của hữu tình khác mà vui thích gọi là hỷ. Ở nơi vinh quang lợi dưỡng của mình mà vui thích gọi là tham.

Lại nữa, ở trong các hành, người như lý tu tập đạt được 4 sự thắng tiến, đó là tướng thắng tiến. Đây lược có 3 chủng: 1. Điều chưa đắc vì đắc; 2. Điều chưa khế hội vì khế hội; 3. Điều chưa chứng vì chứng. Nếu để đạt được hiện pháp lạc trú, thì gọi là thắng tiến thứ tư.

Đầu tiên, quả Dự lưu chưa đắc năng đắc, đây gọi là điều chưa đắc vì đắc. Tức đây làm chỗ nương, lại năng khế hội quả tăng thượng học, đây gọi là điều chưa khế hội vì khế hội. Tức đây làm chỗ nương, lại đoạn trừ các hoặc năng tác chứng quả A-la-hán, đây gọi là điều chưa chứng vì chứng. Nếu đã chứng đắc quả A-la-hán thì không còn điều chưa đắc vì đắc cho đến điều chưa chứng vì chứng mà chánh siêng tu tập, chỉ vì hiện pháp lạc trú mà chánh siêng tu hành.

Lại nương nghĩa tự lợi có 3 tướng thắng tiến, đó là ở trong các hành, tướng nhàm chán trái lìa,

tưởng quá hoạn và tưởng thật nghĩa.

- Tưởng nhàm chán trái lìa lại có 4 hành: ở trong các hành tư duy như bệnh, như ung, như tên, não hại.

Như bệnh: như có người nhân các giới trong thân bị rối loạn phát khởi các thứ bệnh, nên tu tưởng nhàm chán trái lìa.

Như ung: như có người do nghiệp nhân đời trước, đời này chiêu cảm khổ ung nhọt đau nhức, nên tu tưởng nhàm chán trái lìa.

Như tên: như có người nhân bị người oán gia hại, đau khổ như bị trúng tên độc, nên tu tưởng nhàm chán trái lìa.

Não hại: ở trong sự thiếu thốn tài vật nuôi thân, vì kế sanh nhai mà phải hành tà hạnh nên phát sanh các khổ, nên tu tưởng nhàm chán trái lìa. Như vậy gọi là người tu quán hành ở trong các hành tu tưởng nhàm chán trái lìa.

- Tưởng quá hoạn lại có 2 hành: ở trong các hành, tư duy vô thường và tư duy khổ.

- Tưởng thật nghĩa cũng có 2 hành: ở trong các hành, tư duy tánh không và tánh vô ngã. Trong đây, trước chánh tu tập tưởng quá hoạn và tưởng

thật nghĩa rồi, về sau mới năng an trụ tu tập tưởng nhằm chán trái lìa. Trong đây trước nói về quả kia, sau nói về nhân kia.

Lại nữa, có 4 chủng ngã kiến làm chỗ nương năng sanh ngã mạn.

Bốn chủng ngã kiến: 1. Có ngã kiến phân biệt, đây là sự sanh khởi ngã kiến của các ngoại đạo; 2. Ngã kiến đồng sanh, là sự sanh khởi ngã kiến của các loài, thấp cho đến cầm thú... cũng năng sanh khởi; 3. Ngã kiến duyên nương thân mình, tức là trong mỗi thân tự riêng khởi; 4. Ngã kiến duyên nương thân người, tức là chỗ khởi phân biệt ngã kiến đối với thân người làm chỗ nương.

Sanh ngã mạn: do kiến đây nên quán thấy thân mình, thân người kế chấp cho là có thật ngã.

Nên biết trong đây do 2 chủng ngã kiến sau cùng làm chỗ nương nên phát sanh ngã mạn. Ví như mặt gương tròn sáng phẳng lặng, hình chất của gương làm chỗ nương phát sanh ảnh tượng, lại lấy ảnh tượng trong gương làm chỗ nương mà phát sanh tưởng hoặc hơn, hoặc bằng, hoặc kém sai khác. Như vậy, do tà phân biệt nên ngã kiến duyên nương thân mình làm duyên phát sanh ngã kiến

duyên nương thân khác, như nương hình chất của gương phát sanh ảnh tượng. Đây lại làm duyên phát sanh ngã mạn, mới đối với người khác cho là ta hoặc hơn, hoặc bằng, hoặc kém.

Nếu do ngã kiến đồng sanh làm duyên sanh ngã mạn, nên biết thí dụ đây có sự sai khác so với thí dụ trước. Như người mắt sáng đến vũng nước trong để soi mắt tai... tướng còn lại nên biết như trước.

Tóm lại mà nói, tất cả chủng hữu thân kiến đây chỉ nương pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da mới năng vĩnh viễn đoạn trừ, tà giáo khác không thể đoạn trừ.

Như vậy, Như Lai và chúng đồng phạm hạnh cùng rõ biết, hoặc các đệ tử đồng phạm hạnh có đại ân đức, chỉ do một nhân duyên như vậy nên nói là đối với Đại sư, hoặc sau Đại sư diệt độ, bậc đồng phạm hạnh là người chân thật báo ân. Lại có nguyên do thứ hai, tức là người vì lợi ích mà nương cú nghĩa khác nhau như vậy siêng tu chánh hạnh, đây cũng gọi là tùy phần báo ân, vì sự hy vọng đối với vị kia vẫn chưa hoàn toàn trọn vẹn.

Lại nữa, do 3 chủng tướng các hành diệt mà

gọi là Vô dư y Niết-bàn giới: 1. Các hành diệt do sự sanh khởi đời trước; 2. Các hành diệt do tự tánh hoại diệt; 3. Do tất cả phiền não vĩnh viễn lìa hệ buộc.

Các hành diệt do sự sanh khởi đời trước: vì các hành do sự tạo tác của các nghiệp phiền não ở đời trước năng cảm hậu hữu hoại diệt, vì các hành do sự mong cầu của nguyện xưa cũng diệt và vì các hành do sự sanh khởi hiện tại cũng vĩnh viễn diệt.

Các hành diệt do tự tánh hoại diệt: đó là các hành đã sanh vốn dung chứa tánh hoại diệt một cách tự nhiên, không trụ rốt ráo, nên các hành vĩnh viễn diệt.

Do tất cả phiền não vĩnh viễn lìa hệ buộc: các phiền não đoạn diệt không sót thừa, nay chúng diệt về sau không lại sanh khởi. Cho nên do 3 tướng các hành diệt đây mà được gọi là tịch diệt, không phải vĩnh viễn vô tướng, mà là tướng chuyển đổi vậy. Nếu vĩnh viễn vô tướng, thì không thể thi thiết danh là tịch diệt.

Lại nữa, do lực của ba giải thoát môn tăng thượng là Không giải thoát môn, Vô nguyện giải thoát môn và Vô tướng giải thoát môn, nên biết

kiến lập bốn chủng pháp Ốt-Đà-Nam. Nương Vô nguyện giải thoát môn, kiến lập pháp Ốt-Đà-Nam thứ nhất, thứ hai là tất cả hành vô thường và tất cả hành khổ. Nương Không giải thoát môn, kiến lập pháp Ốt-Đà-Nam thứ ba là tất cả pháp vô ngã. Nương Vô tướng giải thoát môn, kiến lập pháp Ốt-Đà-Nam thứ tư là Niết-bàn tịch tĩnh.

Lại nữa, có 2 chủng pháp Ốt-Đà-Nam tăng thượng hành “dục”: 1. Dục đồng hành thắng giải; 2. Dục đồng hành ý lạc.

Dục đồng hành thắng giải: do bốn chủng pháp Ốt-Đà-Nam, nên ở trong các hành mà sanh “dục” lạc. Lại, người ở nơi các hành tịch tĩnh sanh vui muốn, tức là do ý lạc nên một mình ở chốn không nhân, tác ý tư duy. Nhưng do 4 chủng tướng, tuy ở chốn tịch tĩnh kia, mà tâm trở lại thối thất: 1. Vì thấy nếu không nhập vào các hành kia thì lợi ích hơn; 2. Không tin đạt được “Tín thanh tịnh”; 3. Vì ở sở duyên kia không sanh vui thích, không an trụ; 4. Vì đối với kia mà phát khởi thắng giải chẳng vui. Trái với tướng đây nên biết tức là dục đồng hành ý lạc.

Lại do 2 duyên, tuy sanh khởi dục đồng hành

thắng giải vô ngã, nhưng đối với Niết-bàn do hãi sợ nên tâm trở lại thối thất: 1. Do ở nơi dục đây chưa khéo xuyên suốt tập, chưa rốt ráo nhập vào; 2. Vào lúc tác ý, do nhân duyên trên nên quên mất chánh niệm. Lại do đây chưa xuyên suốt huân tập “nhãn dục”, nên bấy giờ ở trong các hành tuy hiểu rõ duy chỉ hành theo trí, nhưng tâm ngu muội lớp lớp tư duy ngã: “Ngã hiện nay đang ở chỗ nào?”, truy tìm hành ngã vi tế đồng hành chuyển theo các sự chướng ngại. Do duyên đây nên kia khởi suy nghĩ: “Ngã sẽ chẳng có”, mà không nghĩ như vậy: “Chỉ có các hành, đương lai chẳng có”. Kẻ kia do đuổi theo thân kiến như vậy, lấy đây làm chỗ nương nên phát sanh thức theo đó triển chuyển biến đổi. Do hãi sợ đối với sự tịch diệt kia, nên tâm trở lại thối thất.

Lại nữa, vì đoạn trừ sự hãi sợ như vậy có 2 chủng pháp cần phải thực hành nhiều: 1. Đối với các bậc có trí đồng phạm hạnh, như thật tự tỏ bày; 2. Phát tâm hiểu rõ nhân dục thiện pháp và tâm điều nhu.

Lại phát tâm thấu hiểu như vậy: “Lắng nghe chánh pháp”; phát sanh hoan hỷ đối với 3 chủng

tướng: 1. Do bổ-đặc-già-la tăng thượng: là do quán thấy sâu “đại oai lực đoan nghiêm của bậc Đại sư thật đáng tán thán quy ngưỡng” và xưng khen là “bậc thiện thuyết pháp”; 2. Do pháp tăng thượng: tin hiểu pháp sở thuyết năng khiến lìa khỏi nghiệp phiền não khổ và tin hiểu nghĩa thâm sâu tối thượng của pháp kia; 3. Do tự mình tăng thượng: năng ở nơi pháp sở thuyết có lực thực hành khiến giác ngộ.

Lại phát khởi điều nhu tâm như vậy, đó là có 3 kiến: 1. Hoặc nương kia mà chuyển; 2. Hoặc do kia mà biết khắp; 3. Hoặc phải dẫn dắt phát khởi.

- Nương kia mà chuyển: ở nơi các đế chưa đắc hiện quán, vì muốn đắc hiện quán, nên nương thẳng giải kia đồng hành với cực khéo xuyên suốt tập hành chánh kiến mà chuyển.

- Do kia mà biết khắp: do nương chánh kiến thuận với hiện quán, ba sự chấp ngã, hữu thân kiến, tùy miên kia, tánh nương tựa hai kiến đoạn thường, bao gồm quả sở đắc, đều năng rõ biết khắp. Nói 3 sự: 1. Hoặc sở thủ; 2. Hoặc năng thủ; 3. Hoặc như vậy thủ. Trong đây gì là sở thủ? Tức là năm thủ uẩn. Gì là năng thủ? Tức là bốn thủ. Sao gọi

thủ? Tức là bốn thức trụ, tùy theo thứ lớp nên biết như trước, vì chỗ nương của hai tâm thủ. Lại tức ở nơi sở hữu các triền dẫn dắt phi lý, duyên cảnh giới hữu thân kiến kia, nên sanh khởi chấp trước và tùy miên kia nên biết như trước.

- Phải dẫn dắt phát khởi: an trụ ở kia mà năng đoạn trừ vĩnh viễn ba sự chấp trước, hữu thân kiến và tùy miên kia, nơi trí thánh đế không mượn nhờ duyên khác.

Lại nếu lúc nương kia biết khắp, chánh kiến chuyển, nhưng ở nơi ba sự khởi chấp trước ngã và có tùy miên, thì ở trong các hành, hoặc tu tập, hoặc độn chìm còn không khéo biết, không thể nhập hành trung đạo, hướng được xuất lìa. Nếu lúc trụ chánh kiến tùy thuận hiện quán, ở trong ba sự chỗ có chấp ngã đều đã lìa hệ buộc, tuy vẫn còn sự trói buộc của tùy miên kia, mà ở trong các hành hoặc tu tập, hoặc độn chìm năng khéo biết, nên xa lìa hai biên, nhập hành trung đạo. Tuy chưa xuất lìa nhưng kham năng xuất lìa. Nếu đã dẫn dắt phát hiện quán thánh đế, do chánh kiến nên ở trong ba sự không chấp trước ngã, xa lìa tùy miên. Trước đã thú nhập hành trung đạo rồi, về sau do đây mới

đắc xuất lià. Như vậy khi ba kiến chuyển mà có sự sai khác đây.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

*Chóng thông, tự thể, trí, cảnh giới
Lưu chuyển, hành, vui đủ, thuận dòng
Tướng biết đoạn, tướng, lập trái tư lương
Sau rộng thuyết phẩm việc làm thầy...*

Vì muốn chúng đắc giải thoát chân thật rốt ráo chưa chứng đắc, lược có 3 pháp năng khiến nhanh chóng thành tựu thông tuệ:

1. Lược trí: nếu an trụ trí kia không gián đoạn, kham năng vĩnh viễn tận các lậu, nên biết tức là trí kiến hữu học.

2. Lược không phóng dật: đã đạt được trí kiến như vậy, tức nương đạo đã đắc ấy làm phương tiện siêng tu, tâm canh phòng pháp ác bất thiện sanh khởi.

3. Lược luôn huân tập: tức nương phương tiện đây siêng tu, thường thực hành, thường triển chuyển, trọn không nghỉ hoặc: “Ngày hôm nay ta đã được tận các lậu, tâm giải thoát chưa?”. Đối với ngày mai, ngày mốt... cũng khởi nghĩ như thế. Do

tà suy nghĩ đây khiến tâm căng thẳng, chán chường, mệt mỏi. Nếu không suy nghĩ sẽ không nhàm mỏi, do không nhàm mỏi liền không khiếp sợ, đã không khiếp sợ thì không xả gia hạnh, năng tận các lậu.

Hỏi: Sao gọi là trí và kiến có sự sai khác?

Đáp: Nếu chiếu soi cảnh quá khứ và vị lai không hiện thấy, tuệ đây gọi là trí. Chiếu soi cảnh hiện tại, tuệ đây gọi là kiến.

Lại sở thủ làm duyên, tuệ đây gọi là trí. Năng thủ làm duyên, tuệ đây gọi là kiến.

Lại do văn tư mà thành, tuệ đây gọi là trí. Do tu mà thành, tuệ đây gọi là kiến.

Lại phiền não đã đoạn, năng chứng giải thoát, tuệ đây gọi là trí. Năng đoạn phiền não, tuệ đây gọi là kiến.

Lại duyên cảnh tự tướng, tuệ đây gọi là trí. Duyên cảnh cộng tướng, tuệ đây gọi là kiến.

Lại do giả thi thiết, khắp ở trong ngoài các hành kia hoặc lập là ngã, hoặc lập hữu tình, trời, rồng, dục-xoa, kiện-đạt-phược, a-tổ-lạc, khiết-lộ-trà, ni-hô-lạc-già... hoặc lập quân, rừng, núi, nhà... dụng hết thấy hành thuận theo lý thế tục như thế duyên cảnh sở tri, tuệ đây gọi là trí. Nếu năng

nắm giữ ở tự tướng, cộng tướng, tuệ đây gọi là kiến.

Lại tầm cầu các pháp, tuệ đây gọi là trí. Đã tầm cầu rồi tứ sát các pháp, tuệ đây gọi là kiến.

Lại duyên ảnh tượng vô phân biệt làm cảnh, tuệ đây gọi là trí. Duyên ảnh tượng có phân biệt làm cảnh, tuệ đây gọi là kiến.

Lại ảnh tượng có sắc nhĩ diệm làm duyên, tuệ đây gọi là kiến. Ảnh tượng không sắc nhĩ diệm làm duyên, tuệ đây gọi là trí.

Khi kia dụng phương tiện hoặc trí hoặc kiến như vậy làm chỗ nương cho việc tu tập, lại thêm siêng tu 4 sự thiện xảo:

1. Sự quán sát: là bốn niệm trụ. Tu tập đây vì muốn đối trị bốn điên đảo và vì như thật biết khắp tất cả cảnh.

2. Sự xả thủ: là bốn chánh đoạn. Tu tập đây vì muốn đoạn trừ pháp bất thiện và vì tu tập các pháp thiện.

3. Sự xuất thọ: là bốn thân túc. Đây nương thứ lớp bốn tinh lực mà năng ra khỏi, đầu tiên là căn ưu cho đến căn lạc.

4. Sự phương tiện: là các căn, lực, giác chi,

đạo chi. Nên biết đây là phương tiện chính yếu năng đoạn phiền não kiến sở đoạn và tu sở đoạn.

Như vậy người siêng tu sự thiện xảo nên biết có 4 chủng nghĩa sở y, năng y.

Nghĩa sở y: đó là dụng quán hành để chánh siêng tu tập.

Nghĩa năng y: thành tựu học, các pháp vô lậu vẫn chưa thanh tịnh, vì còn màng vô minh sót thừa bao bọc.

Lại phải nương đạo thanh tịnh thì về sau các pháp vô lậu kia mới được thanh tịnh. Đạo thanh tịnh đây nên biết có 4 chủng thực hành sai biệt: 1. Tập quen gần gũi chánh pháp, chân chánh tinh lự thâm sâu; 2. Gần gũi những việc làm của bạn lành; 3. Lấy thọ trì giới, mật hộ căn môn, thiếu dục... để huân tập điều luyện tâm; 4. Một mình ở chốn không nhân, thực hành Chỉ và Quán, lấy sự an lạc chân chánh thù thắng làm trợ bạn.

Lại, thanh tịnh các pháp vô học kia tức là nương đạo thanh tịnh hành đây nhiều tu tập, dụng pháp hữu học phá màng vô minh tối tăm, hướng đến vô học địa.

Lại vì đặc giải thoát chân thật rất ráo lược có

5 chủng thứ lớp: 1. Trước lấy tích tập tư lương làm chỗ nương; 2. Lấy đây làm chỗ nương tu Chỉ và Quán; 3. Lấy đây làm chỗ nương, đầy đủ hiện quán đế, thắng giải Niết-bàn; 4. Lấy đây làm chỗ nương, nên ở nơi chút phần chứng đắc thấp kém không sanh vui đủ, cũng không an trụ nơi pháp đáng nhàm chán mà sanh sâu yểm hoạn; 5. Lấy đây làm chỗ nương, nên chứng đắc Kim cương dụ đ. nh cuối cùng tương ứng tâm học.

Lại nữa, do 5 nhân duyên nên biết tất cả các hành tự thể đều vô thường, vì thọ lượng của tất cả tự thể đều có hạn. Giả sử có người muốn tự khảo nghiệm: “Ta nay dùng tay nắm giữ viên bìn hoặc viên phấn bỏ trải qua bấy nhiêu thời gian như vậy...”, khởi muốn này rồi theo đó nắm giữ. Bấy giờ người kia giữ ý thích này năng cầm mãi không vất bỏ, cho đến về sau muốn vất bỏ tức liền vất bỏ, muốn nắm giữ tức liền nắm giữ. Không phải như giới hạn tuổi thọ của thân, đến lúc thọ lượng đã tận, muốn trì hoãn một sát-na còn không được toại nguyện, hà huống sống lâu. Lại tất cả tự thể kia vì nhân sanh khởi, vì nhân tạo tác, vì vô thường.

Lại có tự thể rộng lớn hưng thịnh nhưng chung

quy đều tiếp xúc với hoại diệt khả đắc, đó là chư thiên và loài người thuộc Dục giới, Sắc giới, Đại Phạm, Đế Thích, Chuyển luân vương...

Lại do A-hàm không điên đảo, đó là chư Phật Thế Tôn hiện kiến, hiện chứng pháp tánh vô thường của các tự thể, nên theo đó tuyên thuyết.

Lại đây đủ sai biệt của các kẻ thọ dục có 3 chủng, do nhân duyên đây các kẻ thọ dục nương đây hằng thường hý luận. Những gì là ba? 1. Đây đủ vật dụng nuôi thân; 2. Đây đủ tự thể; 3. Đây đủ cúng dường của hữu tình thù thắng.

Nên biết lại có 3 chủng nhân duyên năng được đầy đủ sai biệt như vậy: đó là do thí, giới đồng hành điều phục các căn và do đắc quả trong việc tu tập Từ cõi Dục. Từ làm đạo dẫn đầu, Từ làm nhân nương tựa, đối với các hữu tình tổn hại mà hành tướng tịch tĩnh chuyển.

Lại nữa, nên biết ở sự sở tri có 7 chủng trí như thật thông đạt hành: 1. Trí đã đắc; 2. Trí chưa đắc; 3. Trí không điên đảo; 4. Trí thị xứ “không phải có” biết không phải có; 5. Trí thị xứ còn lại biết “chẳng không”; 6. Trí khổ bất tịnh; 7. Trí chóng hoại diệt.

Lại do 15 chủng tướng hiểu rõ các hành, năng nhanh chóng đoạn diệt ngu si đối với tất cả hành. Những gì là mười lăm? Vì như thủy giới phát sanh nên vô ngã, hiển hiện tương tự ngã, nên không trụ bền chắc. Vì không tùy thích uốn nắn nên hiểu rõ các sắc giống như đồng nước bọt. Vì pháp tương tự ba hòa hợp sanh, như phương tiện hòa hợp của mây, đất, mưa, nên hiểu rõ các thọ dụ bọt nước nổi. Vì pháp tương tự năng hiển rõ, năng đốt cháy, năng khiến mê loạn ở nơi cảnh sở tri, nên hiểu rõ các tướng đồng như bóng nắng. Vì pháp tương tự đoạn trừ căn bản thân kiến, vì nhân của nhiều phẩm tự thể sai biệt, vì thời lượng sát-na không lúc tạm dừng, nên hiểu rõ các hành giống như cây chuối. Vì pháp tương tự của hữu, thủ... nương bốn thức trụ, phát khởi chủng chủng tự thể theo đó chuyển, nên hiểu rõ các thức như việc huyền... Đây đã rộng phân biệt ở trước trong phần *Nhiếp dị môn*.

Lại nữa, có 2 chủng thể gian nhiếp tất cả hành: 1. Hữu tình thể gian; 2. Khí thể gian. Hữu tình thể gian gọi là chủng loại sanh tử. Khí thể gian gọi là khí sanh tử.

Chúng loại sanh tử vì không đồng với pháp sanh tử khác, nên so với khí sanh tử lược có 5 điều không đồng phạm. Đó là khí sanh tử cộng nhân mới sanh khởi. Chúng loại sanh tử không do cộng nhân mà sanh. Đây gọi là do nhân không đồng phạm thứ nhất.

Lại khí sanh tử ở vô tử có ngăn mé trước sau đoạn dứt. Chúng loại sanh tử ở vô tử trọn tương tục lưu chuyển thường không đoạn dứt. Đây gọi là do thời không đồng phạm thứ hai.

Lại khí sanh tử nếu lúc hoại diệt chỉ là sự hoại diệt của thủy hỏa phong. Chúng loại sanh tử thì không như vậy. Đây gọi là do sở trị không đồng phạm thứ ba.

Lại khí sanh tử không vĩnh viễn đoạn nhân. Chúng loại sanh tử thì không như thế. Đây gọi là do đoạn không đồng phạm thứ tư.

Lại khí sanh tử đoạn rồi lại tiếp nối. Chúng loại sanh tử đoạn rồi không tiếp nối. Đây gọi là do tiếp nối không đồng phạm thứ năm.

Lại nữa, tất cả ngu phu lưu chuyển không dừng trong sanh tử do 5 chủng tướng: 1. Do nhân ái; 2. Do quả ái; 3. Do tự tánh ái; 4. Do nhân triển chuyển;

5. Do nhân triển chuyển nương nơi tiền tế không cùng tận.

Nhân ái: tức là vô minh.

Quả ái: các nghiệp năng đến nẻo thiện và nẻo ác. Vì cơ sao? Nghiệp đến nẻo thiện là do ái kiết trói buộc khiến ngu phu tự nhiên vui thích tìm đến. Nghiệp đến nẻo ác là do vòng xích của ái trói buộc khiến ngu phu dẫu không muốn đi đến mà bị bức bách khiến đi.

Tự tánh ái lược có 3 chủng: 1. Ái hậu hữu; 2. Ái đồng hành hỷ tham; 3. Ái hỷ lạc kia kia. Ba ái như vậy tóm lược thấu nhiếp làm hai: 1. Ái hữu; 2. Ái cảnh. Ái hậu hữu gọi là ái hữu.

Ái đồng hành hỷ tham: tức là chỗ có tham ái do ở nơi cảnh giới hiện tiền sắp được, ở nơi cảnh giới đã được chưa thọ dụng và kể cả ở nơi cảnh hiện tiền đang thọ dụng.

Ái hỷ lạc kia kia: là chỗ có tham ái do có sự mong cầu cảnh ở vị lai. Nên biết trong đây do ái đồng hành hỷ tham, nên gọi là ái kiết trói buộc. Do ái hậu hữu và ái hỷ lạc kia kia, nên gọi là vòng xích của ái trói buộc. Nếu ở sự việc kia bị ái kiết trói buộc, gọi là đi nhanh. Nếu ở sự việc kia bị

vòng xích ái trói buộc, gọi là lưu chuyển.

Lại trường thời nhân triển chuyển dẫn đến các hành tương tục, tiền tế khó biết, hậu tế không cùng tận.

Ngu phu do 5 tướng mà bị lưu chuyển, nên biết cũng do năm tướng mà bị trói buộc: 1. Ở xứ kia trói buộc; 2. Do kia mà trói buộc; 3. Chính đây năng trói buộc; 4. Nương kia nên trói buộc; 5. Có sự lãnh thọ.

Ở xứ kia trói buộc: do nghiệp năng đến đường thiện, nên trụ ở đường thiện mà bị trói buộc. Hoặc do nghiệp năng đến đường ác, nên trụ ở đường ác mà bị trói buộc. Lại do ái đồng hành hỷ tham nên trụ ở sự việc như vậy mà bị trói buộc, do ái hỷ lạc kia kia và ái hậu hữu nên trụ ở sự việc như vậy mà bị trói buộc.

Do kia mà trói buộc: ngu phu dị sanh bị vô minh trói buộc.

Chính đây năng trói buộc: là pháp tương tự đồng loại với khổ mà không biết nhằm chán.

Nương kia nên trói buộc: nương hậu uẩn mà bị trói buộc.

Có chỗ lãnh thọ: lãnh thọ các thứ khổ như sanh...

Lại nữa, ngu phu dị sanh ở nơi sự hữu lậu có 4 vui đủ, nên biết phần nhiều là các ngoại đạo. Những gì là bốn? 1. Vui đủ nơi thân người; 2. Vui đủ nơi thân trời Dục giới; 3. Vui đủ sanh cõi Phạm thế; 4. Vui đủ cho đến biên tế Hữu đánh. Ngu phu ở 4 vui đủ kia tùy theo thứ lớp hoặc đi nhanh, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm có sự sai biệt.

Lại ở nơi sự hữu lậu có 5 chủng sở hành của đường ái của tất cả ngu phu: 1. Hậu hữu; 2. Mong cầu cảnh giới vị lai; 3. Cảnh giới hiện tiền sắp được; 4. Chỗ có cảnh giới đã được; 5. Cảnh giới hiện tiền thọ dụng. Nên biết ở nơi năm chủng kia, thứ lớp hoặc đi nhanh, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm có sự sai biệt. Trong đây, đi nhanh có 2 chủng: 1. Ở hậu hữu; 2. Mong cầu cảnh giới vị lai.

Lại có 4 chủng sở hành của đường ái: 1. Ý nghiệp mong cầu cảnh giới; 2. Hai nghiệp thân, ngữ; 3. Đạt được; 4. Nơi những gì đã được, tùy theo dục hoặc triển chuyển, hoặc huân tập. Đây là phát nghiệp sở hành của đường ái, hoặc mong cầu cảnh giới, hoặc lại mong cầu các hữu. Nên biết ở nơi bốn chủng sở hành của đường ái kia, tùy theo thứ lớp hoặc đi nhanh, hoặc đứng, hoặc

ngồi, hoặc nằm có sự sai biệt.

Như ở nơi sự hữu lậu chỗ có 4 vui đủ cho đến sở hành của đường ái, tùy theo thứ lớp hoặc đi nhanh, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm có sự sai biệt, thì ở nơi sự hữu lậu chỗ có hỷ lạc, hỷ luận, nhiễm trước và đam mê vui thích tùy theo thứ lớp hoặc đi nhanh, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm nên biết cũng vậy.

Lại có 2 chủng tướng quả sở hành của đường ái sai biệt: 1. Tâm sai biệt; 2. Thân sai biệt.

Tâm sai biệt lại có 2 chủng: 1. Phẩm loại sai biệt: do tự tánh, do sở y, do sở duyên và do trợ bạn; 2. Tạp nhiễm sai biệt: do sở hữu phiền não tham sân si... và tùy phiền não.

Thân sai biệt cũng có 2 chủng: 1. Vì chủng chủng thân sai biệt; 2. Vì một chủng thân sai biệt.

Nên biết trong đây chỗ có tạp nhiễm của tâm sai biệt năng là nhân của hai chủng thân sai biệt. Vì đoạn kia, các hành giả nên dùng lớp lớp tác ý không điên đảo mà siêng tu quán hành.

Lại do 4 chủng nhân sai biệt khiến quả sai biệt:

1. Ở đây sai biệt: ở sở hữu đường thiện, đường ác sai biệt.

2. Do đây sai biệt: do tham sân si nhiễm ô tâm khiến kia có sự sai biệt.

3. Tức đây sai biệt: năm chủng hành nhiếp thọ chủng chủng thân sai biệt.

4. Như đây sai biệt: ở nơi nhân duyên, lưu chuyển, tạp nhiễm, thanh tịnh của các hành và thể thanh tịnh đều không như thật biết, mà lại phát sanh vui thích... và chủng chủng hoặc đi nhanh, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm sai biệt.

Lại nữa, các loại ngu phu bởi không thể rõ biết thông đạt các hành vô thường, nên lấy thân kiến làm chỗ nương, thuận dòng mà hành chuyển. Do 5 chủng tướng nên thuận dòng mà chìm nổi: 1. Hoặc ở đây chìm nổi; 2. Hoặc do đây chìm nổi; 3. Hoặc nương đây chìm nổi; 4. Hoặc như đây chìm nổi; 4. Hoặc chỗ có các tướng lúc bị chìm nổi.

Ở đây chìm nổi: ở đường thiện, đường ác mà bị chìm nổi, như tấp vào hai bờ kia đây, đến lui đều bị chìm nổi.

Do đây chìm nổi: do ngâm mình trong biển ái mà bị chìm nổi. Nên biết đây có 5 chủng tướng: 1.

Rong ruổi nơi các cảnh giới, hướng xuống phần dưới; 2. Vì thuận theo hành vi tế khó thể hiểu rõ; 3. Ở các cảnh giới khó thể xoay chuyển quay đầu; 4. Vì cho đến Hữu danh, chủng chủng các hành đuổi theo đều rộng lớn; 5. Vì tướng thân tâm tán loạn, không tịch tịnh.

Nương đây chìm nổi: nương năm chủng các hành như sắc... mà bị chìm nổi, tức ở hai bờ là đường thiện và đường ác có năm chủng hành phẩm loại sai biệt lớp lớp nắm bắt duyên thuận theo dòng chìm nổi.

Như đây chìm nổi: Chìm nổi thế nào? Như trước đã thuyết ở nơi các hành tùy theo thứ lớp bị lưu chuyển... mà không như thật biết, tức là kế chấp cho là ngã và ngã sở.

Chỗ có các tướng lúc bị chìm nổi: những kẻ kia lúc bị chìm nổi như vậy, tuy yêu quý thân muốn giữ lâu dài, nhưng do tự tánh diệt nên không thể trụ lâu, tức là bị chìm nổi. Trái với tướng đây nên biết là người hành ngược dòng chảy.

Lại người thông tuệ có 10 chủng tướng nên biết nhiếp đầy đủ các tướng thông tuệ: 1. Thành tựu tuệ câu sanh; 2. Thành tựu tuệ do huân tập

văn, tư, tu; 3. Thành tựu tuệ không bị dao động, khéo tư duy điều nên tư duy, khéo nói điều nên nói, khéo làm điều nên làm; 4. Năng tự nương mình, tánh chưa từng nương gởi mạng nơi người; 5. Phàm mong cầu điều gì tất cả đều vì lợi ích an lạc; 6. Phàm tất cả điều mong cầu đều nương chánh hạnh, đều dụng theo pháp, không dụng phi pháp; 7. Đối với tài sản, vật dụng nuôi thân... năng phòng hộ cẩn thận khiến không bị hoại mất, hư hỏng; 8. Vào lúc thọ dụng quán thấy quá hoạn; 9. Vào lúc bệnh duyên, quán sát chọn lựa thuốc trị bệnh rồi sau mới uống; 10. Năng khéo tránh duyên chết phi thời. Mười chủng tướng thông tuệ như vậy nhiếp đầy đủ các tướng thông tuệ.

Lại nữa, người nương lý vô ngã ở trong các hành, hoặc biết hoặc đoạn, nên biết lược có 3 tướng sai biệt:

1. Người ở nơi các hành năng khắp rõ biết mà hữu thân kiến chưa đoạn hẳn, thì ở nơi các hành kia phần nhiều quên mất chánh niệm mà bị chuyển theo, ít phần không quên mất niệm. Nếu hữu thân kiến đã vĩnh viễn đoạn, nên biết tướng đầy trái với tướng kia. Đây gọi là tướng sai biệt thứ nhất.

2. Người ở trong các hành tuy khắp rõ biết mà thân kiến chưa đoạn hẳn, thì ở trong các cảnh sự khả ái rộng lớn sanh nhiều vui thích, ở cảnh sự thấp hèn không khả ái sanh nhiều ưu khổ. Lúc hai cảnh giới kia hiện tại tiền, nếu hành không phóng dật, tự mình còn không thể buộc tâm giữ gìn nơi chánh niệm, huống là phóng dật. Lúc bấy giờ sẽ bị thân kiến trói buộc quấy nhiễu nơi tâm, do đây khiến tâm không thể hiểu rõ. Nếu thân kiến đã vĩnh viễn đoạn, nên biết tướng đây trái với tướng kia. Đây gọi là tướng sai biệt thứ hai.

3. Người ở trong các hành mà thân kiến chưa đoạn hẳn, chưa thể ở tất cả các hành bên trong hiện tiền an lập lìa tướng hữu tình, như đối với các sự việc cỏ cây lá... bên ngoài. Nếu thân kiến đã vĩnh viễn đoạn, nên biết tướng đây trái với tướng kia. Đây gọi là tướng sai biệt thứ ba.

Như vậy, nếu thân kiến đã đoạn trừ thì có 3 chủng tướng sai biệt trên. Thực hành như vậy dẫn đến 3 chủng thù thắng lợi ích: 1. Vĩnh viễn đoạn tất cả phiền não năng cảm hậu hữu; 2. Nương kia không bao lâu nhanh chóng đạt được tích tập đạo đối trị kia; 3. Vì đã đắc nghĩa tự lợi, tức nương đạo

kia làm phương tiện siêng tu tập khiến được hiện pháp lạc trú, do đây thu được an lạc rộng lớn.

Lại nữa, do 4 sự sai biệt nên biết ở nơi tất cả chúng hành tu tập tướng vô thường, khổ. Những gì là bốn? 1. Do quả sai biệt; 2. Do tự tánh sai biệt; 3. Do phẩm loại sai biệt; 4. Do phương tiện sai biệt.

Quả sai biệt: vì tu tướng đây năng khiến trừ tất cả trạo, mạn, vô minh, tham Dục giới, tham Sắc giới và tham Vô sắc giới. Nên biết trong đây hiển thị ba chủng gốc phiền não được đoạn trừ và hiển thị ba chủng tùy phiền não được đoạn trừ. Vì cố sao? Vì phiền não tham Dục thì trạo làm trợ bạn, phiền não tham Sắc thì mạn làm trợ bạn, phiền não tham Vô sắc thì vô minh làm trợ bạn. Lại có cách nói khác: tức ở trong đây hiển thị thượng phần kiết và hạ phần kiết đều tận diệt.

Tự tánh sai biệt: trong đây do chánh tu tập vẫn thành tựu tuệ gọi là thân cận. Do chánh tu tập tư thành tựu tuệ, từ đây năng nhập tu, gọi là tu tập. Do chánh tu tập tu thành tựu tuệ gọi là nhiều tu tập. Lại do tu tập tác ý liễu tướng, gọi là thân cận. Chân chánh tu tập các tác ý khác, chỉ trừ tác ý gia hạnh cứu cánh, gọi là tu tập. Chân chánh tu

tập tác ý gia hạnh cứu cánh, gọi là nhiều tu tập. Đây gọi là ba chủng sai biệt thứ hai. Lại do tác ý, sở y, sở duyên, tùy theo thứ lớp gọi là thừa, là sự, là tùy kiến lập. Lại do trường thời xuyên suốt tu tập, gọi là thuần thực. Vì lớp lớp không điên đảo tu phương tiện, gọi là khéo lãnh thọ và khéo tăng trưởng.

Phẩm loại sai biệt: khi tu tướng vô thường như vậy, nhanh chóng năng vĩnh viễn nhổ bật tận gốc tất cả tùy miên, xả bỏ tất cả thiện pháp địa dưới, nhiếp thọ tất cả thiện pháp địa trên. Khi tu tất cả tướng bất tịnh khác... tánh cao rộng vô cùng, năng khéo nắm giữ khắp tất cả hành. Giống như quán sát sự sở thủ, tức như vậy mà quán sát sự năng thủ. Giải thoát khỏi tướng kia, năng đắc tướng vô lậu vô thường. Như vậy tất cả hoặc tướng hữu lậu, hoặc tướng vô lậu đều khéo năng tùy thuận nhập vào Niết-bàn, đều khéo năng đối trị vô minh tối tăm sâu rộng, nên tất cả chủng vĩnh viễn đoạn trừ. Các tướng vô học đều do tất cả tướng vô lậu học tăng thượng mà có được. Vì vĩnh viễn đoạn kia nên thanh tịnh sáng sạch.

Phương tiện sai biệt: một mình riêng ở chốn

không nhân, dụng lớp lớp tác ý không đ.ên đảo quán sát tánh các hành vô thường. Do tướng vô thường nên an trụ tướng vô ngã. Ở trong kiến đạo đã trụ tướng vô ngã vô lậu rồi, ở vị tu đạo cao hơn do tướng hữu học vĩnh viễn hại diệt ngã mạn, theo đó chứng đắc đầy đủ hai chủng Niết-bàn.

Lại nữa, vì an trụ Niết-bàn mà chưa khéo tích tập tư lương, lược có năm chủng pháp trái nghịch tư lương: 1. Nhân nhớ nghĩ các việc cời chơi, vui vẻ, hành động... đã từng trải qua trong quá khứ, dẫn phát tác ý đồng hành suy tư nhớ nghĩ khiến phát sanh hết thấy ưu sầu than tiếc; 2. Vì tâm nhớ nghĩ chủng chủng việc kia, trong lúc lắng nghe lãnh thọ pháp cứu cánh lại sanh nhiều vọng niệm, do đây không thể thông hiểu các pháp; 3. Hoặc ăn uống quá nhiều, hoặc ăn uống quá ít, do nhân duyên đây khiến thân nặng nề hay quá gầy yếu, nên nhàm chán không vui tu hành các phạm hạnh; 4. Ham ưa ngủ nghỉ, không xuyên suốt tu tập đoạn, nên bị phẩm thượng thù miên trới buộc; 5. Sống gần gũi những nơi ồn ào hỗn tạp, xa lìa tu tập tư duy các đế, xa lìa gia hạnh chánh pháp. Đây là năm chủng pháp trái nghịch tư lương.

Lại có 5 chủng thuận theo pháp trên: 1. Ở nơi hai sự tu tập ly dục, đó là ly dục do siêng tu phẩm thiện khiến xa dần các dục triền và ly dục do chân chánh đối trị khiến vĩnh viễn hại diệt tùy miên, nhưng vẫn chưa thể lìa một trong hai chủng dục hoặc dục triền hoặc dục tùy miên; 2. Không giữ gìn căn môn; 3. Ăn không biết lượng; 4. Đầu đêm, cuối đêm không thường sách tấn siêng tu tập tỉnh thức Du-già; 5. Không năng quán sát thiện pháp rất ráo. Trái với các tướng trên nên biết gọi là pháp thuận tư lương và năng thuận với pháp kia.

Lại, các Thanh văn tu hành pháp thuận tư lương và nhân duyên thuận theo kia như vậy, trong lúc tu tập cầu thỉnh pháp Niết-bàn, Đại sư vì kia mà chế lập 5 chủng lời dạy chánh đạo.

1. Phải nương điều đã được nghe mà như pháp quán sát: “Khắp tất cả các hành vô thường, các pháp vô ngã, Niết-bàn tịch tĩnh”, lại dùng tác ý thế gian để không sanh nghi hoặc.

2. Vào lúc trụ, không đắm trước tầm tư bất chánh ở ba điều. Những gì là ba? Vật dụng, tiền của để tồn tại mạng sống; Tướng tổn hại người; Hoặc người hủy mắng, hoặc người đồng phạm hạnh

hiện hành một việc xấu ác, không hợp với chánh pháp.

3. Phải lấy dạy trao làm tiền dẫn.

Người kia do nương âm thanh dạy bảo của bậc Đại sư, như lý tác ý ba điều trên, năng phát sanh chánh kiến, năng đoạn tà kiến. Nên biết nương ba điều đây gọi là *vào lúc trụ* thuận theo lời dạy chánh đạo.

Lại, *vào lúc hành* có hai chủng thuận theo lời dạy chánh đạo. Đó là lúc bậc có trí đồng phạm hạnh vì người kia tuyên thuyết về chỗ phải, chỗ không phải mà kia không sanh khởi oán giận. Lại vật dụng, tiền của để nuôi mạng sống hoặc được, hoặc không được, hoặc xấu, hoặc đẹp... Lại các giới của thân không điều hòa, rối loạn... mà tâm đối với việc đây không bị nhiệt não. Đây gọi là thứ nhất. Đối với người được lợi dưỡng cung kính hơn, tâm không phiền muộn. Đây gọi là thứ hai. Do người kia vào lúc trụ, vào lúc hành như vậy, năng chân chánh tu hành đi đến đạo Niết-bàn vi diệu, không bao lâu sau quyết chắc sẽ đắc Niết-bàn trọn không thối thất.

Lại nữa, lược có 5 chủng việc làm của Đại sư

đối với các Thanh văn: 1. Chánh chiết phục; 2. Chánh nhiếp thọ; 3. Chánh quả trách; 4. Chánh thuyết tạp nhiệm; 5. Chánh thuyết thanh tịnh.

Lại nữa, do 2 nhân duyên ở nơi các sự tranh cãi trái vược của Thanh văn, ẩn kín mà ký biệt sự tranh cãi của kia: 1. Vì nhiều loạn thêm rộng lớn; 2. Vì cùng với luật tương ưng.

Lại nữa, do 7 nhân duyên Đại sư đuổi bỏ các chúng Thanh văn: 1. Quán sát tất cả chủng hành của kia đều là tà hạnh; 2. Vì thấy kia phần nhiều hành tà hạnh như vậy; 3. Do phương tiện của các bậc Thượng tọa, Quĩ phạm sư, Thân giáo sư; 4. Vì không thể kham cộng trú; 5. Vì đuổi bỏ kia; 6. Vì tránh xa lỗi hiện tiền; 7. Vì khiến vị lai không sanh khởi lỗi hủy phạm.

Lại nữa, do 10 nhân duyên Như Lai vào nơi thôn xóm khát thực: 1. Vì hiển công đức Đầu-đà; 2. Vì muốn dẫn dắt một phần những kẻ kia khiến thú nhập hạnh khát thực; 3. Vì muốn dùng hạnh đồng sự dẫn nhiếp một phần kia; 4. Vì chúng sanh vị lai phát khởi ánh sáng soi chiếu, cho đến khiến kia tạm khởi xúc chứng điều đó; 5. Vì muốn dẫn nhiếp các ngoại đạo kia với những thắng giải thô tế khác

nhau; 6. Vì nghe thấy sự hủy chê của người nên hiện oai nghi diệu sắc tịch tĩnh, khiến kia sanh tâm cung kính quy hướng; 7. Vì trong xứ kia, chúng sanh dụng ít công lực mà trồng nhiều phước; 8. Vì muốn khiến người phát tâm tín mà xả bỏ phóng dật, sanh sâu tâm quý, tuy dụng ít công lực mà thu được phước lớn. Như vì người phóng dật thì người giải đãi cũng thế; 9. Vì muốn chủng chủng bệnh hoạn, mù điếc, tâm cuồng loạn của chúng sanh đều được lặn dứt; 10. Vì khiến vô lượng vô biên trời, rồng, được-xoa, kiện-đạt-phước, a-tổ-lạc, yết-lộ-trà, khẩn-nại-lạc, ni-hô-lạc-già... có uy lực rộng lớn, tùy tùng theo Như Lai đến nhà người sanh sâu kính ngưỡng, thêm kính trọng hộ trì nhau, không vì nào hại.

Lại nữa, do 8 nhân duyên Như Lai nhập thiên trụ tịch tĩnh: 1. Vì giáo hóa dẫn dắt kẻ vui tạp trụ, khiến kia thú nhập xa lìa sự vui tạp ấy; 2. Vì muốn dùng hạnh đồng sự để thâm nhiếp khiến kia xa lìa; 3. Tự thọ dụng hiện pháp lạc trú; 4. Cùng với đại tộc các trời đồng nhóm hội; 5. Vì dùng Phật nhãn quán sát khắp mười phương thế giới, hiện đại thần biến hóa hiện, tùy theo chỗ thích hợp mà làm việc

nhiều ích; 6. Vì khiến các chúng Thanh văn thấy được Như Lai như thế sanh sâu khát ngưỡng; 7. Vì hiển các đại Thanh văn đối với điều đã lược thuyết năng khéo ngộ nhập; 8. Vì khích lệ xả bỏ sự vui đắm hý luận tạo tác ngôn từ.

Lại nữa, do 5 chủng tướng Đại sư nhiếp thọ các chúng Thanh văn: 1. Vì dùng pháp; 2. Vì dùng tài vật; 3. Vì làm y chỉ; 4. Vì ban đầu nhiếp thọ; 5. Vì đuổi bỏ, xả sự nhiếp thọ.

Lại nữa, do 7 nhân duyên khiến trời Thích, Phạm... đến chỗ Như Lai: 1. Vì cúng dường Như Lai; 2. Vì lắng nghe chánh pháp; 3. Vì quyết liễu những điều sanh nghi hoặc; 4. Vì thuận theo người để trợ giúp; 5. Vì thương xót loài người nên muốn làm nhiều ích; 6. Vì quý trọng thánh giáo Như Lai; 7. Khắp biết Như Lai khởi tâm thế tục muốn đến dự pháp hội.

Lại nữa, do 5 chủng tướng nên biết tất cả tánh ban đầu của người phát tâm xuất gia: 1. Do lớn tuổi xuất gia; 2. Do còn nhỏ xuất gia; 3. Do thiếu niên xuất gia; 4. Do khó nhọc xuất gia; 5. Do thọ Cụ túc xuất gia.

Lại nữa, do 3 chủng tướng sanh khởi ác tác: 1.

Do trái vượt sở học tăng thượng; 2. Do thế thọ pháp luật tăng thượng; 3. Do xả bỏ gia đình tăng thượng.

Lại nữa, Như Lai sắp muốn tuyên thuyết chánh pháp cho các Thanh văn, hiện bốn chủng tướng: 1. Từ chỗ ngồi thấp, an tường đứng dậy tiến đến chỗ ngồi cao nhất, an nhiên ngồi xuống; 2. An trụ thuận theo oai nghi mà thuyết pháp; 3. Phát tiếng cười vang hiện tướng sắp thuyết pháp; 4. Mặt mắt đoái nhìn như Long tượng vương.

Lại nữa, Thanh văn phạm giới ở nơi 3 điều an trụ tà quý, đến chỗ Đại sư: 1. Biết rõ ràng điều mình đã hủy phạm là tăng thượng xứ; 2. Sự thất lễ đối với thầy là tăng thượng xứ; 3. Do sự trái nghịch phép tắc, nên dùng phương tiện oai nghi điều thuận đến chỗ Đại sư là tăng thượng xứ.

Lại nữa, dùng 3 chủng tướng ứng chân chánh quả trách Thanh văn phạm giới: 1. Quả rằng: “Ông trông đợi một cách thấp hèn để tồn tại mạng sống”; 2. Quả rằng: “Ông ý lạc không thanh tịnh” 3. Quả rằng: “Ông vì ý vui tồn tại mạng sống mà hành hạnh phi pháp”.

Lại nữa, ở trong thiện thuyết Tỳ-nại-da, lược

do 6 tướng nên biết nhiếp khắp tất cả tà hạnh:

1. Lỗi lầm hiện hạnh: Do tham triền nên đắm nhiễm, do sân triền nên ganh ghét. Vì đã ôm lòng tham, sân... nên không xấu hổ. Vì không xấu hổ nên an trụ ác, không xả bỏ.

2. Lỗi lầm ý vui: Ở biên đắm nhiễm đây, ý vui tham rất thấp hèn. Ở biên ganh ghét đây, ý vui sân rất thấp hèn.

3. Lỗi lầm gia hạnh: Hoặc không phát khởi tinh tấn, hoặc tinh tấn trì trệ.

4. Lỗi lầm trí tuệ: Hoặc ở nơi sự huân tập tuệ do văn, tư mà thành tựu, quên mất chánh niệm, trụ nhiều ngu si; ở nơi sự huân tập tâm do tu mà thành tựu, không tịch định.

5. Lỗi lầm tâm tư: Ở nơi điều ác bất thiện của đời sống tại gia mà thuận theo, sanh khởi nhiều tâm tư; ở nơi chánh pháp luật, tâm bị nhiễu loạn.

6. Lỗi lầm do nương tựa: Kẻ kia vào thời trước do không tu tập làm nhân, nên nay thành tựu tự tánh tín mỏng kém, thành tựu tự tánh tu tập trụ ít giới, thành tựu tự tánh trụ ít nhớ nghĩ, thành tựu tự tánh ít tuệ câu sanh.

Lại nữa, do 4 chủng tướng năng khiến người

kia tuy nhập thánh giáo mà hành tà hạnh: 1. Do ý vui mừng kém bất tịnh; 2. Do mong muốn tìm cầu thánh giáo cạn mỏng khiến chánh pháp suy đồi; 3. Do chú trọng nhân duyên ăn uống, y phục và mạng sống; 4. Do sợ hãi vua, giặc, chủ nợ bức bách. Nếu hành các tà hạnh như thế khiến phát sanh sự ngưng trệ của 2 phần: 1. Sự ngưng trệ do hoại mất nghĩa tự lợi của người tại gia; 2. Sự ngưng trệ do hoại mất nghĩa tự lợi của người xuất gia.

Lại nữa, hành tà hạnh như vậy có hai nhân duyên là tâm tư bất chánh và tướng bất chánh, năng làm hành tiền dẫn cho ba điều là vật thực, y phục và mạng sống. Đối với ba điều kia trước phát khởi các tướng bất chánh, rong ruổi theo tướng hảo; sau thuận theo pháp kia càng rong ruổi theo tâm tư, càng rong ruổi theo pháp quán sát sâu dày thêm.

Lại nữa, vì đoạn trừ nhân duyên tà hạnh như vậy, nên biết cũng có 2 chủng đối trị: 1. Vì đoạn tâm tư bất chánh thì lớp lớp thực hành hai hạnh không điên đảo, đó là nơi tâm an trụ chánh niệm và an trụ thiện; 2. Vì đoạn các tướng bất chánh nên tu tập Vô tướng tâm tam-ma-địa. Trong việc tu

tập đối trị đây, cần yếu do bên trong vui muốn mạnh mẽ thì sự đối trị kia mới thành tựu trọn vẹn, không thể thiếu vui muốn mạnh mẽ. Vui muốn mạnh mẽ đây do 2 duyên mà phát sanh: 1. Thấu hiểu việc đối trị đây có quả to lớn; 2. Không cùng chung tất cả ngoại đạo.

Có quả to lớn: lúc tu tập liền năng nhanh chóng chứng Vô tướng tâm định và trụ hai môn cam lồ diệu giới là Đoạn giới và Vô dục giới. Nếu an trụ đây càng tiến gần hai Niết-bàn là Hữu dư y và Vô dư y hiện tại chưa chứng đắc.

Không cùng chung: Vô tướng định duy chỉ có người trụ nội pháp chứng đắc, các ngoại đạo không có. Vì có sao? Do ngoại đạo kia nếu có sở đắc tức liền tăng thêm, không quán như lượng; nếu không sở đắc tức liền phân biệt hư vọng. Do ngã kiến nên ngu si đối với các hành, hoặc chỉ ở nơi thân hữu sắc, hoặc chỉ ở nơi vô sắc, hoặc ở cả hai mà sanh ngã chấp trước. Vì chấp chặt ngã cho là “Ngã sẽ không”, nên đối với Niết-bàn tâm không vui thích. Vì không vui thích, nên tâm còn chưa năng thú nhập hưởng là an trụ, chỉ tăng thêm kinh hãi, tâm trở lại thối thất. Người trụ nội pháp trái với tướng

kia, đối với Bát-niết-bàn tâm không thối chuyển, biết rõ chỉ có khổ diệt, thấy rõ chỉ có công đức thanh tịnh. Nếu hàng hữu học chỉ vui cầu tịch diệt bên trong, không vì cầu đạo sanh, phải nên từ người thỉnh cầu dạy răn dạy trao. Nếu hàng vô học thì chỉ vui thích tịch diệt bên trong, trọn không mong cầu tận trừ các phiền não, chỉ có nhân trước phát sanh các hành nhậm vận quy về diệt mà Bát-niết-bàn.



Quyển 87

Thứ 1. NHIẾP TRẠCH SỰ HÀNH KHẾ KINH

Phần 3

Lại nữa, Ớt-Đà-Nam nói:

Nhân, thắng lợi, hai trí

Ngu phu phân vị năm

Hai chủng kiến sai biệt

Ở nơi thánh giáo thầy.

Nhân của tất cả hành lược có 2 chủng: cộng và bất cộng.

1. Cộng nhân: Lấy hỷ làm nhân trước tiên. Do hỷ đây nên mỗi chỗ sanh đến, tự thể được thấm nhuần, chướng ngại cho sự nhàm chán xa lìa. Ở xứ sắp muốn sanh đến kia tuy có tất cả nhân phiền não, mà ở nơi xứ hỷ đã sanh ấy không thể đối với phiền não kia khởi tưởng nhàm chán trái lìa. Lại tức hỷ đây chỉ nương sắc mà nói, nhân trước đã sanh, không đợi nhân khác mà tự chính nó rốt ráo chuyển.

2. Bất cộng nhân: Đó là xúc thuận theo khổ, lạc, không khổ không lạc, nhìn về phía pháp sở hữu của tâm là thọ... ý diệt không gián đoạn đồng sanh danh. Hết thấy mười chủng sắc nhìn về phía sáu chủng thức, do tất cả kia tuy từ nhân trước mà được sanh, nhưng sát-na sát-na riêng đợi nhân khác mới được sanh khởi.

Lại nữa, các A-la-hán tâm giải thoát, trí kiến thanh tịnh có 4 thắng lợi, nên biết không cùng chung với ngoại đạo: 1. Vào lúc hành, an trụ tánh thường hằng; 2. Vào lúc trụ, an trụ tánh vô tướng; 3. Nhân xa xưa sanh khởi các hành nhậm vận quy về diệt; 4. Vì nay nhân của các hành hậu hữu đã đoạn, nên không sanh khởi trở lại. Vì chứng bốn chủng thắng lợi như vậy nên có ba thứ lớp: vì lấy học trí kiến làm chỗ nương, nên chạm đến sự nhàm chán xa lìa, tức ở trong các hành không sanh vui thích, cho đến không trụ đắm say vui thích. Vì chán lìa làm tiền dẫn, nên đắc ly dục. Vì ly dục làm tiền dẫn, nên đắc tâm thiện giải thoát. Từ đó về sau, tức do thường hằng an trụ tâm thiện giải thoát như vậy, nên không thuận theo cũng không chống trái.

Hoặc vào lúc hành, hoặc vào lúc trụ, ở nơi tất cả tướng không tác ý trở lại; ở nơi vô tướng giới, tác ý tư duy trụ vô tướng. Ở đây tất cả kiến thú trước năng làm chướng ngại, nay đã vĩnh viễn đoạn trừ, huống sẽ làm trở ngại. Do kia dụng hai lúc hoặc hành hoặc trụ như vậy cho đến khi thọ tận, dụng vô học bên trong Bát-niết-bàn mà Bát-niết-bàn. Trước sanh khởi hữu thì nay vĩnh viễn tận, đương lai các hành không sanh khởi trở lại.

Lại do 3 phần nên biết kiến lập hữu thân kiến làm căn bản của tất cả kiến thú:

1. Đồng hành tiền tế: Như có người khởi nghĩ: “Ta ở đời quá khứ là từng có chăng? Là từng không chăng? Đã từng là cái gì? Từng có thế nào?”.

2. Đồng hành hậu tế: Như có người khởi nghĩ: “Ở đời vị lai ta sẽ có chăng? Là sẽ không chăng? Sẽ là cái gì? Sẽ có thế nào?”.

3. Đồng hành tiền hậu tế: Như có người khởi nghĩ: “Ta từng là ai? Ai sẽ là ta? Nay hữu tình đây từ chỗ nào đến? Ở đây chết rồi sẽ đi về đâu?”.

Lại, các ngoại đạo lấy hữu thân kiến làm căn bản nên có 62 kiến thú ác. Đó là 18 kiến thú ác là luận thuyết ngã kế chấp tiền tế: 4 luận thường

kiến, 4 luận một phần thường kiến, 2 luận không nhân, 4 luận tướng có biên không biên, 4 luận bất tử kiểu loạn. Và 44 kiến thú ác là luận thuyết ngã kế chấp hậu tế: 16 luận tướng hữu kiến, 8 luận vô tướng, 8 luận phi hữu tướng phi vô tướng, 7 luận đoạn kiến, 5 luận hiện pháp Niết-bàn.

Luận kế chấp hậu tế như vậy lược nhiếp có 5 chủng: 1. Luận hữu tướng; 2. Luận vô tướng; 3. Luận phi hữu tướng phi vô tướng; 4. Luận đoạn kiến; 5. Luận hiện pháp Niết-bàn. Năm chủng như vậy lại lược làm ba: 1. Luận thường kiến; 2. Luận đoạn kiến; 3. Luận hiện pháp Niết-bàn.

Lại tất cả các kiến thú ác đây do 6 nhân duyên mà được kiến lập: 1. Do nhân duyên; 2. Do nương giáo; 3. Do nương tinh lự; 4. Do nương đời; 5. Do nương các kiến; 6. Do nơi sanh đến.

1. Do nhân duyên: Kia lấy tất cả các hữu thân kiến làm nhân duyên.

2. Do nương giáo: Là do nương kia năng hiển kiến thú pháp tạng không đúng chánh pháp, thầy trò lắng nghe triển chuyển truyền lại cho

nhau, lấy đây làm phương tiện.

3. Do nương tĩnh lự: Vì lấy tĩnh lự làm chỗ nương, đối với những điều trước đã nghe và trước đã tin hiểu mà lại xác quyết theo như vậy. Tĩnh lự đây lại có 2 chủng: *a.* Cùng đồng hành với túc trụ tùy niệm; *b.* Cùng đồng hành với sở đắc thiên nhãn.

a. Đồng hành với túc trụ tùy niệm: Trong 3 luận thường của kế chấp tiền tế, do thanh tịnh phẩm hạ, trung, thượng sai biệt và 4 chủng luận có biên, không biên. Kể kia nhớ nghĩ các khí thể gian có hai kiếp thành hoại nên xuất hiện phương tiện. Nếu kể kia nhớ nghĩ phần vị kiếp thành, bấy giờ liền sanh ba chủng vọng tưởng. Hoặc một hướng nhớ nghĩ trên dưới, trên đến Đệ tứ tĩnh lự, dưới đến địa ngục Vô gián. Nhớ nghĩ như vậy có phần lượng biên tế, liền ở nơi thế gian trụ tướng có biên. Hoặc một hướng nương vào nhớ nghĩ không có biên tế, liền ở nơi thế gian trụ tướng không biên. Hoặc nhớ nghĩ đồng hành hai chủng, liền ở nơi thế gian trụ đủ cả hai tướng. Nếu kể kia nhớ nghĩ phần vị kiếp hoại, bấy giờ liền trụ tướng không phải có biên, tướng không phải không biên,

các khí thể gian không chỗ có được.

b. *Đồng hành với sở đắc thiên nhãn*. Có kẻ nương các tinh lự, hoặc nói một phần luận thường, hoặc nói luận không nhân, hoặc nói luận bất tử kiểu loạn. Trong đây có hai tịnh thiên: 1. Bất thiện thanh tịnh; 2. Thiện thanh tịnh.

Nếu người chỉ năng nhập định thế tục là thiên bất thiện thanh tịnh, vì ở trong các đế không thông đạt, vì tâm chưa được thiện giải thoát. Nếu người năng chứng nhập định nội pháp, nên biết gọi là thiên thiện thanh tịnh, vì trong các đế đã thông đạt, vì tâm đã được thiện giải thoát.

Nên biết *không loạn* cũng có 2 chủng: 1. Không tướng không phân biệt; 2. Có tướng có phân biệt. Trong đây thiên thiện thanh tịnh là chủng thứ nhất. Thiên bất thiện thanh tịnh là chủng thứ hai.

Thiên thiện thanh tịnh thứ nhất tự mình chuyển theo ở nơi bất tử không loạn, cho nên thuyết là bất tử không loạn.

Thiên bất thiện thanh tịnh thứ hai: nếu có người nương bất tử không loạn mà có điều cật vấn, liền vin dựa nơi sự việc khác mà đối trá tránh né; ở nơi các đế không khéo léo, chưa đắc tâm vô

tướng định. Trước khởi tâm trầm tư nghĩ rằng: “Tất cả ta đều trả lời bằng cách xưng khen bất tử không loạn”.

Lại có kẻ bất tử không loạn khác, ở các thánh đế đã được khéo léo, đã đắc tâm vô tướng định. Do sở đắc như vậy mà kia hư vọng cho là “Ta là hơn cả. Nếu có người đối với việc đây mà hỏi ta, ta hoặc trả lời riêng, hoặc trả lời khác đi, hoặc phỉ báng thật có, hoặc chấp nhận là không phải có”. Kẻ kia ở nơi sự trả lời riêng thấy có lỗi lầm rồi, liền khởi nghĩ: “Ta đối với tất cả sự cật vấn đều không nên trả lời”. Lại có kẻ đối với việc đây thấy có lỗi khác, khởi nghĩ: “Người do đây quán xét ta, nguyên nhân không hiểu biết của ta sẽ khiến họ khinh thường cười nhạo bất tử không loạn”.

Lại có kẻ hành dối trá nghĩ rằng: “Ta ở trong đây nên trả lời rằng ta chẳng phải tịnh thiên. Tất cả đều kín đáo trả lời riêng là tự mình chứng đắc và thanh tịnh đạo”. Suy nghĩ như vậy rồi cố dùng lời dối trá hiện tướng kiêu loạn. Kẻ kia đã trụ tà tư duy như thế, lưu bố khắp tâm như thế, ở nơi thiên thanh tịnh tối thượng kia mà tự xưng “Ta là bất tử không loạn”. Do ôm lòng hãi sợ nên không

trả lời riêng, tự tác nghĩ: “Ta chớ để người biết được sự thấp kém ngu muội của mình”. Do nhân duyên đây, không thể giải thoát, lấy đây làm nhà mà tự an ổn trong ấy.

Lại có loại ngu si nóng nảy chuyên tu hạnh Chỉ, không thể dụng phương tiện siểm trá kiểu loạn mà thiết lập loạn ngôn, chỉ khởi nghĩ này: “Có người đến hỏi, ta sẽ hỏi ngược trở lại. Tỳ chỗ kia đáp, ta sẽ như tất cả lời nói của người ấy không giảm bớt mà ấn thuận”.

Tóm lại, do sự kế chấp so lường có sai biệt mà kiến lập 4 chủng bất tử kiểu loạn.

4. Do nương đời: Do nương đời quá khứ và hiện tại mà khởi phân biệt, gọi là kế chấp tiền tế; do nương đời vị lai mà khởi phân biệt, gọi là kế chấp hậu tế.

5. Do nương các kiến: Nương ba kiến nên biết như trước. Do nương kiến thứ nhất, ở trong hiện pháp kế chấp ngã hữu sắc, về sau hoặc hữu sắc hữu tướng, hoặc vô hữu tướng, hoặc phi hữu tướng phi vô tướng. Do nương kiến thứ hai, ở trong

hiện pháp kế chấp ngã vô sắc, về sau kế chấp nên biết như trước. Do nương kiến thứ ba có 2 luận ngã: 1. Nói ngã hữu sắc vô sắc; 2. Nói ngã phi hữu sắc phi vô sắc. Còn lại như trước thuyết.

Lại kế chấp ngã là hữu sắc: hoặc nói hẹp nhỏ, hoặc nói vô lượng. Kế chấp ngã vô sắc nên biết cũng vậy. Hai luận ngã đây nương kiến thứ ba lập làm hai luận: 1. Kế chấp ngã hẹp nhỏ; 2. Kế chấp ngã vô lượng. Do đây có 4 chủng luận ngã sai biệt: nói ngã có biên, nói ngã không biên, nói ngã cũng có biên cũng không biên, nói ngã không phải có biên không phải không biên, tùy theo thứ lớp nên biết như trước.

Lại tức nương theo các kiến và nương luận ngã như vậy mà tuyên thuyết ngã thanh tịnh giải thoát, đối với dục tĩnh lự đều được tự tại, tùy theo chỗ muốn trụ nhiều biến hóa, như chỗ muốn đây mà an trụ tĩnh lự, dùng kiến thanh tịnh mà phương tiện du hý thọ dụng pháp lạc. Như vậy gọi là nương các kiến mà an lập.

6. Do nơi sanh đến: Tức là ngã có một tướng, cho đến nói rộng. Có một tướng là ở Vô sắc, Không

vô biên xứ và Thức vô biên xứ. Có chủng chủng tướng là ở địa dưới. Tùy theo thứ lớp như trước đã thuyết nên biết nói ngã có tướng hẹp nhỏ, có tướng vô lượng. Một hướng có lạc là ở ba tinh lự dưới. Một hướng có khổ là ở địa ngục. Có lạc có khổ là ở cõi quý, bàng sanh, người, trời Dục giới. Có không khổ không lạc là ở Đệ tứ tinh lự trở lên cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ.

Lại, nơi các ngoại đạo như vậy hợp chung có 3 chủng suy tổn: 1. Suy tổn do luận kiến và dục lạc triển chuyển trái nhau; 2. Suy tổn do nương luận ngã vô trí mà hỏi đáp; 3. Suy tổn do nương tùy pháp hành pháp chứng đắc.

1. Suy tổn do luận kiến và dục lạc triển chuyển trái nhau: Kẻ luận hoặc kế chấp hữu tướng, hoặc kế chấp vô tướng, hoặc kế chấp phi hữu tướng phi vô tướng và kẻ luận đoạn kiến, hoặc luận nương quả trách người lấy làm thù thắng, hoặc luận nương thoát nạn lấy làm thù thắng mà khởi kế chấp suy tính. Nên biết gọi là suy tổn thứ nhất. Do các kẻ luận kia kế chấp hậu tế, nương đời vị lai mà hư vọng kế chấp cho ngã là có, là không.

2. Suy tổn do nương luận ngã vô trí mà hỏi

đáp: Tức là ở nơi hoặc các tạp nhiễm, hoặc xứ tạp nhiễm, hoặc năng tạp nhiễm, như vậy tất cả ở nơi đạo lý hai đế là thế tục và thắng nghĩa không như thật biết. Bởi vô trí đây lấy sự thú hưởng làm dẫn đầu mà sở đắc có sự sai biệt. Từ vô trí đây thú hưởng thế nào? Tức là ba, bốn chuyển: 1. Hết thấy thường, vô thường; 2. Hết thấy có biên, không biên; 3. Hết thấy mình làm, người làm. Vì có sao? Do kẻ kia vô trí, trước cần thiết phải thú hưởng sai biệt như vậy, sau mới hỏi đáp. Lại ở trong thánh pháp Tỳ-nại-da, bậc sở hữu trí thì chẳng thể ký sự, vì ở nơi hai đạo lý không thể cho phép ký, đó là đạo lý hai đế là thế tục và thắng nghĩa. Trong đây, kẻ kế chấp tiền tế của bốn chủng luận một hưởng thường và kẻ kế chấp tiền tế của luận không nhân là hai loại sai khác, trước đều kế chấp ngã, sau mới duyên ngã. Các luận một hưởng thường... có sự khác biệt. Lại trong bốn chủng thì kẻ luận một phần thường kế chấp tiền tế kia có sự sai khác, tức là có kẻ luận một phần duyên thường, vô thường, hoặc có kẻ luận một phần duyên phi thường, phi vô thường. Các kẻ luận có biên, không biên thấy, tướng kia nên biết như trước. Hoặc cho rằng “Tất

cả đều do nhân đời trước tạo ra”, gọi là luận tự tạo ra. Hoặc cho rằng “Tất cả đều do nhân trời Tự tại... biến hóa tạo ra”, gọi là luận người khác tạo. Hoặc cho rằng ít phần nhân do trời Tự tại biến hóa làm, một phần không vậy, gọi là luận cả hai mình, người tạo. Hoặc kẻ luận không nhân tạo ra gọi là luận chẳng phải cả hai tạo. Nên biết đây gọi là suy tổn thứ hai do nương luận ngã vô trí hỏi đáp, do các kẻ luận kia kế chấp tiền tế, nương đời quá khứ hiện tại mà hư vọng phân biệt.

3. Suy tổn do nương tùy pháp hành pháp chứng đắc: Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn không nương luận quán xét trách cứ người lấy làm thù thắng, không quán luận thoát nạn lấy làm thù thắng, cũng không nương các luận ngã vô trí, duy vì mong cầu các sự dục lạc lợi dưỡng cung kính... mà khai triển, nên ở trong pháp ác thuyết Tỳ-nại-da mà cầu xuất gia, không vì giải thoát mà vui cầu xuất ly. Nên biết kia là chủng loại mỏng trần làn tánh, ngu nóng nảy chuyển mà tu hạnh Chỉ. Do kia được dạy bảo dạy răn đắc định Sơ tinh lự, năng ở nơi kiến thú đồng hành tiền tế và ở nơi kiến thú đồng hành hậu tế, không tự nhiên tin theo mà lại vượt

qua. Ở trong hiện pháp năng vượt qua các kiết Dục giới, chứng xa lìa hỷ. Từ nơi ấy trở lên không nghe không biết, tức ở trong đây sanh tướng Niết-bàn. Do kẻ kia đã chứng xa lìa hỷ như vậy, hoặc do nhân duyên khác chứng đắc Đệ nhị, Đệ tam tĩnh lự mà không vui ái vị, hoặc Đệ tứ tĩnh lự mà không thọ khổ lạc, từ đây trở lên cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ nên biết cũng vậy. Kẻ kia đã vượt qua chủng chủng tướng đồng hành thọ khổ lạc sai khác, nhưng ở nơi đi đến các hành thủ, kẻ kia không thể vượt qua nên trở lại thối thất pháp lạc, chưa Bát-niết-bàn mà khởi mạn cho là đã Niết-bàn. Nên biết đây gọi là suy tổn thứ ba.

Trong đây, Như Lai tự nhiên chứng giác dấu tích vi diệu tịch tĩnh, ở nơi tất cả hành tướng của ba chủng suy tổn như đã thuyết, như thật biết rõ do năm chủng tướng mà sanh khởi: hoặc tự tánh kia, hoặc các kiến kia, hoặc do vô trí mà kia được sanh khởi, hoặc do sở duyên chuyển và hoặc quá hoạn của sở duyên thô tế kia, xuất lìa các cõi trên. Nơi sự việc như vậy mà như thật rõ biết, tức ở trong xuất lìa thường tự xuất lìa.

Lại nữa, có 2 trí năng khiến kiến thanh tịnh

và kiến thiện thanh tịnh, đó là: pháp trụ trí và đây làm tiền dẫn của Niết-bàn trí.

Pháp trụ trí: năng rõ biết tự tướng chủng loại các hành sai biệt và năng rõ biết quá hoạn cộng tướng các hành sai biệt. Tức là ở nơi các hành thuận theo ba vị hoặc khổ, hoặc lạc, hoặc không khổ không lạc, phương tiện rõ biết tánh các hành có ba khổ...

Niết-bàn trí: trong tất cả hành như vậy trước khởi tướng khổ, sau nghĩ như vậy: “Tất cả các hành có khổ đây đều vĩnh viễn đoạn không sót thừa, nói rộng cho đến gọi là Niết-bàn”. Rõ biết như vậy gọi là Niết-bàn trí.

Hai trí đây khiến kiến thanh tịnh và kiến thiện thanh tịnh, nhưng cần yếu phải chánh siêng tu tập 2 môn mới khiến kia tịnh: 1. Bồ-đặc-già-la tự mình không có năng lực, nhân được người dạy trao năng khiến kia tịnh; 2. Bồ-đặc-già-la tự mình có năng lực, tư duy tìm cầu đa văn năng khiến kia tịnh. Trong đây, bồ-đặc-già-la thứ nhất vì không thông lợi, vì các căn như tín... chỉ một vị sở duyên Chỉ Quán, ở nơi chút phần *Đế sát pháp nhãn* chuyển. Trái với tướng đây nên biết là bồ-đặc-già-la thứ hai.

Lại nữa, có 3 chủng biên trí hiện quán, do tu tập kia nên kiến được thanh tịnh: 1. Năng thuận sanh vô lậu trí; 2. Vô lậu trí; 3. Vô lậu trí, sau tương tục trí. Thứ nhất là trí nhiếp thuộc pháp thế gian bậc nhất. Thứ hai, trụ ở kia năng đoạn trừ tất cả phiền não kiến sở đoạn. Thứ ba, đã đoạn phiền não, về sau tương tục giải thoát trí.

Nếu trụ trong trí ấy được gọi là đã nhập Chánh tánh ly sanh, siêu vượt dị sanh địa, nhưng chưa đắc quả Dự lưu. Tuy chưa nhanh chóng chứng đắc trí giải thoát thứ ba quả Dự lưu, nhưng ở khoảng trung gian trụ sát-na, nếu chưa chứng đắc trọn không chết yểu. Từ đây dụng công không gián đoạn, chỉ trong thời gian ngắn tất chứng trí thứ ba. Trụ trong vị đây vì như thật hiện kiến cảnh sở tri, nên gọi là kiến thanh tịnh. Tuy nhiên vẫn còn hoặc sót thừa nên không phải thiện thanh tịnh. Nếu ở nơi trí đây nhiều tu tập sẽ thành A-la-hán, lìa trói buộc của tất cả phiền não, nên gọi là thiện thanh tịnh.

Lại nên biết 3 tướng đoạn không sót thừa: 1. Do không hiện hành; 2. Do cõi giới; 3. Do sự.

Do không hiện hành: tức phiền não triền sanh khởi mà không nhiễm đắm. Tuy chưa vĩnh viễn

đoạn diệt nhưng do lớp lớp tu tập các thiện pháp nên dần bỏ xa chúng, các phiền não triền không hiện hành trở lại.

Do giới: đó là ba giới nên biết như trước.

Do sự, có hai sự: 1. Sự phiền não; 2. Sự khổ.

Lại ở nơi an lạc lợi ích tùy triển chuyển theo các phẩm lià hệ buộc trong năm cõi giới, nên có công đức thù thắng tịch tịnh vi diệu... cho đến Niết-bàn là sai biệt cuối cùng.

Lại ở trong tất cả sự nương giữ đều xả bỏ, xả bỏ tổn hại cha mẹ... Lại ở trung hữu, sanh hữu, hậu hữu không sanh trở lại. Như thứ lớp ấy nên biết gọi là không có tương tục, không nắm giữ, không sanh khởi.

Lại ở 3 phẩm do 3 chủng môn làm chướng ngại, nên kiến lập 3 kiết sai biệt: 1. Vì chưa phát khởi hướng đến, đó là những kẻ tại gia; 2. Tuy đã phát khởi hướng đến mà thiết lập tà, đó là những kẻ xuất gia trong pháp ác thuyết Tỳ-nại-da; 3. Không chánh hành trong chánh pháp, đó là những kẻ xuất gia trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da.

Lại, hành giả hành thú hướng nghịch lưu, giải thoát khỏi đường ác, thành tựu 2 chủng quyết

định giải thoát: 1. Quyết định giải thoát phiền não; 2. Quyết định giải thoát hậu hữu. Do nhân duyên đây nên gọi là Dự lưu, cho đến nói rộng.

Lại nếu chúng đắc quả A-la-hán, trước ở vị an trụ học địa, ở trong các hành đã không chấp thọ ngã và ngã sở, về sau ở nơi các lậu đều được giải thoát.

Lại do cùng tương ưng với 4 chủng nghĩa, nên biết gọi là tướng A-la-hán: 1. Vì việc mình đã rốt ráo, nên làm việc có nghĩa lợi cho người; 2. Vì đắc nghĩa tự lợi, khắp viên mãn tất cả nghĩa đạo lý; 3. Vì nhân hành vị lai đã vĩnh viễn đoạn diệt, nên trong chúng nghĩa hiện pháp lạc trú; 4. Vì tương ưng nghĩa “vượt qua hữu học địa, nhập vô học địa”.

Lại nữa, ngu có 5 vị, nếu chuyển trong 5 vị đây tức thuộc trong số ngu phu. Những gì là năm? 1. Không đạt được tuệ câu sanh; 2. Không đạt được tuệ duyên sanh do được nghe âm thanh của người; 3. Không đạt được thánh tuệ chân thật; 4. Bị sự trói buộc của ngu si triền; 5. Bị sự theo đuổi trói buộc của ngu si tùy miên.

Lại có 4 chủng kế chấp hư vọng của luận ngã: 1. Tuyên thuyết “các hành chính là ngã”; 2. Tuyên

thuyết “ngã có các hành”; 3. Tuyên thuyết “các hành thuộc ngã”; 4. Tuyên thuyết “ngã ở trong hành”.

Do hai nhân duyên luận ngã kế chấp hư vọng tạo tác các tạp nhiễm: 1. Do chấp trước: các ngoại đạo tuy cầu giải thoát mà bị kia làm chướng ngại nên ở tất cả chúng không thể thành tựu; 2. Do tùy miên: các kẻ nội pháp đấm trước cảnh giới, tùy miên đây chỉ tạm thời làm chướng ngại mà không phải rốt ráo làm chướng.

Lại nữa, hoặc có ngã kiến, hoặc không ngã kiến, cùng duyên các hành làm sự cảnh, gọi là đồng phạm. Nếu ở sự kia, nghĩa chấp thủ tà, chấp thủ chánh, nhiễm ô, thanh tịnh... riêng khác, gọi là không đồng phạm.

Lại do 4 tướng nơi sự sở duyên chấp trước dấu tích tà lực tăng thượng, năng khiến ngã kiến gây tạo các tạp nhiễm: 1. Do nhân duyên; 2. Do tự tánh; 3. Do quả; 4. Do đẳng lưu.

Do nhân duyên, bao gồm hai ngu si: 1. Ở nơi các sự việc mà ngu si; 2. Ở nơi kiến mà ngu si. Ở nơi các sự việc mà ngu si: sự ngu đây do trước nghe theo pháp tà, sau khởi ngã kiến. Ở nơi kiến mà ngu si: tức vì ngu kiến, ở nơi kiến tương ứng các vô

minh xúc sanh khởi thọ, hư vọng kế chấp cho là ngã. Do đây làm duyên hằng làm chỗ đuổi theo của ngã ái. Lại do đây nên thường ở nơi ngã kiến không thể xả ly.

Do tự tánh: là chỗ nhiếp thọ của hai nhân duyên, tùy theo đó mà quán sát thấy, ở nơi tùy miên kia không thể xa lìa.

Do quả: vì lấy hữu thân kiến kia làm chỗ nương, nên không thể xa lìa tùy miên ngã và mạn. Do hai tùy miên lực tăng thượng năng dẫn đương lai khiến khởi các căn. Do kia lãnh nạp hai thọ lạc và khổ, nhân đây càng phát khởi kế chấp ngã, ngã sở, chẳng như lý tư duy tương ưng với ý lời phân biệt. Nói phân biệt, tức là có sự lãnh thọ ngã, ngã sở.

Do đẳng lưu: do lực nhân đời trước nắm giữ, tức chủng tử kiến triển chuyển đuổi theo ý, sau có ý giới. Do lực nhân duyên tích tập từ trước nên có được đầy đủ, tức ở nơi như vậy, sau có ý, trong có vô minh chủng và vô minh giới, chính là hai chủng tử đuổi theo ý sở duyên pháp giới. Do kia đời trước nương pháp ác thuyết và ác Tỳ-nại-da mà sanh khởi phân biệt. Lấy hữu thân kiến làm chỗ nương nên nay tích tập thành giới. Do giới đây lực tăng

thượng, nên phát khởi đồng sanh hữu thân kiến. Ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, kiến đây cũng lại hiện hành năng làm chướng ngại.

Lại tức ở nơi kiến đây do 2 chủng tướng nên có 6 chuyển hiện hành: 1. Do đời: khởi kế chấp: “Ta ở quá khứ là từng có chăng? Là từng không chăng?”... cho đến nói rộng nên biết như trước; 2. Do mạn: cho là “Ta là hơn”... cho đến nói rộng. Kẻ kia ở nơi tất cả điều ấy không thấy không biết như thật. Do nhân duyên đây, kia không như chánh lý, phát khởi tà quán.

Lại vị minh có 3 chủng: nghe âm của người mà như lý tác ý là vị minh thứ nhất; đã năng chứng nhập Chánh tánh ly sanh là vị minh thứ hai; tâm thiện giải thoát, quả A-la-hán là vị minh thứ ba.

Vị vô minh lại có 2 chủng trước và sau. Vị tùy miên là trước, các vị triền là sau. Lại trong phạm vi kiến, tu sở đoạn có khác, nên biết đây gọi là sai biệt của vô minh thứ hai.

Lại nữa, sau đây thuyết về Thế Tôn, nương thánh giáo mình, vì muốn hiển bày thiện mà phát khởi thuyết; nương tà giáo người, vì muốn hiển bày lỗi lầm của ác thuyết mà tự có sở thuyết. Về sau

người kết tập lại, ở trong pháp môn xưng là Thế Tôn Ồt-Đà-Nam thuyết.

Do 2 nhân duyên pháp luật thiện thuyết được gọi là phát khởi quả rộng lớn, lợi ích rộng lớn; pháp luật ác thuyết hư vọng, không có kết quả: 1. Ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, vĩnh viễn lìa tất cả chủng khổ khả đắc, đó là 3 chủng tánh khổ; 2. Vĩnh viễn đoạn trừ tất cả các kiết khả đắc, đó là hạ phần kiết và thượng phần kiết. Trong pháp ác thuyết Tỳ-nại-da, bởi những kẻ kia nương hữu thân kiến, nên hai việc như vậy đều không thể có được.

Người nương thân kiến, ở nơi các hành tâm nhàm chán khổ khổ, vì mong cầu lạc làm chỗ nương nên phát khởi tư duy thắng giải: “Nguyện ở đương lai không có khổ ngã, ngã không có khổ, hoặc là đã đoạn”, tức nhân khổ kia và quả sẽ có kia đều đoạn trừ. Ở đời vị lai, vì hai chủng tướng mà phát sanh thắng giải, đó là khổ vị lai sẽ lìa nơi ngã và ngã vị lai sẽ không có khổ. Do bốn chủng hành tướng vui đoạn trừ làm chỗ nương như vậy, ly dục Dục giới, sanh Sơ tĩnh lự, thứ lớp cho đến ở Phi tướng phi phi tướng xứ hoặc định hoặc sanh. Do

nhân duyên đây siêu vượt khổ khổ, nhưng chưa năng đoạn hạ phần các kiết. Vì chưa đoạn kia nên biết chưa vĩnh viễn siêu vượt khổ khổ. Đối với việc đoạn trừ hai khổ là hoại khổ và hành khổ còn không sanh vui muốn, hà hưởng năng đoạn. Do người kia chưa tùy thuận đoạn, nên biết đối với các kiết thuận thượng phần cũng chưa năng đoạn.

Người trụ nội pháp lúc ban đầu tu quán, tuy ở Dục giới chưa đắc ly dục, vì hữu tình vượt hơn mà ở nơi ba khổ thâm tâm chán lìa, nương lạc, đoạn dục. Ở trong các hành dụng vô ngã kiến làm chỗ nương, phát sanh thắng giải như vậy: “Nguyện ở vị lai không ba khổ ngã, ngã không có ba khổ”. Người kia ban đầu tu tập hành như vậy, nên ở nơi các dục Dục giới mà được xa lìa, vĩnh viễn đoạn khổ khổ, lại sanh khởi thắng giải như trước: “Sẽ không khổ ngã, ngã sẽ không khổ”. Người hành như vậy nên rốt ráo giải thoát khỏi khổ khổ, cũng vĩnh viễn vượt qua các kiết thuận hạ phần. Tức ở đạo đây thứ lớp tiến tu, cho đến năng đắc quả A-la-hán.

Nếu các ngu phu lấy hữu thân kiến làm chỗ nương, đối với việc vĩnh viễn vượt qua hai khổ là hoại khổ, hành khổ và vĩnh viễn đoạn diệt tất cả

kiết thuận thượng phân, tức là “ngã sẽ không”, đáng lẽ không nên sợ mà lại vọng sanh hãi sợ, nên đối việc đây còn không khởi vui muốn, hà huống sẽ năng đoạn trừ. Lại ở xứ đây do hai nhân duyên không nên sanh hãi sợ: vì chỉ có tâm trụ bốn thức trụ có chuyển có nhiễm, vì chỉ có tâm đoạn trừ bốn thức trụ không chuyển không nhiễm.

Lại có 4 y: là sắc, thọ, tưởng, hành.

Lại có 4 thủ: là ở dục, kiến, giới cấm, ngã ngữ sở hữu dục tham.

Lại có 2 duyên: hoặc sở duyên hoặc năng duyên.

Lại có 6 thức: nhãn thức..

Lại có 2 thức trụ: trụ phiền não triền và trụ phiền não tùy miên. Trong đây do lực của các thủ tăng thượng, dụng không như lý phân biệt làm tiền dẫn.

Lại do 3 nhân duyên: 1. Do ngã, ngã sở nắm giữ cảnh giới tà; 2. Do duyên nắm giữ tự tướng cảnh giới; 3. Do nương cả hai điều trên. Do 3 chủng đây khiến các thức chuyển và khiến nhiễm ô.

Lại do 3 chủng: 1. Vì ở hiện pháp hướng đến tập đế; 2. Vì duyên khổ vị lai ngã sẽ như vậy như

vậy ái; 3. Vì nhân trước phát sanh khổ hiện tại mà trụ ở đó.

Lại do 3 chủng: 1. Do hướng đến vị lạc; 2. Do duyên vị khổ; 3. Do an trụ vị không khổ không lạc.

Lại do 3 chủng: 1. Vì hướng đến đời vị lai; 2. Vì duyên đời quá khứ; 3. Vì trụ đời hiện tại.

Lại do 3 chủng: 1. Do ái hậu hữu hướng đến hậu hữu; 2. Do ái hỷ lạc kia kia duyên cảnh giới vị lai; 3. Do ái đồng hành hỷ tham trụ cảnh giới hiện tại đã được.

Lại do 3 chủng: 1. Do thân hệ buộc tham dục hướng đến thuận theo sự việc của chỗ tham; 2. Do thân hệ buộc sân khuể duyên sự việc của chỗ ấy; 3. Do thân hệ buộc hai chủng là giới cấm thủ và thật chấp thủ đây trụ nơi hai sự việc của chỗ ấy.

Ốt-Đà-Nam nói:

Nhân quả và thọ

Đời ái và buộc.

Hỷ ái thấm nhuần nên biết như trước, tức như *nhân các hành* đã tuyên thuyết. Lại tức khi thức kia chuyển như vậy, ở hai xứ sanh đến nên biết kết sanh tương tục tăng rộng: 1. Ở Hữu sắc; 2. Ở Vô sắc.

Ở Hữu sắc xứ nương trung hữu mà có đến đi. Ở trong Vô sắc xứ chỉ có hữu tùy theo đó mà sanh. Trụ tương tục ở hai xứ ấy cho đến thọ tận, nên gọi là trụ. Nên biết người trong Dục giới trụ đây có 3 phần vị: lúc mới nhập thai; lúc thức tốt nhuần, thai phân đầy đủ; lúc ra khỏi thai. Nên biết đây lại có 3 sai biệt, như thứ lớp là Dục, Sắc và Vô sắc.

Nếu có người chối bỏ thuyết “Đường thức lưu chuyển” của Như Lai mà nói lời đây: “Ta sẽ thi thiết tác thuyết riêng khác”. Nên biết chỗ thi thiết của người đây nơi văn có khác mà nơi nghĩa không khác, duy chỉ có ngôn sự. Nếu người có trí thấy nơi văn khác trước bảo là đạo lý, sau vặn hỏi: “Chỗ thi thiết của ông sai khác thế nào?”. Kể kia lúc bấy giờ mờ mịt không rõ. Nếu vào lúc sau kia tự thấu đạt quán xét, đối với điều thiết lập trước kia quay lại như lý quán đế, chỗ sanh mờ tối không hiểu rõ. Do ngu muội đây tự nhận biết ta xưa vô trí đã thọ trì như vậy, là ác không phải thiện.

Lại có 10 sắc gọi là sắc giới. Lại có 6 chủng là thọ giới, tướng giới và hành giới.

Lại ở 3 vị nên biết giải thoát khỏi các thức phiền não: 1. Vì ở nơi các hành thấy sâu quá hoạn,

năng khiến lìa bỏ xa dân các triền; 2. Vì ở trong kiến địa, các tùy miên hệ buộc của tất cả ngoại đạo đều vĩnh viễn đoạn diệt; 3. Vì nương tu đạo mà được rốt ráo.

Lại các ngoại đạo kế chấp hư vọng vào tất cả nơi sanh đến, đó là các chủ của cõi trời như Đại Tự Tại và vô lượng phẩm loại chúng sanh ở đó. Đối với tất cả xứ sanh đến mà vui sanh kia, gọi là thân hệ buộc tham. Đối với người trong các kiến phần pháp khác mà tăng thêm ganh ghét, gọi là thân hệ buộc sân. Do 2 duyên: 1. Nương tà nguyện mà tu phạm hạnh; 2. Đối với đồng phạm hạnh trong pháp khả lạc mà khởi ganh ghét chống trái, nên ở nơi tăng thượng giới học năng bị tạp nhiễm. Nên biết tức do giới cấm thủ kia, nên ở nơi tăng thượng tâm học năng bị tạp nhiễm. Do thân hệ buộc thật chấp thủ đây, nên ở nơi tăng thượng tuệ học năng bị tạp nhiễm. Bốn pháp như vậy hiện diện trong sắc thân, danh thân hương đến an lập trong sự sở duyên khiến tâm bị hệ phược, nên gọi là thân hệ buộc. Lại vì kia ở tại ý địa vì ý phân biệt, vì ý tương ưng, vì ý tùy miên, vì ý nhiễm ô, gọi là ý sở thành. Lại kia đoạn, đó là duyên cảnh kia để đoạn các phiền

não, nhưng đây không phải sở duyên kia, vì ở cảnh kia hiểu biết không điên đảo.

Lại, chủng thức hậu hữu được sự thâm nhiếp giữ gìn của các nghiệp phiền não hậu hữu, nên biết ở nơi sự nương tựa đây mà kiến lập. Vì kia không có, nên lý thú 3 chủng sai biệt sanh trưởng rộng lớn ở đương lai như trước đã nói, tất cả thấy đều tận diệt.

Lại tức do kia không trụ thức nên phần nhân, phần quả không sanh trưởng trở lại, chỉ nhiếp vào các đạo mà được sanh trưởng. Lại kia lấy Không giải thoát môn làm chỗ nương, gọi là không sở vi; lấy Vô nguyện giải thoát môn làm chỗ nương, gọi là vui đủ; lấy Vô tướng giải thoát môn làm chỗ nương, gọi là an trụ. Vì ở nơi kia vui thích lớp lớp tu tập, nên thành tựu thiện giải thoát. Vì tất cả tùy miên vĩnh viễn diệt tận, nên tâm thiện giải thoát. Như vậy từ đây về sau đọi đặc hằng trụ, tuy trụ các hành mà không hãi sợ, đã đặc các uẩn nhậm vận diệt, nhân sót thừa được đoạn trừ khiến không sanh trở lại. Do thức hữu lậu kia đã vĩnh viễn diệt, nên khắp mười phương đều không chỗ đi đến, chỉ trừ như bóng các thọ và cây thức, uẩn thức

kia như đèn đều quy về tịch diệt. Ở trong Hữu dư Niết-bàn giới, nương đoạn triền ban đầu gọi là tịch tĩnh, nương đoạn thứ hai gọi là thanh lương, nương đoạn thứ ba gọi là tĩnh lặng.

Lại do 3 duyên thức hưởng đến thức trụ đều không chỗ có: 1. Do tự nhiên, không phải nhiễm ô; 2. Do không còn lại nhiễm ô; 3. Do trợ bạn của thức không còn.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

*Chi đoạn, thật hiển rõ
Hành duyên, giáo không gì sánh
Bốn chủng chúng hữu tình
Bốn đạo, năm rốt ráo.*

Những người tu đoạn lược có 5 chi nhiếp thọ đoạn, năng ở nơi các hành như thật hiển rõ: 1. Do thân xa lìa; 2. Do tâm xa lìa; 3. Do phẩm Chỉ tam-ma-địa; 4. Do phẩm Quán tam-ma-địa; 5. Do thường thuận theo thực hành.

Lại nữa, như phần *Nhiếp dị môn* đã thuyết, có 12 chủng như thật hiển rõ tướng hành: vì lắng nghe, thủ thiện, thủ ác riêng biệt; vì hiện lượng, tỷ lượng, chánh giáo cảnh giới; vì tự tướng, cộng

tướng; vì tánh như sở hữu, tánh tận sở hữu; vì nhập kiến địa, cứu cánh địa.

Lại nữa, lược có 4 chủng sự sở duyên như thật hiển rõ đạo lý hành tướng trí:

1. Dị sanh trụ nội pháp bỗng nhiên bị cuốn theo cảnh nên sanh khởi thọ. Nếu không như thật biết lực tăng thượng, năng khiến các hành lưu chuyển tạp nhiễm. Nếu như thật biết, năng khiến thanh tịnh.

2. Có dị sanh tại gia ở trong sở y hậu hữu... mà sanh vui mừng. Nếu không như thật biết lực tăng thượng, năng khiến các hành lưu chuyển tạp nhiễm. Nếu như thật biết, năng khiến thanh tịnh.

3. Có các ngoại đạo ở trong sự vui thích hư vọng phân biệt, định sanh hỷ ái làm chỗ nương, nếu không như thật biết lực tăng thượng, năng khiến các hành lưu chuyển tạp nhiễm. Nếu như thật biết, năng khiến thanh tịnh.

4. Có bậc hữu học trụ nội pháp, nương nơi các căn cảnh phát khởi vọng niệm và hành sót thừa. Nếu không như thật biết lực tăng thượng, tức bị lưu chuyển tạp nhiễm. Nếu đã đoạn sót thừa, tức được thanh tịnh. Trong tất cả phẩm đây, các phẩm thanh

tĩnh đều trụ nội pháp. Như vậy gọi là 4 sự sở duyên.

Lại do 3 nhân duyên Như Lai sở thuyết chánh giáo không gì sánh xứng:

1. Vì tuyên thuyết giáo pháp bất cộng: trong đây tuyên thuyết, hoặc hướng đến hữu thân tập hành, tức là hướng đến khổ tập hành; hoặc hướng đến hữu thân diệt hành, tức là hướng đến khổ diệt hành.

2. Vì tuyên thuyết giáo pháp không điên đảo: như thuyết lời: “Đây chân thật có”.

3. Vì tuyên thuyết giáo pháp tự giác: như thuyết lời: “Ta như thật biết”.

Lại có 3 chủng các hành lưu chuyển sai biệt: 1. Thân, là nghĩa nơi chốn an đặt các hữu tình nơi nhiệm trước; 2. Thế gian, là nghĩa nơi nhiệm trước bại hoại; 3. Hữu, là nghĩa nhiệm trước lại thêm các sự sanh...

Lại chúng hữu tình kia lược có 4 chủng. Những gì là bốn? 1. Một hướng an trụ nghiệp quả khả ái, tức ở nơi quả đây mê đắm thọ dụng, như sanh ở cõi trời chuyên hành phóng dật; 2. Một hướng chuyển nhân, đó là hoặc Sa-môn, hoặc Bà-la-môn mong cầu kia; 3. Các chúng hữu tình vui Bát-niết-bàn; 4. Các

chúng loại hỗn tạp, hoặc trụ nơi quả đấm trước thọ dụng, hoặc vui nhiếp thọ quả ái đương lai, hoặc mọi thời tu tư lương Niết-bàn xa lìa phóng dật. Ở trong ba chủng hữu tình trước, tùy chỗ thích hợp nên biết là tập, diệt của thế gian và tập, diệt của hữu thân. Ở trong chúng hữu tình thứ tư, nên biết tập kia, diệt kia của hữu thân hướng đến đạo sai biệt.

Lại nữa, nương 2 chủng đạo nên biết thi thiết 4 chủng hành tướng. Hai chủng đạo tức là nương kiến đạo và nương tu đạo. Bốn chủng hành tướng: 1. Hành tướng nên biết khắp; 2. Hành tướng nên vĩnh viễn đoạn diệt; 3. Hành tướng nên tác chúng; 4. Hành tướng nên tu tập. Bốn chủng như vậy, ba nương kiến đạo, một nương tu đạo.

Khi nhập kiến đạo và hiện quán đế, năng biết khắp khổ, đoạn một phần tập, chúng một phần diệt. Ở kia một phần năng đoạn trừ, chúng đặc, tức là ở trong tu đạo, vì cầu đoạn trừ không sót và chúng đặc, nên như đạo đã được mà siêng tu tập. Như vậy, vì nhân tu tập các tư trạch đạo và tu đạo, nên vĩnh viễn đoạn tập còn lại, chúng đặc diệt còn lại.

Lại nữa, để chúng đặc cực rốt ráo như vậy, nên biết do 5 chủng tướng mới được rốt ráo. Những

gì là năm? 1. Vì đã chứng đắc khổ và nhân khổ tận dứt không sót thừa; 2. Vì kham làm tất cả nghĩa lợi tha, tất cả nghĩa tự lợi đều viên mãn; 3. Vì chứng đắc sẽ rất ráo đoạn và trí; 4. Vì năng rất ráo nhập thành Niết-bàn; 5. Vì đã được nhập rồi, năng an trụ Thánh vị.

Ở tướng thứ nhất có đoạn tiết bốn chủng sai biệt là ái... nên biết như trước. Ở tướng thứ hai có sở hữu sai biệt của A-la-hán tận các lậu... nên biết như trước. Ở tướng thứ ba có sẽ rất ráo đến cứu cánh, vì tất cả sự hành thấy đều đoạn trừ; có sẽ rất ráo vô cấu, vì sẽ rất ráo đoạn tất cả phiền não; có sẽ rất ráo phạm hạnh lấy làm biên sau, vì đã đạt được trong việc đối trị kia. Ở hành tướng thứ tư, thí như ở thế gian đủ 5 chủng tướng gọi là nhập cung thành, tùy khuyết một chủng không được gọi là nhập, như vậy cần đủ 5 chủng tướng kia nên biết gọi là nhập cung thành Niết-bàn.

Những gì gọi là đủ 5 tướng thế gian? 1. Mở cổng thành; 2. Vượt qua hào thành mà không rơi xuống nước; 3. Sanh khởi kiên quyết mà vượt qua; 4. Đã vượt qua hào thành, tiến đến mở toang cửa cung; 5. Không còn là sự hy vọng của mình của

người nữa, mà cầm cờ chiến thắng tiến thẳng vào trong cung. Như vậy là nhập cung không các chướng ngại. Nhập cung Niết-bàn cũng thế: Trước đoạn năm thuận hạ phần kiết như mở cổng kia. Kế đến khởi tướng hãi sợ hằm sâu vô minh nên đoạn không sót thừa, trụ nơi Niết-bàn; như vượt qua hào thành mà không bị rớt xuống. Vì vượt qua hữu thân năng đến bờ kia, vì năng nhậm trì thân tối hậu; như kiên quyết mà vượt qua. Gần nhập Vô dư y Niết-bàn giới, như tiến sát phá cửa cung. Đã đoạn hữu ái, ở nơi các cảnh không sanh ái trở lại, ở khắp tất cả không khởi kiêu mạn, như vậy mà nhập Niết-bàn; như chẳng còn là sự hy vọng của mình của người, mà quyết chắc cầm cờ chiến thắng tiến thẳng vào trong cung.

Như trước đã thuyết 5 chủng nhân duyên nhập cung, nên biết Niết-bàn cũng vậy. Lại đã nhập rồi, do 2 chủng tướng an trụ Thánh trụ: 1. Do hành; 2. Do trụ.

Do *hành* là chân chánh rõ biết 3 tướng:

1. Vì bất cộng: tức vĩnh viễn đoạn trừ năm thuận hạ phần kiết, ở trong các dục sẽ rớt ráo ly dục, ở ngay xứ ấy mà du hành.

2. Vì vô nhiễm: tức ở nơi sáu hàng trụ thường nhiếp thọ.

3. Vì chân chánh nương tựa những vật ngoại thân: tức đối với một phần pháp, chỗ gọi là voi ác, ngựa ác... suy nghĩ chọn lựa xa lìa; đối với một phần pháp, chỗ gọi là y phục, áo quần... suy nghĩ chọn lựa gần gũi.

Như vậy ở nơi hành đã thiện thanh tịnh rồi, lại do 5 tướng nên chánh rõ biết ở nơi *trụ*:

1. Hoặc do đây mà trụ: tức do tâm bất động mà an trụ giải thoát.

2. Hoặc đây làm nương: đối với một phần pháp năng tư duy phân tích khiến trừ, như rong rêu du hành khắp nơi là nhân duyên khiến thân tâm uể oải mệt nhọc. Đối với một phần pháp tư duy phân tích nhấn thọ, như lạnh nóng... Đây gọi là “làm nương”.

3. Hoặc do đây lìa hệ buộc: ba chủng tạp nhiễm là kiến tạp nhiễm, ái tạp nhiễm và tầm tư tạp nhiễm. Do lìa hệ buộc của kiến tạp nhiễm, nên ở trong hậu hữu tâm không động lay. Do lìa hệ buộc của ái tạp nhiễm, nên ở các cảnh giới không bị tri trệ lưu tán. Do lìa hệ buộc của tầm tư tạp nhiễm, nên chỉ tầm tư thiện, không có bất thiện. Như vậy

gọi là do đây là hệ buộc.

4. Hoặc đây làm nương: tức nương 4 chủng tính lự Vô động tam-ma-địa, hiện pháp an trụ lạc trú bậc nhất. Đây gọi là “làm nương”.

5. Hoặc do đây tương ưng: do vô học tâm thiện giải thoát và tuệ thiện giải thoát cùng tương ưng. Lại người lìa ái, không sanh trở lại thân thứ hai, vì đối với Niết-bàn không còn thối chuyển, vì chóng chứng vô thượng viên mãn đức. Do 5 tướng đây nên biết an trụ viên mãn, an trụ đệ nhất trụ.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

*Lược chung hai phẩm, có ba khác
Thắng giải, đoạn, lưu chuyển, tánh hữu
Bất thiện thanh tịnh, thiện thanh tịnh
Thầy thiện thuyết, ác thuyết sai khác.*

Lược do 3 xứ tổng nhiếp tất cả phẩm hắc và phẩm bạch: 1. Do chỗ biết khắp pháp là khổ đế, tập đế, nên biết đây tổng nhiếp tất cả phẩm hắc; 2. Do biết khắp là diệt đế, nên biết đây nhiếp một phần phẩm bạch; 3. Do biết khắp thành tựu là bổ-đặc-già-la và đạo đế.

Bổ-đặc-già-la tuy là giả có nên biết cũng nhiếp

thuộc phẩm bạch. Đây các Thánh đệ tử Như Lai tất đều khéo léo nơi thế tục đế và thắng nghĩa đế. Nương hai đạo lý như thật tùy quán *đều không thể ký*, đó là Như Lai diệt rồi về sau hoặc có hoặc không, cũng có cũng không, chẳng phải có chẳng phải không. Đây đều không thể nắm lấy, cũng chẳng thể ký. Vì cơ sao? Nếu đều nương thắng nghĩa thì kia hoàn toàn không thể đắc, huống là Như Lai diệt rồi về sau hoặc có hoặc không! Nếu nương thế tục, tức đối với các hành nếu giả lập Như Lai, tức là đối với Niết-bàn. Nếu đối với các hành, thì Như Lai diệt rồi về sau không có một hành lưu chuyển khả đắc, bấy giờ xứ nào giả lập Như Lai? Đã không Như Lai, sao gọi là có không? Nếu đối với Niết-bàn, Niết-bàn chỉ là chỗ hiển không hành, tuyệt các hý luận, tự bên trong chúng đắc. Vì nếu tuyệt hý luận mà thi thiết là có thì không đúng đạo lý, cũng lại không nên thi thiết chẳng phải có, cũng chớ nên tổn hoại hủy chê thi thiết diệu có Niết-bàn tịch tĩnh.

Lại, Niết-bàn đây vì rất khó biết, vì rất vi tế, nên gọi là thâm sâu. Vì là chỗ hiển đoạn trừ chủng chủng các hành phiền não chẳng phải một, nên

gọi là quảng đại. Là chỗ không thể dùng hiện lượng, tỷ lượng và chánh giáo lượng để so lường, nên gọi là vô lượng.

Lại nữa, do 3 nhân duyên nội gánh vác khổ và ngoại gánh vác khổ có sự sai biệt: 1. Vật gánh vác; 2. Chỗ gánh vác; 3. Thời gánh vác. Đó là ngoại gánh vác nhiếp thuộc một phần sắc hoặc bó lúa, hoặc bó củi, hoặc chủng loại khác là vật gánh vác. Ngu phu thì lấy tất cả các hành là vật gánh vác. Lại ngoại gánh vác thuộc tại thân vai gánh vác là chỗ gánh vác. Ngu phu lấy tất cả ái uẩn là chỗ gánh vác. Lại ngoại gánh vác chỉ hiện dụng vai gánh vác vật nặng. Ngu phu dụng tất cả ái uẩn gánh vác vật nặng. Muốn xả “vật nặng” cần yếu phải trừ uẩn, không có phương tiện khác mà khiến xả bỏ được. Vì chưa thể xả vật nặng, đương lai hằng thường gánh vác vật rất nặng, vì gánh vác chấp giữ xấu tốt, thấp kém, nhỏ nhoi, yếu mềm, không yên tĩnh. Vì gánh vác vật nặng trường thời không gián đoạn, cho nên nội gánh vác có ba sự lãnh thọ các khổ như vậy, ngoại thì chẳng vậy. Đây gọi là hai chủng gánh vác sai biệt.

Lại do 5 chủng tướng, trói buộc bên ngoài và

trói buộc bên trong của ngu phu có sự sai khác. Đó là nương trói buộc bên ngoài là sự trói buộc của một phần sắc, hoặc cây, hoặc sắt, hoặc dây... Ngu phu ấy thì bị các hành trói buộc. Lại trói buộc bên ngoài do trói buộc của cái khác trói buộc. Ngu phu ấy là do sự trói buộc của tự chính nó trói buộc. Lại trói buộc bên ngoài kia dễ có thể rõ biết, vô số nhân duyên trói buộc thì có vô số phương tiện thoát khỏi. Tất cả trói buộc bên trong của ngu phu khó biết. Lại trói buộc bên ngoài kia chết, về sau bèn không. Trói buộc bên trong của ngu phu chết, về sau các hành theo đuổi mãi không xả bỏ. Lại trói buộc bên ngoài kia nếu có xuất gia, năng xả các dục bèn đắc giải thoát, tất cả oán trả chẳng thể ngăn ngại. Trói buộc bên trong của ngu phu tuy đắc ly dục cho đến Hữu danh còn chưa thể thoát, hướng chỉ xuất gia. Trong đây ở vị ly dục, ma đối với kia không được tự tại. Vị chưa ly dục ma liền được tự tại. Ở vị xuất gia chưa thoát khỏi tay ma. Nếu vị tại gia, ma tùy muốn mà tạo tác. Nếu ở vị chưa ly dục bị sự trói buộc của ma phược, do đây đạo thế gian tuy sanh Hữu danh mà chưa thoát lưới ma.

Lại nữa, lược do 4 tướng nên biết Như Lai và

A-la-hán tuệ giải thoát... đồng phạm, khác phạm.

Do 1 chủng tướng nên gọi là đồng phạm, tức là đều giải thoát.

Do 3 chủng tướng nên gọi là khác phạm: vì hiện Đẳng giác, vì năng thuyết pháp và vì hành chánh hạnh. Trong đây, Như Lai không thầy tự nhiên tu ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần, hiện Đẳng chánh giác. Đẳng chánh giác rồi khắp nương thắng nghĩa. Nếu ở hiện pháp có thể, không thể, hoặc pháp hiện thấy được, hoặc pháp không hiện thấy được, nơi tất cả chủng thủy đều liễu đạt, gọi là Tự nhiên Đẳng giác Bồ-đề. Liễu đạt pháp thắng nghĩa như vậy rồi, tức ở nơi hai chương là các tập khí phiền não chương và sở tri chương khéo đắc giải thoát. Làm thầy giải thoát độ nhất không hai của các chúng trời và thế gian khác. Nên biết liễu đạt 4 tướng như vậy gọi là Tự nhiên Đẳng giác Bồ-đề. Do đây không cùng chung với các Thanh văn.

Lại nương việc làm nghĩa lợi cho người mà năng thuyết chánh pháp. Do 5 chủng tướng nên biết không cùng chung. Những gì là năm? 1. Như Lai như thật biết rõ tất cả chủng đạo là đạo, tất cả chủng phi đạo là phi đạo; 2. Đã biết thì như thật

tuyên thuyết là đạo, là phi đạo, vì khiến người thú hưởng đạo, không thú hưởng phi đạo; 3. Nếu có người như đạo đã thuyết mà vui muốn siêng tu hành, thì khiến kia thực hành nhiếp thọ phương tiện, như lý dẫn dắt tác ý chánh đạo, dùng môn dạy trao mà vì kia tuyên thuyết; 4. Người kia lúc như thánh giáo mà hành, nếu có lỗi lầm làm chướng ngại Chỉ Quán đều khiến trừ khiến; 5. Nếu có người thuận theo pháp kia, đều khiến nhiếp thọ. Đây gọi là năng thuyết pháp không đồng phạm.

Trong đây, chánh hạnh không đồng phạm đó là Thanh văn trước nương Như Lai, sau hành chánh hạnh. Phạm Như Lai thì không thiếu chỗ nương. Lại kia hành chánh hạnh thành tựu chủng tánh Thanh văn, mà Phật Như Lai thành tựu tự chủng tánh. Lại Thanh văn kia hoặc đã thành thực, hoặc sẽ thành thực, chẳng phải trong tối hậu hữu thân Bồ-tát khá có được hai hành, đó là: nếu người chưa thực, thì kia tùy hành đạo khiến năng thực, đương lai thành thực tương tục; nếu người đã thực, ở hiện pháp kia thành bậc Đại sư dạy dẫn. Như hai chủng đây, như thánh giáo đây, tức như thế hành. Nếu tùy hành đạo, ở đời sau người kia sẽ chứng Niết-

bàn. Nếu ở hiện pháp thành Đại sư dạy dẫn, kia nương thân này liền chứng Thánh đạo, đạo quả Niết-bàn. Tức vì Thánh đạo đây và quả Thánh đạo không tổn lạc, gọi là như thật pháp; vì tánh nhiều ích nên gọi là thiện.

Lại nữa, ở trong các hành lược có 2 chủng thắng giải vô ngã: 1. Thắng giải văn, tư tăng thượng; 2. Thắng giải tu chứng tăng thượng. Trong đây thắng giải văn, tư tăng thượng năng làm chỗ nương cho thắng giải tu chứng tăng thượng. Các thiện nam tử tịnh tín xuất gia tuy đối đây đã cực khéo ân trọng đạt đến cũng không nên cho là vui đủ. Cần yếu lấy đây làm chỗ nương, ở trong các hành dần dần tu tập tướng vô thường... chứng đắc thắng giải vô ngã tăng thượng. Vì khiến kia chứng đắc triển chuyển thù thắng hơn, thì phải siêng tu quán thắng giải.

Lại nữa, do 4 chủng tướng nên biết các hành có 2 chủng đoạn. Những gì là bốn? 1. Vì đoạn các triền; 2. Vì đoạn tùy miên; 3. Vì đoạn tánh nhân các hành hậu hữu; 4. Vì đoạn các hành hạnh nhiễm hiện tại. Bốn chủng như vậy nên biết thuyết chung làm hai chủng đoạn: đoạn phiền não và dùng đoạn sự. Ba tướng trước gọi là đoạn phiền não, một

tướng sau gọi là đoạn sự.

Lại nữa, ở trong Dục giới các hành lưu chuyển ở vị trước, giữa, sau lược có ba chủng khổ sâu kín: 1. Ở thời sanh bị nhất kín trong thai tạng nên có khổ do ẩn khuất chướng ngăn; 2. Đã sanh ra, thời anh nhi, trẻ trung nhiều tật bệnh nên khổ; 3. Thời già suy, các căn suy yếu, có già chết nên khổ. Lại các hành kia lưu chuyển sanh khởi, trước giữa sau “diệt” tức là 3 chủng diệt nên khổ.

Lại nữa, có 3 tánh hữu, vì đoạn kia nên các Thánh đệ tử phải tinh cần tu học: 1. Nương quá khứ là tánh nhân của hữu. Do nhân duyên đây phát khởi tịnh tín, xả bỏ gia đình hưởng đến không gia đình, thấy sâu quá hoạn, chán bỏ các dục; 2. Nương vị lai sanh khởi các hành là tánh nhân của hữu; 3. Nương hiện tại chưa đoạn ý lạc tạp nhiễm tánh hữu. Để đoạn ba chủng tánh hữu như vậy cần có 3 đoạn: vì không đoái luyến, vì không hân lạc và vì tu tập thành tựu đoạn giới, ly dục giới, diệt giới.

Lại nữa, ở trong các hành lược có 2 chủng quán vô ngã kiến liã tăng thượng mạn. Những gì là hai? 1. Bất thiện thanh tịnh; 2. Thiện thanh tịnh.

Sao gọi là bất thiện thanh tịnh? Như có người

trụ hạnh viễn ly, nương quán nhĩn các hành tánh vô thường. Do trí thế gian mà phát sanh thắng giải tánh vô ngã. Nhân thắng giải đây nên ở nơi nhĩn nhận biết sắc, cho đến ý nhận biết pháp thủy đều tùy quán sát, vì tướng ngã ngã sở không hiện hành, nên gọi là đoạn.

Lại năng chế phục bốn ngoại hệ buộc nhiếp lấy ba chủng tham sân si sở hữu, đó là thân hệ buộc tham dục nhiếp tham sở hữu, thân hệ buộc sân khuể nhiếp sân sở hữu, hai chủng thân hệ buộc còn lại nhiếp si sở hữu. Nên biết trong đây nghĩa “cực uest nhiếp” là nghĩa “sở hữu”, vì trí vô ngã lia tăng thượng mạn và tương ưng như lý tác ý, vì nhiếp định địa. Trí đây do hai nhân duyên bất thiện thanh tịnh: 1. Ở thời đây, đó là lúc ở vị thú nhập thiện căn thuận phần quyết trạch, có ngã mạn thô tùy nhập tác ý vi tế hiện hành gián đoạn, không gián đoạn mà chuyển. Do nhân duyên đây tác niệm như vậy: “Ta nay ở nơi *không* năng tu năng chứng”, “*không* là ta có”. Do *không* đây nên kế chấp “Ta là hơn”. Như *không*, thì *vô tướng* và *vô sở hữu* nên biết cũng vậy; 2. Nhân duyên năng khiến pháp kia hiện hành, đó là ở nơi các dục hoặc

thân có thức nhiễm ái. Do ở nơi thức nhiễm ái như vậy mà không biết rõ khắp lực tăng thượng, liền bị sự trôi nổi của các dục ái thân. Do ý lạc đây nên đối với Niết-bàn kia không thể thú nhập, tầm trở lại thối thất như trước đã thuyết.

Sao gọi là thiện thanh tịnh? Do 8 tướng năng biết rõ khắp, vì biết rõ khắp nên trừ các quá hoạn. Nên biết đây gọi là chân trí vô ngã cực thiện thanh tịnh lìa các ngã mạn. Lại ở trong đây vì đã hoại diệt, vì pháp hoại diệt, gọi là vô thường. Chỗ tập hành các nghiệp phiền não gọi là hữu vi. Do nguyện lực xưa mà tích tập thành gọi là tư sở tạo. Vì từ tự chủng tử ngoại duyên hiện tại mà tích tập thành, gọi là duyên sanh. Vì ở đời vị lai pháp suy lão, gọi là pháp tận. Pháp chết chìm, gọi là pháp chết. Vì chưa đến già, chết mà bị tật bệnh... chúng chủng tai hoạn bức não, nên gọi là pháp phá hoại. Do nương hiện lượng, vì năng lìa dục, vì năng đoạn diệt, gọi là ở hiện pháp đắc pháp ly dục cùng với pháp diệt. Trong đây, trừ pháp ly dục và pháp diệt, do tướng còn lại lược quán sở hữu quá hoạn của ba đời, do tướng còn lại quán ra khỏi kia. Nếu do quá hoạn và ra khỏi như vậy mà biết khắp thức

kia, gọi là khéo biết khắp. Trong tất cả pháp không có tánh ngã, gọi là các pháp ấn. Tức pháp ấn đây bởi theo luận *Đạo lý Pháp vương* mà được tạo ra. Ở các thánh thân không bị não hại, tùy hỷ năng đắc tất cả thánh tài. Do đây tự nhiên kiết tường an lạc, vượt qua đường dài sanh tử rộng lớn hiểm nạn, cho nên cũng gọi là chúng thánh pháp ấn. Trong đây nên biết do trước gọi là thông đạt trí, do sau gọi là kiến thiện thanh tịnh.

Lại nữa, nên biết do 5 chủng tướng, ở nơi nội pháp và ngoại pháp, thầy và đệ tử có sự cao thấp sai khác: 1. Do trụ; 2. Do điều ngự chúng; 3. Do luận quyết trạch; 4. Do kiến lập khai hóa hiển thị đạo; 5. Do hạnh.

Các thầy và đệ tử ngoại đạo hằng thường trú nơi ồn náo. Thầy và đệ tử nội pháp hằng thường trú nơi cực tịch tĩnh. Đây gọi là cao thấp sai khác thứ nhất.

Lại, các thầy ngoại đạo, do chúng đệ tử Tăng xuất gia của các ngoại đạo tự có hạn lượng, gọi là có Tăng. Do chúng đệ tử tại gia của các ngoại đạo tự có hạn lượng, gọi là có Chúng. Mong muốn tất cả kia ngưỡng mộ tin theo làm thầy, nên gọi là các

thầy. Chúng sanh thuộc loại ngu tin theo cho là đức, cho nên gọi là cùng truy cầu các sắc tốt. Nên biết Như Lai trái với tướng kia. Tuy là Đại sư vô thượng của tất cả trời và thế gian, được trời người và thế gian đồng suy tôn, mà không chỗ mong cầu.

Lại, khi thầy và đệ tử ngoại đạo cùng hưng khởi luận nghị quyết trạch, phạm có sở thuyết triển chuyển ý hiểu mỗi mỗi sai khác, tướng không thuận với nhau, càng chuyển càng thêm rối, không phải tịnh trí. Nên biết nội pháp trái với tướng kia.

Lại, thầy ngoại đạo dạy các đệ tử nương theo không nhân, nhân không bình đẳng, cùng thi thiết kiến lập khai hiển đạo như vậy. Nếu lắng nghe pháp bất chánh như vậy là đại quý La-sát nhiều loạn nơi tâm. Lại tâm tư bất chánh, tương ứng tác ý phi lý, nơi tâm tán động, lấy đây làm chỗ nương mà ôm lòng hơn thua trách mắng đối với người. Nếu người phản hỏi liền nóng nảy vội bạo, không tư trạch sâu, phát ngôn từ khinh suất. Tự mình ẩn giấu trong không nhân, nhân không bình đẳng, gọi là tạp nhiễm. Do đây ngu phu đối với nhân duyên nhiễm kia, hoặc do mình, hoặc do người mà không như thật biết, cho nên gọi là ngu muội. Vì

lìa thanh tịnh, gọi là không sáng suốt minh bạch. Vì đối với nhân thanh tịnh không được thiện xảo, gọi là bất thiện. Lại cho đến đối với lời nên sở thuyết, lời như sở thuyết, lời thuyết thị xứ, tất cả như vậy đều không như thật biết. Cho nên thuyết kia là không biết lượng, là không biết ruộng. Nên biết nội pháp trái với tướng trên.

Lại, các thầy và đệ tử ngoại đạo tuy có thuyết sai khác, vì sở thuyết không giảm không điền đảo; tuy không trôi nổi tản mạn, vì sở thuyết không tăng không thêm lên; tuy sở thuyết hết thảy, vì nghĩa tương tự; tuy là thuyết pháp, vì văn bình đẳng; tuy lại ký biệt pháp và thuận theo pháp, nhưng đối với đồng pháp lạc chỉ là bè đảng. Nên biết ở nơi tùy pháp hành pháp chứng đắc nghĩa tự lợi, kẻ kia nếu không phóng dật còn không thể đắc, huống là phóng dật. Do kia không được nghĩa tự lợi như vậy, liền bị luận khác chế phục khinh hủy. Kẻ kia lại nhiếp thọ các pháp tà ác. Nên biết nội pháp trái với tướng kia. Đây gọi là năm chủng cao thấp sai khác.

Lại nữa, do 4 chủng tướng nên biết các hành quyết định không phải nhiễm, khổ. Lại do 4 tướng

quyết định không phải lạc, tịnh. Bốn tướng như vậy nương chung 3 sự. Những gì là ba?

1. Vì nương xứ sanh đến: Nói lạc, tức ở Đệ tam tinh lự. Lạc đuổi theo: ở trong người có hai chủng. Hỷ lạc khắp: ở Sơ và Đệ nhị tinh lự. Chưa vĩnh viễn lìa lạc: ở Đệ tứ tinh lự trở lên. Trong đây khổ: ở ngã quý và bàng sanh. Chỗ tùy khổ: ở trong người. Ưu khổ khắp: ở địa ngục. Chưa vĩnh viễn lìa khổ: ở trong các cõi trời có khổ đuổi theo.

2. Vì nương thọ: Nói lạc, là thọ vị không khổ không lạc hiện tại tiền. Lạc đuổi theo: thọ vị khổ hiện tại tiền. Hỷ lạc khắp: thọ vị lạc hiện tại tiền. Không vĩnh viễn lìa lạc: vì ở tất cả vị nhân lạc tùy chuyển theo. Nếu trái với tướng đây nên biết là khổ sai biệt.

3. Vì nương đời: Nói lạc, tức hành thuận lạc và lạc đã diệt. Lạc đuổi theo: có nhân lạc, ở đời vị lai sẽ sanh khởi lạc. Hỷ lạc khắp: ở hiện tại thuận theo xứ lạc. Chưa vĩnh viễn lìa lạc: ở quá khứ và vị lai. Trái với tướng đây là 4 khổ sai biệt nên biết như trước.



Quyển 88

Thứ 1. NHIẾP TRẠCH SỰ HÀNH KHẾ KINH Phần 4

Lại nữa, Ót-Đà-Nam nói:

*Hai trí gồm các sự
Hành lạc thủy chuyển biến
Thuyết kinh: thỉnh, không thỉnh
Niết-bàn có hai chủng.*

Trí có 2 chủng: chánh trí và tà trí. Trong đây chánh trí nương *sự có* mà sanh khởi. Tà trí cũng vậy. Tuy hai trí đây đều nương *sự có*, nhưng chánh trí như thật nắm giữ sự việc. Tà trí thì tà phân biệt, không như thật nắm giữ sự việc. Do nương chánh giáo, như lý tác ý làm hành dẫn đầu, nên ở nơi cảnh sở tri chánh trí được sanh. Do nương tà giáo, tác ý phi lý làm hành dẫn đầu, nên ở nơi cảnh sở tri, tà trí được sanh, chánh trí chẳng sanh, hoại cảnh sở tri. Chỉ cần ở nơi cảnh đây mà xả bỏ tà chấp, ngay đó chánh trí khởi. Như sắc trong tối,

lúc đèn sáng chỉ năng soi sáng mà không hại sắc kia, nên biết nghĩa đây cũng lại như vậy.

Lại nữa, các hành thuận theo thọ lạc vì cùng tương ưng với tướng vô thường, nên hành kia lúc đến vị khổ, bấy giờ gọi là tổn não bức bách; nếu đến vị không khổ không lạc, lúc này mới ở hành khổ, gọi là khổ bức bách; nếu không đến vị kia, liền lẽ rớt ráo chỉ thuận thọ lạc, không đến vị khác.

Lại các hành thuận theo pháp sanh lão... đều là khổ. Hành kia nếu đến vị tật bệnh, gọi là tổn não bức bách; nếu đến vị sanh khổ... gọi là khổ bức bách; nếu không đến vị kia, ở trong các hành chỉ có sự đuổi theo của nhân sanh khổ... không đến vị quả.

Lại, bản tánh các hành là nhóm duyên sanh, nên không được tự tại, cũng không chủ tử. Nếu tất cả hành kia có chủ tử, thì tuy tánh vô thường, lẽ tùy sở thích mà lưu chuyển không dứt, hoặc không khiến rơi vào sanh nói rộng cho đến tử.

Lại nữa, Khế kinh có 2 chủng: 1. Nhân thỉnh mà thuyết; 2. Không nhân thỉnh mà thuyết.

Nhân thỉnh mà thuyết: nếu có bố-đặc-già-la

do chánh giáo về tướng các hành đây mà được điều phục, thì nhân sự thỉnh cầu của kia mà chuyển dạy tướng các hành như vậy.

Không nhân thỉnh mà thuyết: như ở trong hội có đến vài trăm chúng, dùng vô lượng môn thiện lành vi diệu để tuyên thuyết. Hoặc Đại sư vì muốn chánh pháp cửu trụ nên tác thuyết như vậy như vậy cho đệ tử cận trụ A-Nan-Đà...

Lại nữa, do 3 phần nên nhiếp thọ viên mãn Niết-bàn: 1. Do tùy thuận dạy trao; 2. Do chánh quán sát hết thủy hành; 3. Do vĩnh viễn đoạn hết thủy phiền não.

Tùy thuận dạy trao: Đây nhiếp thuộc thần biến ký thuyết dạy răn của Như Lai, Như Lai tùy muốn mà ký thuyết tâm của người. Do tự định ý, dùng ba hành tướng quán chiếu khắp tâm người: hoặc tâm chuyển diệt lâu dài, hoặc tâm diệt không gián đoạn, hoặc tâm ở sở duyên hiện tại chuyển. Từ định khởi rồi, sau tùy nhớ nghĩ phân biệt, tư duy tâm người đã thọ trong định. Như điều đã thọ tức như vậy ký: “Ông có tâm như vậy”, đó là tâm diệt lâu dài. “Ông có ý như vậy”, đó là tâm diệt không gián đoạn. “Ông có thức như vậy”, đó là tâm

hiện tại chuyển. Đây căn cứ chủng loại, không căn cứ sát-na. Tức dùng thần biến ký thuyết như vậy làm chỗ nương, nên ở nơi 3 xứ mà vì dạy răn: 1. Ở hành xứ, cảnh giới hiện tiền, khai mở cho phép như lý tác ý, ngăn chặn dừng dứt không như lý tác ý; 2. Ở trụ xứ, ngăn chặn dừng dứt tâm tư bất chánh, khai mở cho phép chánh tâm tư; 3. Ở hành xứ siêng tu Chỉ Quán, khai mở cho phép khiến đoạn các hành chưa đoạn, cũng khiến vĩnh viễn lìa hệ buộc của các phiền não mà chứng Niết-bàn. Như vậy tuyên thuyết ba xứ là hành xứ, trụ xứ và y xứ khiến từ các tùy phiền não, tâm được thanh tịnh.

Lại chánh quán sát các hành quá khứ, vị lai, hiện tại, gọi là chánh quán sát tất cả các hành.

Lại có ba lậu, do ba lậu đây làm tiền dẫn mà có dục hại. Vì dục hại làm tiền dẫn mà có tâm tư nhiệt não. Vì tâm tư nhiệt não làm tiền dẫn mà sanh truy cầu ưu não. Vì tất cả chủng đều vĩnh viễn đoạn trừ, gọi là tất cả phiền não vĩnh viễn đoạn.

Như vậy lúc an trụ tâm thiện giải thoát lạc trú vô tướng không hãi sợ, ở trong hiện pháp gọi là nhập trong số viên mãn Bát-niết-bàn.

Lại nương 3 pháp, nếu nương nghĩa riêng mình được gọi là trụ quy y, nếu nương nghĩa của người được gọi là trụ cõn bải. Sao gọi là ba? 1. Bên trong nương như lý tác ý làm tiền dẫn, tùy pháp hành pháp; 2. Nương lắng nghe chánh pháp chư Phật sở thuyết; 3. Nương thân cận bậc thiện sĩ nội chánh pháp, không nương thân cận các kẻ ngoại chánh pháp, các kẻ không phải thiện sĩ, tất cả ngoại đạo. Ba pháp như vậy nên biết hiển dạy có 4 chủng pháp cần thực hành nhiều, đó là: thân cận bậc thiện sĩ, lắng nghe chánh pháp, như lý tác ý và tùy pháp hành pháp.

Lại do 3 duyên và 5 chủng tướng nên biết chúng đăc một phần Niết-bàn kia.

Sao gọi là 3 duyên? 1. Vì biết khắp khổ; 2. Vì cảm nhận sâu việc thuận theo các hành khổ có các quá hoạn; 3. Vì vượt qua sâu thán... tất cả khổ.

Sao gọi là 5 tướng? 1. Nhận biết khi tiếp xúc với chủng loại tướng khổ phát sanh sâu thán... đây gọi là biết khắp tự tánh của kia; 2. Biết có chủng tử pháp kia được sanh, đây gọi là biết khắp tánh nhân của kia; 3. Biết sở hành cảnh giới sở tri của chính nó, đây gọi là ở nơi kia biết khắp tánh duyên;

4. Tùy quán: “Nếu chấp trước ngã và ngã sở đều là thuận theo các hành khổ”, đây gọi là biết khắp tánh hành của kia; 5. Tùy quán: “Các hành ba đời hệ buộc Dục giới có quá hoạn”, năng đoạn tất cả các khổ sâu..

Nên biết do 3 duyên và 5 tướng như vậy đạt được một phần Niết-bàn kia. Do sự khả ái chuyển biến vô thường, tâm buồn bi thương, nên gọi là sâu. Do kia phát lời than thở ghen ngào, nên gọi là thán. Nhân đây buồn giận, nên gọi là khổ. Do kia bên trong ôm lòng oán kết, nên gọi là ưu. Nhân đó càng thêm mê loạn, nên gọi là não.

Lại tùy một trong số các nỗi đau hiện tiền như tan mất tài bảo, bệnh tật không người thân thích... hết thấy sự việc khiến sanh ưu não, nên gọi là sâu. Do nương đây nên kể đến phát lời ai oán, buồn than khiến thân phiền nhiệt, gọi là vị thán khổ. Vượt qua sâu than phiền nhiệt của thân rồi, bên trong bị thiêu đốt mà ngoài dường tĩnh lặng, tâm vẫn chưa bình ổn, gọi là vị ưu. Do nhân duyên hoặc quá một ngày, hoặc hai ba năm, hoặc mười ngày đêm, nửa tháng ý vẫn chưa an ổn, nên gọi là não.

Lại nữa, Ôt-Đà-Nam nói:

Tránh, mê, kiến đại nhiễm

Một hương, học, bốn sợ

Trong thiện thuyết, ác thuyết

Túc trụ niệm sai biệt.

Do 4 nhân duyên Như Lai không cùng những kẻ thế gian mê chấp kia cùng oán đối tranh luận, nhưng thế gian kia khởi tà phân biệt cho là oán tranh. Những gì là bốn? 1. Vì tuyên thuyết nghĩa đạo lý; 2. Vì tuyên thuyết nghĩa chân thật; 3. Vì tuyên thuyết nghĩa lợi ích; 4. Vì có lúc thuận theo thế gian mà chuyển.

Trong đây, Như Lai nương bốn đạo lý để tuyên thuyết chánh pháp, đó là quán đãi đạo lý, tác dụng đạo lý, nhân thành đạo lý và pháp nhĩ đạo lý, như trước đã nói. Do đây Như Lai gọi là *lời pháp*. Như Lai trọn không đến chỗ của người mà hưng khởi tranh luận. Vì có sao? Những người thế gian vì đề cao nghĩa mình, phản đối nghĩa người nên hưng khởi tranh luận. Như Lai vì lấy tất cả nghĩa người tức là nghĩa mình nên không tranh cãi, chỉ trừ vì ai mãi muốn khiến những kẻ thế gian kia thông

hiếu nghĩa mà đi đến chỗ người tuyên thuyết chánh pháp. Nhưng vì những kẻ thế gian tà chấp ngu si điên đảo hư vọng, cho là nghĩa mình nghĩa ta mà có sai biệt, nên hưng khởi ngã tránh. Do nhân duyên đây, nên biết Như Lai gọi là *lời đạo lý*.

Lại, Như Lai gọi là *lời chân thật*. Nếu những người thế gian thông minh nhạy bén cùng tin là *có*, Như Lai đối kia cũng thuyết là *có*, đó là tất cả hành đều là vô thường. Nếu những người thế gian thông minh nhạy bén cùng tin là *không*, Như Lai đối kia cũng thuyết là *không*, đó là tất cả hành đều thường trụ.

Lại, Như Lai gọi là *lời lợi ích*. Như những kẻ thế gian tối tăm mù lòa, ở nơi pháp thế gian tự mình không thể rõ biết, Như Lai đối kia tự hiện Đẳng giác vì họ khai tỏ.

Lại, Như Lai có lúc tùy thuận thế gian mà chuyển. Như A-tử-la-ma-đăng-chi... rất khó khăn trong việc mưu sinh, những người thế gian nương kia giả lập danh tướng phước lớn tài cao vật thực nhiều. Như giả lập danh tướng của thế gian kia, Như Lai tùy kia cũng thuyết như vậy. Lại, như cùng một sự việc nhưng ở quốc độ này giả lập danh

tướng như vậy, ở quốc độ khác lại lập danh tướng khác, Như Lai tùy kia cũng thuyết như vậy.

Nếu ôm lòng hiểm khích tranh cãi mà phát khởi oán tranh, thì không được gọi là *lời đạo lý, lời chân thật, lời lợi ích, lời tùy thế gian mà chuyển*. Do đủ 4 nhân duyên như vậy, cho nên nên biết Như Lai không tranh cãi.

Lại, Phật Thế Tôn tự nhiên quán sát nghĩa nên tuyên thuyết, tuy không người thỉnh hỏi mà tự tuyên dương hiện giác hết thấy pháp, năng dùng danh, cú, văn thân xưng khen thi thiết kiến lập các pháp sai biệt, nói rộng như phần *Nhiếp đi môn*, như vậy cho đến gọi là bình đẳng khai thị.

Lại nữa, một là nhân, hai là duyên, khiến mầm hậu hữu sẽ được sanh trưởng, đó là trong năm phẩm hành. Chủng tử phiền não đui theo thức gọi là nhân. Bốn chủng thức trụ cùng với nhân gọi là duyên. Lại do hỷ tham đượm nhuần thức ấy khiến ở xứ sẽ thọ sanh đến kết sanh tương tục cảm hữu thân, cũng gọi là duyên.

Trong đây có người do bốn thức trụ nhiếp thọ sở y và do hỷ tham, nên ở trong hiện pháp tạo tác những tập mới mới và tăng trưởng tập đây. Ở thời

sau, vị kia thành A-la-hán khiến chúng tử thức thấy đều thối rửa, tất cả mầm hữu vĩnh viễn chẳng được sanh.

Lại, giả sử có người đủ tất cả phước mà siêng tu chánh hạnh, hân lạc đối với Niết-bàn, khởi tưởng nhằm chán trái lìa với khắp tất cả các xứ thọ sanh. Vì người kia có đầy đủ phước nên chúng tử không hoại mất, thức trụ hòa hợp, nhưng đối với hữu khởi tưởng nhằm chán trái lìa nên không hỷ tham. Người kia tu chánh hạnh như vậy, nên ở trong hiện pháp kham nhiệm Bát-niết-bàn, mầm hậu hữu cũng không được sanh.

Lại có người trụ ở học địa mà đắc quả Bất hoàn, chỉ các hành Phi tướng phi phi tướng xứ là sót thừa, ở định Hữu đánh đây đây đủ an trụ, chúng tử thức kia vẫn còn chưa diệt tận tất cả, nhưng ở nơi thức trụ năng khắp rõ biết, năng khắp thông đạt. Vị kia lực vọng niệm tăng thượng, nên tham ái địa trên vẫn còn chút phần dư tàn. Chỉ có bậc Bất hoàn ở đương lai không sanh trở lại tất cả mầm hữu địa dưới. Trái với tướng đây, nên biết tất cả mầm hữu hậu hữu đều được sanh trưởng.

Lại nữa, tạp nhiễm có hai: 1. Kiến tạp nhiễm;

2. Sốt thừa phiền não tạp nhiễm.

Kiến tạp nhiễm: ở nơi các hành tà chấp ngã ngã sở, theo đó chuyển hữu thân kiến. Do kiến đây hoặc chấp các hành cho là thật ngã, hoặc chấp các hành cho là thật ngã sở.

Lại có các “sốt thừa” đây là căn bản các ngoại kiến thú, còn lại là sở hữu phiền não như tham... Đây gọi là tạp nhiễm thứ hai.

Lại khi kiến tạp nhiễm được giải thoát, cũng năng ở nơi sốt thừa tạp nhiễm sẽ rất ráo giải thoát. Chẳng phải khi sốt thừa tạp nhiễm được giải thoát mà có thể giải thoát các kiến tạp nhiễm. Vì cơ sao? Do sanh đây nương đạo thế gian cho đến năng lìa sở hữu tham dục của Vô sở hữu xứ. Ở nơi địa dưới, tâm được giải thoát khỏi các sốt thừa phiền não, mà chưa thể thoát hữu thân kiến. Do kiến đây, ở nơi sở hữu tự thể của các hành địa dưới địa trên lẫn tạp, không quán sai biệt, chung quy kế chấp là ngã hoặc ngã sở. Do nhân duyên đây, tuy tiến đến Hữu danh mà trở lại thối thất. Nếu ở nơi tất cả tự thể như vậy mà biết khắp là khổ, do đạo xuất thế trước đoạn tất cả hữu thân kiến, sau lại năng đoạn vĩnh viễn sốt thừa phiền não. Do nhân

duyên đây không thối chuyển trở lại. Cho nên nên biết chỉ có kiến tạp nhiễm là đại tạp nhiễm.

Lại nữa, nên biết do 3 chủng tướng đạo gọi là *một hướng*, đó là ở dị sanh địa, ở hành hưởng học địa và vô học địa. Một hướng tức là dụng 5 hành tướng quán sát 5 xứ sai khác của các hành. Ở dị sanh địa dụng 5 hành tướng quán sát các hành. Ở hai thời là học địa và vô học địa cũng dụng quán sát đây tu trị khiến thanh tịnh.

Sao gọi là 5 chủng hành tướng quán sát các hành? 1. Quán sát tự tánh các hành; 2. Quán sát nhân duyên các hành; 3. Quán sát nhân duyên tạp nhiễm; 4. Quán sát nhân duyên thanh tịnh; 5. Quán sát thanh tịnh.

Lại nữa, nên biết trước ở vị dị sanh đã được thiện xảo nơi 5 xứ sai khác của các hành rồi, về sau ở vị học tức dụng trở lại 5 xứ như vậy quán sát tỉ mỉ chân thật 5 hành tướng sai biệt, năng khiến nhanh chóng thành tựu thông tuệ. Những gì gọi là 5 chủng hành tướng? 1. Quán sát các hành, nhân duyên các hành, nhân duyên tạp nhiễm, nhân duyên thanh tịnh vì diệt tịch tĩnh; 2. Vì hướng đến đạo thanh tịnh xuất ly; 3. Vì chủng chủng các hành

có nhiều tánh; 4. Vì riêng tự chủng tử của mình sanh khởi; 5. Vì riêng chờ đợi duyên khác mà sanh khởi.

Lại nữa, nên biết do 4 nhân duyên khiến phát sanh hãi sợ năng làm chướng ngại đối với 2 xứ. Những gì là bốn?

1. Hoặc ở vị đây khiến sanh khởi: ở trong vị phi thánh khiến sanh khởi. Ở trong vị đây đối với các thánh để chưa được thiện xảo. Lại phi thánh đây ở nơi 5 xứ cũng chưa thiện xảo.

2. Hoặc nương pháp đây khiến sanh khởi: ở nơi các hành khởi tướng tà hạnh, kế chấp ngã, ngã sở, hữu thân kiến làm chỗ nương khiến sanh khởi.

3. Hoặc kia như vậy khiến sanh khởi: đó là do 2 chủng các hành biến hoại sai biệt khiến sanh khởi. 1. Do duyên khác biến hoại; 2. Do tự tâm khởi tà phân biệt mà biến hoại.

4. Hoặc hành tướng kia khiến sanh khởi: đối với điều yêu thích, lo sợ vị lai bị biến hoại nên sanh hành tướng lo sợ, đang lúc biến hoại thì sanh hành tướng tổn não. Đối với những điều yêu thích đã bị biến hoại mà mong muốn được trở lại, nên sanh khởi hành tướng đoái luyến. Lại đối với Niết-

bàn vì phân biệt cho là tự thể biến hoại hẳn, nên khởi hành tướng sợ hãi.

Như vậy, khi hành tướng sai biệt chuyển, năng làm chướng ngại trong việc vui thích thánh giáo và vui thích Niết-bàn.

Lại do 2 chủng môn nên ở nơi cảnh sở duyên, chỗ sở hành của chính nó, chấp ngã ngã sở sai biệt mà chuyển, đó là vì thôi thúc tìm cầu và vì lãnh thọ, cũng chính là kiến và thọ.

Lại nữa, do 3 chủng tướng nên biết người pháp thiện thuyết và người pháp ác thuyết ở trong sự túc trụ tùy niệm... có nhiễm, tịnh sai khác. Những gì là ba?

1. Người pháp ác thuyết túc trụ tùy niệm không như thật biết tự tướng, cộng tướng của các hành kia, nên ở nơi các hành hoặc kế chấp hoàn toàn thường, hoặc kế chấp một phần thường, hoặc kế chấp chẳng phải thường, hoặc kế chấp không nhân. Người pháp thiện thuyết túc trụ tùy niệm vì như thật biết tất cả kia, nên không tà phân biệt. Đây gọi là sai khác thứ nhất của hai niệm.

2. Người pháp ác thuyết tùy nương định mà phát khởi túc trụ tùy niệm, chẳng thể như thật

biết rõ là khổ nên sanh ái vị. Do ái vị nên ở nơi hành quá khứ sanh sâu luyến tiếc, ở nơi hành vị lai sanh sâu hân lạc, ở nơi hành hiện tại không thể tu hành, chẳng thể sanh sâu chán lìa, diệt dục. Nên biết tất cả tướng của người pháp thiện thuyết trái với trên. Đây gọi là sai khác thứ hai của hai niệm.

3. Người pháp ác thuyết như vậy vì bị tạp nhiễm bởi 4 chủng tạp nhiễm tà hạnh, nên năng chiêu cảm hậu hữu. Những gì gọi là 4 chủng tạp nhiễm? 1. Nghiệp tạp nhiễm; 2. Kiến, ngã mạn triền tạp nhiễm; 3. Ái triền tạp nhiễm; 4. Tùy miên kia tạp nhiễm.

Hoặc tạo tác tăng trưởng các nghiệp mới, hoặc lớp lớp tiếp xúc các nghiệp cũ rồi mà không tiêu dung, đây gọi là nghiệp tạp nhiễm.

Hoặc ở nơi các hành tà phân biệt khởi hữu thân kiến, đối với hữu tình khác như Sa-môn, Bà-la-môn... lấy họ so sánh với mình, tự cho mình hoặc hơn, hoặc bằng, hoặc thua. Đây gọi là kiến, ngã mạn triền tạp nhiễm.

Ở bên trong, bên ngoài mà phát khởi tham dục, nên biết tướng kia ở trong hành ái. Đây gọi là

ái triền tạp nhiễm.

Ở trong tương tục, ba phẩm thô trọng: kiến, ngã mạn và ái thường triền chuyển đỏi theo. Đây gọi là tùy miên kia tạp nhiễm.

Bốn chủng như vậy tổng nhiếp làm 2 là: nghiệp và phiền não. Phiền não lại có 2 là: triền và tùy miên. Ở trong các hành, trước khởi tà chấp, sau sanh tham trước. Do lực hai chủng đây tăng thượng, tuy có sót thừa phiền não tạp nhiễm mà chỉ chọn đây là căn bản của phiền não. Ở trong các hành mà không khởi tà chấp so sánh mình người, gọi là kiến. Nếu đối với người khởi so sánh, gọi là ngã mạn. Tà chấp như vậy là phẩm vô minh, do đây làm tiền dẫn khiến phát khởi tham trước, gọi là phẩm ái. Do hai chủng phiền não căn bản đây, ở trong sanh tử lưu chuyển không dứt. Nếu người chánh tu hành trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, năng đoạn trừ 4 chủng tạp nhiễm như vậy, ở trong hiện pháp năng Bát-niết-bàn, lại do đây năng an trụ rất ráo toàn mãn Niết-bàn. Nếu không như vậy, còn chẳng thể trụ một phần Niết-bàn kia, hà huống rất ráo. Đây gọi là sai biệt thứ ba của hai niệm.

Lại ở trong đây kiến và ngã mạn gọi là cao thị, ái gọi là khói. Vì cơ sao? Ở trong các hành, người bị kiến và ngã mạn chướng ngại không thể như thật biết tánh đây nhỏ nhoi thấp kém. Thể tướng các hành ở thân người, thân trời và vật dụng của chúng kia thì thù thắng vượt hơn, cho nên hai kia gọi là cao thị. Ái giống như khói mù, vì khiến tâm nhiều loạn chẳng được an ổn, nên gọi là khói.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

Không yếm hoạn, không muốn

Hỏi đáp không loạn, tướng

Chướng, hy kỳ, vô nhân

Chê, thuần, nhiễm đồng sau.

Có hai loại người tín mà không được xưng khen là sở tác của người tín. Những gì là hai? 1. Người tại gia tín, tức là tín có Niết-bàn và tất cả hành là tánh vô thường; nhưng ở nơi các hành không thấy quá hoạn, không trụ chán lìa, không biết ra khỏi xa lìa mà lại thọ dụng; 2. Người xả ly pháp gia đình hướng đến pháp không nhà, có tịnh tín. Người kia đối với Niết-bàn không thể an trụ

vui muốn mãnh lợi, không dụng muốn đây làm chỗ nương để thường siêng tu tập thiện pháp, ở trong hiện pháp không Bát-niết-bàn. Trái với tướng đây nên biết được xưng khen là người có sở tác tín.

Lại nữa, ở trong nội pháp lược có hai loại người đầy đủ thông minh. Nếu lúc có người tịnh tín hoặc các ngoại đạo đến thỉnh hỏi, năng trả lời không loạn, tức là nương trung đạo. Hoặc khi có người ở trong các hành hỏi sanh diệt, thì không thêm hữu tình, không giảm sự thật, chỉ không loạn mà đáp, tức ở nơi các hành an lập sanh diệt. Nếu lập hữu tình có sanh có diệt, đây gọi là biên thứ nhất, tức là biên tăng ích. Nếu lập sanh diệt đều không chỗ có, đây là biên thứ hai, tức là biên tổn giảm. Chỉ ở nơi các hành an lập sanh diệt, đây gọi là trung đạo, xa lìa hai biên. Cho nên nếu người năng trả lời như vậy là khéo trả lời, là chỗ Như Lai khen ngợi.

Hoặc lại có người hỏi: “Nhân duyên nào nên ở chỗ Sa-môn Kiều-Đáp-Ma mà tu tập phạm hạnh?”. Nếu được hỏi đây nên đáp như trước, tức xa lìa hai biên tăng ích và tổn giảm, nương trung đạo mà đáp, gọi là trả lời không loạn. Nếu cho là hữu tình

tu tập nhiễm tịnh, đây là biên thứ nhất, gọi là biên tăng ích. Nếu cho là tất cả đều không tu tập, đây là biên thứ hai, tức là biên tổn giảm. Nếu đáp: “Vì chán lìa các hành, diệt dục mà tu tập”, đây gọi là trung đạo xa lìa hai biên. Cho nên trả lời đây gọi là trả lời không loạn, gọi là khéo trả lời, là chỗ chư Phật khen ngợi.

Lại nữa, pháp có 2 chủng: hữu vi và vô vi. Trong đây, hữu vi là tánh vô thường. Ba tánh hữu vi thì thiết khá được: 1. Tánh sanh; 2. Tánh diệt; 3. Tánh trụ dị. Ba tướng như vậy nương hai hành lưu chuyển an lập: 1. Nương thân sanh triển chuyển lưu chuyển; 2. Nương sát-na triển chuyển lưu chuyển.

Nương lưu chuyển ban đầu: Ở trong chúng hữu tình đồng phận kia, trước sanh ra gọi là sanh, sau chết đi gọi là diệt. Ở trong khoảng giữa từ vị anh nhi, thiếu niên... cho đến thọ mạng còn tồn tại, gọi là trụ. Các vị về sau chuyển biến sai biệt gọi là tánh trụ dị.

Nương lưu chuyển thứ hai: Nương các hành kia sát-na sát-na mới mới sanh khởi gọi là sanh. Sát-na sanh rồi, sau không trụ gọi là diệt, vì chỉ có sát-na đang sanh được trụ mới gọi là trụ.

Tánh dị có hai: 1. Tánh dị của tánh dị là các hành tương tự tương tục mà chuyển; 2. Tánh dị chuyển biến là các hành không tương tự tương tục mà chuyển. Chẳng phải tánh dị đây là tướng trụ ngoài riêng có “thể” khả đắc, cho nên hai chủng nhiếp chung làm một, thi thiết một tướng.

Trái với tướng trên nên biết là 3 tướng vô vi thường trụ.

Lại nữa, nên biết tu tập tư lương Niết-bàn lược có 3 chương ngại: 1. Nương sự nghiệp tài bảo sung túc rộng lớn mà hành nhiều phóng dật; 2. Không được thiện tri thức phương tiện hiểu dụ; 3. Chưa được nghe chánh pháp, chưa đắc chánh pháp, bỗng gặp phải duyên chết nên phi thời mà chết.

Trái với tướng đây nên biết không chương ngại cũng có 3 chủng.

Lại, các bậc thánh lúc sắp lâm chung lược có 2 chủng tướng của thánh, đó là khi lâm chung các căn đứng tịnh, mong Phật sở ký. Do 3 chủng tướng Phật vì tất cả các bậc thánh đã qua đời mà ký biệt. “Chủng tánh thánh tánh đã qua đời”, đây chỉ ký dành cho Vật Loại. Lại “Ta đã rõ biết pháp và tùy pháp”, nói pháp tức chánh kiến làm hành dẫn đầu

thánh đạo; nói tùy pháp, tức đã lắng nghe pháp từ âm của người, nương pháp đây như lý tác ý. Lại “Ta chưa từng nào loạn chánh pháp, lấy đây làm chỗ nương”, đó là nghĩa Như Lai vì muốn thông báo cho biết và vì nghĩa đây mà có đối tượng tuyên thuyết cho đến vì khiến các lậu vĩnh viễn tận. Những vị kia do đây nên đã được tận lậu.

Lại nữa, chư Phật Như Lai có hai chủng pháp rất hy hữu kỳ lạ:

1. Người chưa tín khiến tín, người đã tín khiến tăng trưởng nhanh chóng, khiến được ngộ nhập thánh giáo.

2. Tướng đại sư, hoặc tướng giáo pháp, hoặc đã chứng đắc tướng đắc bậc nhất, khắp ở mười phương tiếng khen thiện lành mỹ diệu, tán thán ca ngợi rộng lớn không đâu không trái khắp.

Tướng đại sư đó là Bạc-Già-Phạm, là chân thật Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác cho đến Thế Tôn, rộng giải thích như phần *Nhiếp dị môn*.

Tướng giáo pháp là thuyết chánh pháp trước, giữa, sau đều thiện, cho đến nói rộng như phần *Nhiếp dị môn*.

Chứng đắc tướng đắc bậc nhất tức là ở tất cả

đời này đời khác tự nhiên thông đạt hiện Đẳng chánh giác, cho đến rộng thuyết. Trong đây, Dục giới gọi là đời này, Sắc giới và Vô sắc giới gọi là đời khác. Hai thời hiện tại, quá khứ riêng khác, cho nên gọi là sai biệt thứ hai. Vì không thấy nên gọi là tự nhiên. Vì hiện sở đắc sáu chủng thông tuệ nên gọi là tác chứng. Ở trong các hữu tình là tối bậc nhất, nên gọi là viên mãn. Vì tánh bậc nhất đây tự nhiên biết, chỉ dạy cho người gọi là khai tại.

Lại năng trừ khiến luận thuyết không nhân và luận ác nhân, nhiếp thọ tất cả luận thuyết chánh nhân. Vì có sao? Luận thuyết không nhân và luận thuyết ác nhân khiến chẳng đến đường thiện người trời và lạc giải thoát, chẳng phải là chỗ nương thặng giải của các bậc thông tuệ, hà huống thú nhập những điều khác. Luận thuyết chánh nhân nên biết trái với tướng kia.

Lại nữa, do 2 chủng tướng của luận không nhân ở trong các hành kế chấp không nhân chuyển, tức là ở nơi các hành vì không biết rõ nhân duyên sanh khởi, nhân duyên diệt tận. Ở trong 2 sự “do đây sanh nên các hành kia sanh, do đây diệt nên các hành kia diệt” không thể chứng đắc. Lại không

thể chứng đắc tánh tướng các hành, khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Có quyết chắc là có, không quyết chắc là không. Không chẳng thể sanh, có chẳng thể diệt”. Tức kẻ luận đây ở trong 3 vị như trên hiện khả chứng đắc: các hành sanh diệt, tất cả thế gian cùng biết được và chỗ hiểu biết hiện lượng thô thiển, phát sanh hủy báng trái nghịch. Vì có sao? Kẻ kia hiện thấy hoặc nhà Sát-đế-lợi, hoặc nhà Bà-la-môn, hoặc nhà Phệ-xá... chỗ có nhân duyên nam nữ hòa hợp. Trải qua thời gian hoặc quá tám tháng, hoặc chín tháng, sanh ra hoặc nam hoặc nữ. Đã sanh rồi, hoặc có một loại ngay lúc ấy thọ tận chết yếu, hoặc có một loại thọ trụ tồn tại mạng sống, lãnh thọ vị hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không phải khổ vui sai khác. Tâm, tâm pháp đều chuyển biến mới mới, chẳng phải cũ cũ.

Lại nữa, lược có 2 chủng khen mình chê người là: chỉ dùng lời nói và đề cao pháp đang hành. Nếu chỉ dùng lời nói mà xưng khen mình, hủy chê người, kia do ở nơi phi pháp thiện sĩ trói buộc quá nhiều nơi tâm. Đây gọi là tự mình hủy chê, chẳng phải thắng hiển thiện. Nếu do đề cao pháp đang hành, tuy không khen chê, mà thật sự là

khen mình chê người.

Lại chư Như Lai tuyên thuyết chánh pháp nhanh chóng năng hoại diệt 2 chủng vô trí. Đó là vô trí sanh khởi do nghe pháp bất chánh phát khởi tin sâu, tập quen chứa nhóm bền chắc lâu dài, hoặc vô trí do tập quen chứa nhóm chưa lâu. Lại do chẳng thể biết rõ đạo đi đến cõi thiện, cũng chẳng thể biết rõ đạo hiện pháp đi đến Bát-niết-bàn.

Lại nữa, nên biết 11 chủng tướng tổng nhiếp các hành lập là hành tụ. Nên biết nghĩa tụ ở đây là nghĩa uẩn.

Lại do một hướng nhân duyên tạp nhiễm lực tăng thượng, nên kiến lập thủ uẩn. Nên biết thủ uẩn chỉ là hữu lậu.

Lại do hai nhân duyên tạp nhiễm, thanh tịnh lực tăng thượng kiến lập uẩn chung. Nên biết uẩn đây thông cả lậu và vô lậu.

Lại do ba tướng ở trong các hành sanh khởi phiền não, đó là do sở y, do sở duyên và do trợ bạn.

Lại nữa, Ôt-Đà-Nam nói:

*Thiếu dục, tự tánh, thấy, ký ba
Tợ chánh pháp, ở xứ nghi si*

*Chẳng ký, biến hoại, đại sư ký
Ba mãn kiến, ngoại tướng ngu thầy.*

Do 3 chủng tướng tâm Như Lai nhập trong trụ thiếu dục: 1. Do bấy giờ việc giáo hóa đã rốt ráo, vì muốn an trụ hiện pháp lạc trú; 2. Do đệ tử sanh sâu nhàm chán, xem nhẹ đối với môn chánh hạnh; 3. Vì muốn giáo hóa hữu tình thường vui gây tạo nhiều sự nhiều nghiệp. Lại, tất cả nhân duyên Như Lai nhập ở trụ thiên tịch tĩnh như trước đã thuyết, nên biết trong đây cũng lại như vậy.

Lại nữa, các hữu tình được giáo hóa lược có 3 chủng tánh được điều phục: 1. Tánh phóng dật ngu si; 2. Tánh tâm rất hạ liệt; 3. Tánh năng tu chánh hạnh.

Lại nữa, đối với 4 xứ có 4 chủng tướng sanh trụ cung kính, sẽ nhanh chóng chứng Vô thượng: 1. Đối với pháp nên đắc, sanh vui muốn mãnh lợi; 2. Đối với phương tiện đắc là tùy pháp hành pháp, sanh vui thích mãnh lợi; 3. Đối với Đại sư sanh quý kính mãnh lợi; 4. Đối với pháp sở thuyết, sanh tịnh tín mãnh lợi.

Lại nữa, có 3 chủng Vô thượng: 1. Diệu trí vô

thượng: là tận trí, vô sanh trí và vô học chánh kiến trí; 2. Chánh hạnh vô thượng: là vui nhanh chóng thông hạnh; 3. Giải thoát vô thượng: bất động tâm giải thoát.

Trong đây nói chung đoạn trí, hiện pháp lạc trú, diệu trí, chánh hạnh, giải thoát của bậc hữu học không được gọi là vô thượng, vì vẫn còn có điều vượt hơn. Nên biết tất cả hạnh A-la-hán đều được gọi là vui nhanh chóng thông hạnh, vì tất cả thô trọng vĩnh viễn diệt, tất cả việc làm đã xong.

Lại nữa, nay nương Bồ-đề phần để tư trạch các hành. Ở trong 2 thời, do 4 chủng tướng như thật biết khắp hữu thân kiến, tức ở 2 thời đây không gián đoạn sẽ chứng đắc các lậu vĩnh viễn tận.

Sao gọi là 2 thời? 1. Ở dị sanh địa; 2. Ở kiến địa.

Sao gọi là do 4 chủng tướng? 1. Do tự tánh; 2. Do nơi chốn; 3. Do đẳng khởi; 4. Do quả.

Do tự tánh: là tự tánh các hành hữu thân kiến và năm chủng hành. Kể kia kể chấp cho là ngã và ngã sở.

Do nơi chốn: là cảnh sở duyên.

Do đẳng khởi: kiến thủ nhiếp lấy vô minh xúc sanh thọ, thọ làm duyên sanh ái. Đây lại có 5 thứ lớp duyên khởi, tức là: chủng chủng tánh giới làm duyên sanh chủng chủng tánh xúc, chủng chủng tánh xúc làm duyên sanh chủng chủng tánh thọ, chủng chủng tánh thọ làm duyên sanh chủng chủng tánh ái, chủng chủng tánh ái làm duyên sanh chủng chủng tánh thủ. Phạm là duyên sanh, thể tất vô thường.

Do quả: tức là ở ba thời hữu thân kiến năng làm chướng ngại. 1. Thời nương vô ngã Đế sát pháp nhẫn; 2. Thời hiện quán; 3. Thời đắc A-la-hán.

Trong đây, thời thứ nhất do lực của tùy miên hữu thân kiến tăng thượng, nên có nghi có hoặc. Do nhiều tu tập quán Đế sát pháp nhẫn làm nhân duyên, tuy ở nơi nghi hoặc ít dụng công năng trừ khiển, nhưng trong việc tu tập hiện quán đế, do ý lạc nên hãi sợ đối với Niết-bàn, vì cho là “ngã sẽ không có”. Cũng tức do lực tùy miên hữu thân kiến đây tăng thượng, ở trong các hành khởi tà phân biệt cho là “ngã sẽ đoạn, sẽ hoại, sẽ không”, bèn đối với Niết-bàn phát sanh đoạn kiến và vô hữu

kiến. Do nhân duyên đây, đối với Bát-niết-bàn tâm trở lại thối thất, không thể vui thú nhập. Vào lúc khác, tuy người kia từ lỗi lầm đây tịnh tu nơi tâm, lại ở nơi thánh đế đã đắc hiện quán, nhưng cho là “ta năng chứng đế hiện quán đế”. Có việc đây cũng do tùy miên nên ở nơi mạn mà chưa thể xa lìa. Lại ở thời gian khác, do lạc niệm nên quán ngã khởi mạn, nhân đây bị chuyển theo mạn triền sai biệt, cho ta là hơn, hoặc bằng, hoặc kém. Ở trong hai vị trước do lực tùy miên năng làm chướng ngại, ở vị thứ ba do lực tập khí năng làm chướng ngại.

Lại do 3 duyên các hành sanh trưởng: 1. Do lực của nghiệp phiền não sẵn có đời trước; 2. Do lực nguyện; 3. Do lực của các nhân duyên hiện tại. Ở dị sanh địa năng biết khắp, nên ở trong kiến địa không gián đoạn năng đắc vĩnh viễn tận các lậu kiến đạo sở đoạn. Vì ở trong kiến địa năng biết khắp, nên kể đến đoạn kiết sót thừa đắc A-la-hán, không gián đoạn chứng đắc các lậu vĩnh viễn tận.

Lại nữa, do 5 chủng tướng ở trong các hành như lý hỏi đáp. Những gì là năm?

1. Tự tánh: tức là tự tánh năm chủng sắc...

2. Căn bản lưu chuyển, hoàn diệt: tức là dục. Do dục thiện pháp cho đến năng đắc các lậu vĩnh viễn tận, cho nên dục đây gọi là căn bản hoàn diệt. Hoặc cũng do dục: “Nguyện ta sẽ được sanh trong loài người, cho đến sẽ sanh trong chúng đồng phạm với Phạm thiên...”. Do tâm dục đây nên thân cận tu tập, nhiều tu tập cho đến được sanh nơi kia, cho nên dục đây gọi là căn bản lưu chuyển.

3. Hoàn diệt: Vì trong các hành chỉ có tham “thủ” được đoạn diệt. Nếu các hành chính là tánh thủ, thì lẽ chẳng thể diệt, vì A-la-hán vẫn còn có các hành hiện khả đắc. Nếu có các hành khác với tánh thủ, tức là vô vi, vì vô vi nên thường, cũng không thể diệt. Cho nên tánh thủ chỉ là một phần nhiếp thuộc các hành. Tức một phần đây đã được đoạn diệt, sẽ rốt ráo không hành, nên có thể hoàn diệt.

4. Lưu chuyển có 3 chủng: 1. Vì nhân hậu hữu: như có người nguyện lạc ở đời đương lai nên tạo tác các nghiệp. Người kia khởi nghĩ này: “Tôi nguyện đời sau sẽ thành tựu hành đây”. Do nhân duyên này năng dẫn nhân sanh khởi các hành hậu hữu, không dẫn hiện tại. Vì ở hiện tại không năng dẫn,

nên thi thiết các hành chỉ có hai chủng; 2. Vì phẩm loại riêng: tức là 11 chủng phẩm loại các hành nên biết như trước; 3. Vì nhân hiện tại: tức là nhân bốn đại chủng sở tạo sắc, pháp sở hữu của tâm như thọ... lấy xúc làm duyên, như các thức lấy danh sắc làm duyên.

5. Phương tiện lưu chuyển, hoàn diệt: Phương tiện lưu chuyển, tức vì hữu thân kiến làm chổ nương, ở trong các hành phát sanh ngã mạn cùng các vị ái, ngã ngã sở kiến. Phương tiện hoàn diệt: ở nơi các hành xa lìa lỗi lầm ngã mạn và kiến, kể cả xa lìa kia, không ngã ngã sở. Lại, phương tiện lưu chuyển là phẩm vô minh ái, tùy chổ thích hợp nên biết tướng kia. Phương tiện hoàn diệt tức là đối trị kia.

Lại do hai duyên mà các đệ tử Thanh văn không thông tuệ, trái vượt lời dạy của Đại sư, đọa trong ác kiến, hoặc khởi nói bàn. Những gì là 2 duyên? 1. Ngu thế tục đế; 2. Ngu thắng nghĩa đế. Do ngu đây nên một hướng trái vượt lý thế tục đế, một hướng trái vượt lý thắng nghĩa đế, và ở nơi các hành lưu chuyển không chân chánh tư duy.

Lại nữa, ở 3 chủng xứ chỉ các thánh giả tùy

theo sở lạc mà năng như thật ký, chẳng phải các dị sanh; trừ khi từ người mà được nghe: “Ở trong các hành, ngã kiến, ngã sở kiến, ngã chẳng phải như thật”. Nếu lấy như vậy làm chỗ nương mà có ngã mạn chuyển, thì tuy đã đoạn kia mà ngã mạn đây tất cả chưa đoạn. Nếu không khởi kia làm chỗ nương, ngã mạn không được đoạn trừ, hiện hành như cũ.

Nên biết hai chủng ngã mạn: 1. Ở trong các hành chấp trước hiện hành; 2. Do lạc niệm, bất chợt hiện hành.

Trong chấp trước hiện hành ngã mạn đây, bậc thánh đã đoạn nên không hiện hành trở lại. Ngã mạn thứ hai là do tùy miên hữu thân kiến tuy đã điều phục vĩnh viễn đoạn trừ, mà ở nơi thánh đạo chưa khéo tu, nên vẫn còn khởi hiện hành hữu thân kiến. Nhưng chỉ có tập khí thường triển chuyển đuổi theo vào lúc lạc niệm, năng cùng ngã mạn làm chỗ nương khiến tạm hiện hành, cho nên mạn đây cũng gọi là chưa đoạn, cũng được hiện hành.

Lại, các bậc thánh nếu ở nơi các hành tư duy tự tướng, còn khiến ngã mạn không hiện hành trở lại, hà huống quán cộng tướng. Nếu người ở nơi giả

pháp tác ý tư duy trụ chánh niệm, cũng khiến ngã mạn không được hiện hành. Nếu người ở nơi giả pháp tác ý tư duy mà không trụ chánh niệm, bấy giờ ngã mạn chỉ tạm hiện hành. Nếu các đệ sanh tuy ở nơi các hành tư duy cộng tướng, hãy còn ngã mạn loạn tâm tương tục, hướng trụ ở vị khác.

Lại tương tục trong vị thánh, tùy miên và triền của hữu thân kiến đều đã đoạn tận. Ở trong vị học, tập khí của thân kiến đuổi theo chưa thể đoạn hẳn, hoặc các tùy miên và triền của ngã mạn đều chưa năng đoạn.

Nếu kế chấp “ngã dục”, nên biết tức là nhiếp thuộc triền ngã mạn. Vì có sao? Do lạc chánh niệm, nên ở nơi dục, ở nơi định có các ái vị nổi trôi xoay vần. Nương môn dục đây các triền ngã mạn lớp lớp hiện khởi. Nói chưa đoạn: do tùy miên. Nói chưa biết khắp: do triền kia, bởi lúc bấy giờ bị lạc mất niệm. Nói chưa diệt: tuy ở triền đây tạm được xa lìa mà thoát hiện hành trở lại. Nói chưa nhổ bỏ: do tùy miên kia chưa vĩnh viễn đoạn trừ.

Lại nữa, đồng phạm hạnh đối với đồng phạm hạnh khác có 2 chủng vấn an thăm hỏi: 1. Hỏi bệnh khổ; 2. Hỏi an vui.

Hỏi về bệnh khổ: “Bệnh tật nhẫn chịu được chăng?”, tức là hỏi: “Hơi thở không trệ ư?”. Hoặc hỏi rằng: “Có nhẫn chịu được chăng?”, tức là hỏi: “Thọ khổ không tăng chứ? Có gián đoạn chứ? Không bị bức bách khó chịu chứ? Không vượt quá sự chịu đựng chứ? Thân không bị bức bách chứ? Nếu bị bức bách thì đã tiêu trừ chưa?”.

Hỏi về an vui: “Ít bệnh chăng?”, tức ở đây hỏi: “Chẳng bị bệnh quấy nhiễu chứ?”. Hoặc hỏi: “Ít quấy nhiễu chăng?”, tức ở đây hỏi: “Không bị các tai họa bên ngoài xâm bức chứ?”. Hoặc hỏi: “Thức dậy, nghỉ ngơi, đại tiểu tiện thuận lợi chăng?”, tức ở đây hỏi: “Đêm ngủ được tốt lành chứ? Ăn uống dễ tiêu hóa chứ?”. Hoặc hỏi: “Có được hoan hỷ an vui chăng?”, tức ở đây hỏi: “Đi đứng không gặp khó khăn chứ?”. Hết thấy loại ngôn từ sai biệt như vậy, như ở *Thanh văn địa* trong phần “ăn uống biết lượng” đã giải thích. Nên biết hỏi đây ở trong bốn vị: 1. Phần bức não bên trong; 2. Phần bức não bên ngoài; 3. Phần trụ ở ban đêm; 4. Phần trụ ở ban ngày.

Lại nữa, nếu có người nói: “Bậc A-la-hán ở hiện pháp đối với thức ăn, của cải, việc làm, uẩn,

giới, xứ... hoặc thuận, hoặc không thuận, chẳng như thật biết. Nói A-la-hán không thuận là không như lý, hư vọng phân biệt, chẳng phải A-la-hán, không thuận hiện pháp. Vì có sao? Vị kia đối với thức ăn, của cải, công việc, uẩn, giới, xứ... hiện có thể thấy được. Do nhân duyên đây các A-la-hán ở đây diệt rồi về sau không thuận các hành, không rõ biết chấp trước. Cho nên khi Thế Tôn nói bậc A-la-hán là không thuận, quyết định là mật ngữ”. Nên biết người nói đây là kiến tương tợ chánh pháp, do thế lực của hai chủng nghĩa làm duyên. Các đồng phạm hạnh, hoặc đại Thanh văn vì muốn đoạn diệt chỗ phát sanh kiến tương tợ chánh pháp như vậy, phải thật khéo léo không để người kia hoặc tự thuyết, hoặc chỉ dạy cho người, do nhân duyên đây đọa ở cõi cực thấp. Hoặc do lòng cung kính thánh giáo Như Lai, chớ để nguyên nhân kiến tợ chánh pháp như vậy khiến thánh giáo Phật nhanh chóng ẩn diệt.

Lại có hai nhân năng sanh kiến tương tợ chánh pháp như vậy: 1. Bên trong chưa thể vĩnh viễn đoạn hữu thân kiến; 2. Nương đây hư vọng kế chấp sĩ phu lưu chuyển, hoàn diệt.

Vì đoạn 2 chủng nhân như vậy, nên thuyết 2 chánh pháp lấy làm đối trị. Đó là ở trong các hành thứ lớp tuyên thuyết vô thường, vô ngã và ở trong bốn chuyển thúc đẩy mong cầu lưu chuyển, hoàn diệt sĩ phu đều bất khả đắc. Đó là nương hữu vi, hoặc nương vô vi, thì “ngã” Thanh văn, Độc giác, Phật Thế Tôn thuyết gọi là Như Lai. Nên biết “ngã” đây bởi hai chủng giả lập, trong Hữu dư y giả lập hữu vi, trong Vô dư y giả lập vô vi. Nếu nương thặng nghĩa thì chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, cũng chẳng phải vô vi chẳng phải hữu vi.

Do thuyết giáo pháp chân chánh như vậy, lúc phát sanh giác ngộ nơi 6 chủng tướng, nên biết như vậy vĩnh viễn đoạn kiến tương tự chánh pháp. Đó là A-la-hán ở nơi “y” nhiếp lấy pháp hoại diệt, giác ngộ vô thường; trong hiện pháp ở nơi các khổ khí như lão bệnh... giác ngộ là khổ; ở nơi nhậm vận diệt, đoạn giới, ly giới cùng với diệt giới, giác ngộ là diệt, tịch tĩnh, thanh lương cùng với vĩnh viễn chết. Nếu người đầy đủ chánh giác ngộ như A-la-hán mà tà tăng thượng mạn đồng hành với vọng tưởng còn chẳng thể có, hà huống ở đây hý luận chấp trước diệt rồi về sau hoặc thuận, hoặc không thuận!

Nên biết chưa đoạn hữu thân kiến có 2 quá hoạn: 1. Ở nơi năng hại các hành có khổ, chấp ngã ngã sở, do nhân duyên đây năng chiêu cảm khổ lớn lưu chuyển trong sanh tử; 2. Ở trong hiện pháp năng chướng ngại mạng căn Thánh tuệ vô thượng. Thí như có người tự biết không đủ sức năng hại kẻ oán mình, vì sợ kia làm hại nên trước đem thân gần gũi nương tựa, dùng các việc hiện có như ý mà phụng sự kẻ kia. Khi kẻ oán gia kia đã xem như thân thuộc rồi, mới liền hại mạng. Ngu phu dị sanh cũng lại như vậy, sợ hữu thân kiến giống như oan gia sẽ làm khổ hại nên liền khởi ái phược, dùng sự việc khả ý mà phụng sự. Hết thấy loại ngu phu dị sanh như vậy, đối với hữu thân kiến năng làm hại chỉ thấy là công đức mà không thấy lỗi lầm, lại ân cần thân cận nương tựa. Đã gần gũi rồi, vì không thể quay trở lại, cho nên gọi là tổn hại mạng căn thánh tuệ.

Lại nữa, các ngoại đạo đối với nội pháp luật sanh 2 điều nghi hoặc ngu si. Những gì là hai? Phật Thế Tôn chê bai hữu kiến và vô hữu kiến, mà đệ tử chết rồi sau lại ký một có sanh, ký một không sanh. Lại thuyết thặng nghĩa Ngã thường

trụ, hiện pháp đương lai đều bất khả đắc.

Thế gian có ba loại thầy hiện có được: 1. Thầy luận thường; 2. Thầy luận đoạn; 3. Như Lai.

Kẻ có nghi, si có 2 chủng nhân nên biết như kiến tương tợ chánh pháp. Hai chủng giáo pháp năng đoạn nhân đây như trước đã thuyết.

Do 2 nhân duyên đối với sở thuyết pháp tánh vô ngã, các ngoại đạo kia khó ngộ nhập khó rõ biết, tức là khó rõ biết tự tánh đây. Tuy tướng mạo đây dễ có thể rõ biết, nhưng vì không đúng như tướng mạo ấy. Nên biết trong đây nghĩa không hư dối, nghĩa tự mình chứng đắc là nghĩa bất cộng, nên tự tánh kia khó thể ngộ nhập. Tức tự tánh đây thể là thâm sâu, giống như hiện thâm sâu, cho nên gọi là nghĩa không hư dối. Lại tự tánh đây bên trong khó thấy, từ ngôn âm người cũng khó hiểu rõ, cho nên gọi là nghĩa tự mình chứng đắc. Lại tự tánh đây chẳng phải chỗ tâm tư của những kẻ tâm tư, chẳng phải cảnh giới sở hành của kẻ so sánh suy lường, cho nên gọi là nghĩa bất cộng. Lại pháp đây vi diệu sâu xa, bậc trí thông minh tự bên trong chứng đắc, nên gọi là khó rõ biết. Những điều khác đây nên biết đã thuyết như trước trong phần

Nhiếp dị môn.

Do 2 chủng tướng tất cả Như Lai sở thuyết nghĩa trí đều nên rõ biết. Những gì là hai? 1. Giáo trí; 2. Chứng trí.

Giáo trí là tuệ của các dị sanh do văn, tư, tu mà thành tựu.

Chứng trí là tuệ của bậc học, vô học và sau sở đắc các tuệ thế gian. Trong đây, những kẻ dị sanh chẳng phải ở nơi tất cả nghĩa Phật sở thuyết đều có thể rõ biết; cũng chẳng phải ở nơi mạn mà nhận biết là mạn, cũng chưa thể đoạn trừ. Nếu bậc hữu học, ở trong tất cả nghĩa ngã kiến đều không rõ biết, dù năng ở nơi mạn nhận rõ là mạn, mà chưa năng đoạn. Nếu bậc vô học năng làm được tất cả.

Lại nữa, chư Phật Như Lai ở nơi thế tục đế và thắng nghĩa đế đều như thật biết, đối với hai đạo lý kia chánh quán là “không ký biệt”. Nếu có người ký biệt tức năng dẫn vô nghĩa, cho nên không ký biệt cũng không chấp trước, đó là ở nơi diệt rồi về sau hoặc có hoặc không, cũng có cũng không, chẳng phải có chẳng phải không. Nếu Như Lai với trí kiến dẫn đầu như vậy mà không ký, thì nếu có kẻ ký, nên biết kẻ đây vô trí tự hiển kiến hư vọng

đồng hành với tánh vô trí.

Lại nữa, nên biết lược có 2 chủng biến hoại: 1. Các hành già suy biến hoại, như có người 120 tuổi hình hài suy yếu, do nhân duyên đây gọi là thân già bệnh; 2. Tâm ưu biến hoại, do nhân duyên đây gọi là tâm già bệnh. Biến hoại thứ nhất, hoặc ngu hoặc trí đều đọa trong ấy, không được tùy theo ý muốn. Biến hoại thứ hai thì các bậc trí ở trong ấy năng tùy chỗ muốn mà được tự tại, các kẻ ngu thì chẳng vậy. Lại các ngu phu nếu thân già bệnh, tất nơi tâm cũng chuyển theo già bệnh. Bậc có trí tuy thân già bệnh mà tâm tự tại chẳng chuyển theo già bệnh. Đây gọi là sự sai biệt giữa ngu và trí.

Lại nữa, khéo nắm giữ pháp là do văn và tư. Khéo tư duy là do tuệ tu. Khéo hiển rõ là tánh như sở hữu. Khéo thông đạt là tánh tận sở hữu. Do hai chủng tướng các Thánh đệ tử năng chân chánh thỉnh hỏi, Đại sư khéo đáp, tức là luận *biết khắp đoạn* đối với các thủ. Những gì là hai? 1. Luận biết khắp đoạn đối với các thủ như vậy; 2. Luận biết khắp đoạn vì các thủ như vậy. Nên biết trong đây chỉ có chư Như Lai thi thiết luận biết khắp đoạn ở tất cả hành.

Lại các thủ đây nếu chưa đoạn diệt, theo đó quán kia có 3 chủng quá hoạn; nếu đã đoạn diệt, theo đó quán kia có 3 chủng công đức.

1. Ở trong các hành mà phát sanh các thủ, nếu hành biến hoại liền sanh sầu.. Đây gọi là quá hoạn thứ nhất. Như vậy biết được họa hoạn của các hành biến hoại gây ra.

2. Ở trong các hành phát sanh các thủ vì được, chưa được các hành khả ý, vào lúc truy cầu rộng hành không phải một mà nhiều vô số chủng chủng bất thiện sai biệt. Do hành bất thiện để truy cầu, nên phát khởi bốn chủng khổ: 1. Phát khởi do sắp hiện tiền, gần đạt được; 2. Phát khởi do đang hiện tiền, hiện tại đạt được; 3. Phát khởi do người bức bách tăng thượng; 4. Phát khởi do tự bị tạp nhiễm tăng thượng. Nên biết đây gọi là quá hoạn thứ hai.

3. Do pháp ác bất thiện như vậy tập ái làm nhân, sau khi thân hoại đi vào các đường ác. Nên biết đây gọi là quá hoạn thứ ba.

Trái với tướng đây, ở nơi các thủ đoạn trừ, theo đó quán 3 chủng công đức thắng lợi nên biết như trước.

Lại nữa, nên biết lược có 3 bậc thánh viên

mãn 3 kiến, năng vượt 3 khổ.

Sao gọi là 3 bậc thánh? 1. Bậc đầy đủ chánh kiến, tức là ở nơi pháp nhãn vô ngã không điên đảo, trụ vị dị sanh; 2. Bậc đã kiến thánh đế, đã năng thú nhập Chánh tánh ly sanh, đã nhập hiện quán, đã đắc đến quả, trụ vị hữu học; 3. Bậc đã đắc tối hậu cứu cánh bậc nhất quả A-la-hán, trụ vị vô học.

Sao gọi là viên mãn 3 kiến? Thánh giả thứ nhất viên mãn kiến thuận theo hữu lậu, vô lậu. Thánh giả thứ hai viên mãn kiến chưa thiện tịnh vô lậu. Thánh giả thứ ba viên mãn kiến thiện thanh tịnh vô lậu. Ba viên mãn đây nương ba bậc thánh tùy theo thứ lớp như trước mà thuyết.

Sao gọi là vượt khỏi 3 chủng khổ? Viên mãn kiến ban đầu năng vượt ngã kiến trái tranh của ngoại đạo phát sanh các khổ. Viên mãn kiến thứ hai năng vượt tất cả các khổ đường ác. Viên mãn kiến thứ ba năng vượt tất cả các khổ hậu hữu.

Trong đây sao gọi là ngã kiến trái tranh của các ngoại đạo phát sanh các khổ? Ngoại trừ chánh pháp Tỳ-nại-da đây, sở hữu chủng chủng dị đạo của thế gian khác đều lấy hữu thân kiến làm căn

bản, phát sanh tất cả các kiến thú điên đảo. Như vậy tất cả chung quy đều tán thán ngã kiến. Đó là kẻ luận ngã, thì tất cả kiến thú tương ưng luận ngã. Hoặc kẻ luận tất cả thường, hoặc kẻ luận một phần thường, hoặc kẻ luận không nhân, hoặc kẻ luận có biên không biên, hoặc kẻ luận đoạn diệt, hoặc kẻ luận hiện pháp Niết-bàn, thì tất cả kiến thú tương ưng luận kia. Hoặc kẻ luận hữu tình, thì tất cả kiến thú tương ưng luận kia như các tà kiến bác bỏ cho là không tất cả hữu tình hóa sanh, phỉ báng đời khác. Hoặc kẻ luận mạng thì tất cả kiến thú tương ưng luận kia như kế chấp mạng tức thân, hoặc khác thân... Hoặc kẻ luận kiết tường, thì tất cả kiến thú tương ưng luận kia như xem ngày tháng, toán số, bói quẻ... chủng chủng tà luận, kế chấp hư vọng thông chú thuật, cúng tế, thờ lửa... được cảnh tốt đẹp năng sanh kiết tường, năng diệt trừ vô nghĩa, lại xem tướng là kiết là hung. Việc ấy lại thế nào? Đó là 20 cú hữu thân kiến làm chỗ nương, phát khởi 62 chủng các kiến thú ác, kế chấp hư vọng tiền tế, hậu tế và phát khởi phỉ báng chung tất cả tà kiến.

Trái tranh phát sanh các khổ thế nào? Đó là

các kiến kia triển chuyển muốn chống đối lẫn nhau dẫn đến tranh cãi luận bàn, phát khởi chủng chủng tâm ưu não khổ, ái thâm sâu ẩn kín khổ, hơn thua xoay vần khổ, chấp trước kiên cố khổ.

Trong đây, nếu bị người thắng liền sanh sầu não, đây gọi là khổ ban đầu.

Nếu phương tiện lập luận hơn người, được toại ý liền khiến phẩm kiến của mình chuyển thêm tăng thịnh, khiến phẩm kiến của người ẩn mất, tự cho là “chỉ kiến của ta là tịnh, kiến của người khác thì chẳng phải”, chấp trước tà kiến khởi ái thêm thâm sâu ẩn kín. Do nhân duyên đây phát sanh chủng chủng tâm tư bất chánh, cùng khởi chủng chủng ý không tịch tĩnh tổn hại nơi tâm. Đây gọi là khổ thứ hai.

Do lực ái thâm sâu ẩn kín tà kiến tăng thượng, sau khi so lường với người, tự cho là thắng cuộc, hoặc bằng, hoặc thua, nhân đây tự đề cao, lăng miệt đối với người. Đây gọi là hơn thua xoay vần khổ thứ ba.

Kia nương đây nên truy cầu lợi dưỡng, tức bị sự xúc chạm của các khổ do việc truy cầu, phạm có lập luận đều là não loạn, hỏi vặn luận người, đề cao

luận mình, cũng vì tránh khỏi nạn vắn của người khác. Đây gọi là chấp trước kiên cố khổ thứ tư.

Bốn chủng như vậy gọi là kiến trái tranh phát sanh các khổ. Dị sanh của nội pháp an trụ thắng giải vô ngã phẩm thượng, nên biết đã đoạn các khổ như vậy. Vì cơ sao? Ở đương lai, người kia do ý lạc nên ở nơi các kiến thú ác như vậy kham năng trừ bỏ, cho nên an trụ viên mãn kiến thứ nhất năng vượt khổ thứ nhất.

Lại tức nương viên mãn kiến thứ nhất đây, gần gũi tu tập, rất nhiều tu tập, nơi nội các hành phát sanh pháp trí, nơi không hiện kiến phát sanh loại trí, nhiếp chung làm một tụ; dùng “không duyên tha trí” mà nhập hiện quán, tức là dụng hành vô thường, hoặc tùy theo một hành khác... Bấy giờ vị kia năng chứng đắc viên mãn kiến thứ hai, cũng năng vượt khổ thứ hai.

Người kia trụ đây, dụng pháp bảy giác phần như trước đã đắc mà gần gũi tu tập, rất nhiều tu tập, năng đoạn trừ bốn chủng nghiệp tạp nhiễm như trước đã thuyết, năng chứng đắc viên mãn kiến thứ ba, vượt khổ hậu hữu.

Trong đây, bậc thứ nhất vẫn còn hai khổ sót

thừa và thân sở y khổ dư tàn hiện tại. Bạc thứ hai chỉ còn một khổ sót lại và thân sở y khổ. Bạc thứ ba đoạn tất cả khổ, chỉ tạm nương thân sở y khổ sót lại hiện tại, thí như huyễn hóa.

Lại nương phân biệt hữu thân kiến lập 20 cú, chẳng nương câu sanh. Bạc nội pháp thì không hành như vậy, nương Biến xứ định, tức là “địa là ngã, ngã tức là địa”... cho đến nói rộng, tất cả đều nên biết.

Lại nữa, các ngoại đạo lược có 5 chủng tướng của ngu phu, do tướng kia nên đọa trong số ngu phu. Đó là các ngoại đạo tánh thông huệ hầy còn không thoát khỏi việc ôm lòng mạn thông huệ, hướng chẳng phải thông huệ. Đây gọi là tướng ngu phu thứ nhất.

Lại các ngoại đạo nhiều tham cầu lợi dưỡng cung kính, nên khen mình chê người. Đây gọi là tướng ngu phu thứ hai.

Lại, các thánh giả vì ngoại đạo thuyết chánh pháp, chánh giáo, chánh giới, kẻ kia liền chống đối, mắng chửi, hủy chê. Đây gọi là tướng ngu phu thứ ba.

Lại các ngoại đạo tự vui thích thuyết trình

luận tương tợ chánh pháp, lấy đây mà khai thị cho người. Đây gọi là tướng ngu phu thứ tư.

Lại các ngoại đạo tuy bị Như Lai, đệ tử Như Lai hàng phục, cũng tự biết pháp luật mà Như Lai sở thuyết là chân thiện thuyết, biết pháp luật của mình là ác thuyết hư vọng, nhưng do lực ngã mạn tăng thượng nên đều không tín thọ, cho đến không tu tập quán sát nhân duyên. Đây gọi là tướng ngu phu thứ năm.

Lại nữa, Như Lai thành tựu 6 phần được gọi là bậc Luận Sư Tử Vương không gián đoạn. Những gì là sáu? Thứ nhất, Như Lai đến chỗ ngoại đạo địch luận cho đến hỏi tất cả nghĩa. Phàm Như Lai có hưng khởi luận chẳng phải vì tranh luận, chỉ vì ai mẫn các hữu tình, khiến người chưa tín khiến sanh tín, khiến người đã tín càng thêm tăng trưởng.

Lại khi Như Lai khởi luận, các căn tịch tĩnh, dung sắc không thay đổi, cũng không hãi sợ tập khí đuổi theo.

Lại trọn không bị chư thiên, thế gian thắng phục. Tất cả thế gian không người luận lại năng qua một phiên, tức chỉ cần luận một phiên đều năng bẻ gãy hàng phục.

Lại, các người thế gian thông tuệ nhất, bình tĩnh nhất, nếu lúc cùng Như Lai hưng khởi tranh luận, chỗ có biện tài thấy đều áp ứng, hãi sợ tăng mạnh bức bách thân tâm, tất cả ngôn luận kiểu thuật hư trá, thấy đều chẳng thể kiến lập trình bày.

Lại, tất cả đại chúng ngồi chung trong hội đều đối với Phật khởi tâm “thù thắng hơn người”, đối với ngoại đạo địch luận đều khởi tâm “bị người thắng”.

Lại, Phật Thế Tôn phát ngôn từ uy nghiêm đầy đủ. Các kẻ luận giả ngoại đạo phát ngôn từ không uy nghiêm đầy đủ.

Lại nữa, có 2 chủng luận. Những gì là hai? 1. Luận có ngã; 2. Luận vô ngã. Luận vô ngã có lực, luận có ngã không lực. Người luận có ngã thường bị người luận vô ngã điều phục, chỉ trừ người luận vô ngã lực suy yếu hạ liệt.

1. Luận có ngã thế nào? Như có người khởi nghĩ như vậy, lập luận như vậy: “Ở nơi các hành sắc... kiến lập là ngã”, cho là ngã có hành, hành là ngã sở. Ngã ở trong hành không trôi nổi không tán loạn, trải khắp các chi phần, không chỗ nào

chẳng đến. Cho nên tánh ngã của các hành sắc... nương các hành ruộng sanh phước, phi phước, nhân đó mà lãnh thọ quả ái, phi ái. Thí như nông phu nương ruộng tốt để gieo trồng cây cấy cùng với chủng chủng loại giống tốt. Đây gọi là luận ngã.

2. Luận vô ngã thế nào? Có 2 chủng: *a.* Phá luận ngã; *b.* Lập vô ngã.

a. Phá luận ngã: Nếu kế chấp thật ngã năng có tác dụng, thời phải được tự tại ở trong các nghiệp quả ái, phi ái. Như vậy ngã đây hằng thời hàn lạc, nhàm chán khổ. Cho nên ngã đây chỉ nên sanh phước, không sanh phi phước.

Lại tác dụng của ngã thường hiện tại tiền, nội ngoại các hành nếu khi đổi khác, lẽ chẳng phát sanh sâu ưu bi thán.

Lại cho ngã là thường, dùng nhận biết làm tiền dẫn, phạm chỗ sanh khởi thường nên tùy chuyển, không có biến đổi; nhưng điều này không thể có được. Tất cả như vậy gọi là phá luận có ngã.

b. Lập luận vô ngã: Lấy tất cả hành từ các duyên sanh, nếu gặp phước duyên, phước liền sanh khởi; trái với tướng đây năng sanh khởi phi phước. Do đây làm duyên năng chiêu cảm tất cả quả ái,

phi ái. Do nương các duyên nên đều là vô thường, duy ở nơi nhân quả nhiếp lấy các hành lưu chuyển như vậy mà giả lập ngã thấy. Nếu nương thắng nghĩa, tất cả các pháp đều vô ngã... Như vậy gọi là lập luận vô ngã.

Lại nữa, do 5 chủng tướng mà hai bậc hữu học và vô học có sự sai khác. Đó là chỗ thành tựu trí của bậc vô học gọi là vô thượng, chỗ thành tựu tất cả trí của bậc hữu học gọi là hữu thượng. Như trí vô thượng, nên biết chánh hạnh và giải thoát vô thượng cũng vậy.

Lại bậc vô học dùng các tuệ nhãn thiện thanh tịnh của bậc thánh mà quán Pháp thân Phật. Hữu học chẳng vậy.

Lại bậc vô học lấy hạnh thiện viên mãn không điên đảo mà phụng sự Như Lai. Hữu học chẳng vậy. Đây gọi là năm tướng.



Quyển 89

Thứ 2. NHIẾP TRẠCH SỰ XỬ KHẾ KINH

Phần 1

Như vậy đã thuyết nhiếp trạch về Hành. Nay Ta sẽ thuyết nhiếp trạch về Xứ.

Ốt-Đà-Nam nói chung:

*Đâu an lập thủy, trí, đồng thủy
Rốt sau nên biết ly dục thủy.*

Ốt-Đà-Nam nói riêng:

*An lập cùng sai biệt
Ngu, không ngu, dạy trao
Giải thoát, phiền não, nghiệp
Nên biết đều rộng thuyết.*

Do 5 chủng tướng nên biết an lập các thọ sai khác: 1. Do tự tánh có ba thọ: khổ, lạc, không khổ không lạc; 2. Do sở y có sáu chủng: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý; 3. Do sở duyên: sáu cảnh giới sở duyên như sắc...; 4. Do trợ bạn: tâm pháp tướng, tư... hoặc thiện, bất thiện, vô ký khác cùng tương ưng

đây; 5. Do tùy chuyển: tâm tương ưng đây, do nương kia nên ba thọ tùy chuyển. Kia là chỗ nương tựa của các thọ đồng sanh đồng diệt.

Lại nữa, năm tướng an lập các thọ như vậy lại có 8 chủng sai biệt: 1. Nội xứ sai biệt; 2. Ngoại xứ sai biệt; 3. Sáu thức thân sai biệt; 4. Sáu xúc thân sai biệt; 5. Sáu thọ thân sai biệt; 6. Sáu tướng thân sai biệt; 7. Sáu tư thân sai biệt; 8. Sáu ái thân sai biệt.

Nên biết trong đây do nghĩa ba hòa hợp mà lập ba chủng sai biệt đầu. Do nghĩa nhân duyên thọ mà lập chủng sai biệt thứ tư. Do nghĩa quả xúc ba hòa hợp, lập chủng sai biệt thứ năm. Do nghĩa phân biệt thọ, theo đó khởi ngôn thuyết lập chủng sai biệt thứ sáu. Vì cố sao? Lúc lãnh thọ các thọ, khởi tướng như vậy: “Nay ta lãnh thọ khổ đây, lạc đây, chẳng phải khổ lạc đây”, rồi lại vì người tùy khởi lời nói. Do nghĩa hai chủng nghiệp tạp nhiễm và phiền não tạp nhiễm, nên biết kiến lập hai chủng thứ bảy và thứ tám sai biệt. Vì cố sao? Do ở nơi thọ kia hoặc hòa hợp, hoặc chia lìa mà phát khởi suy nghĩ tạo tác. Như như phát khởi suy nghĩ tạo tác, như vậy như vậy

phát sanh mong cầu lãnh thọ.

Nên biết lược có 2 chủng nhất thiết: 1. Ít phần nhất thiết; 2. Tất cả nhất thiết. Như nói “Tất cả đều là vô thường”, đây nương ít phần nhất thiết, vì đây chỉ là tất cả hành, chẳng phải vô vi. Nói “Tất cả pháp đều vô ngã”, nên biết đây nương tất cả nhất thiết.

Lại nữa, do 3 tướng nên biết là ngu. Những gì là ba?

1. Ngu tự tánh: do triền, tức là quên mất pháp ở đời hiện tại; do tùy miên, tức là quên mất pháp ở đương lai.

2. Ngu nhân duyên: vì ở trong năm tướng an lập thọ không thể hiểu rõ là vô thường... và não loạn của tự thể trải khắp vị đầu, giữa, sau đều không hiểu rõ. Nên biết tức ở nơi pháp tánh sanh, lão, bệnh, tử và vị não loạn đầu là do sanh, vị não loạn giữa là do bệnh, vị não loạn sau là do hai chủng pháp lão và tử đều chẳng thể hiểu rõ.

3. Ngu quả: là các khổ như sâu... các tạp nhiễm như ái...

Lại nữa, do 3 chủng tướng nên biết không ngu. Những gì là ba?

1. Không ngu tự tánh: tức là ở trong 5 tướng an lập thọ khéo năng hiểu rõ tự tướng và cộng tướng. Do đây năng đoạn tất cả phiền não, năng giác ngộ thánh đế, năng chứng Niết-bàn.

2. Không ngu ngăn ngại: tức là do 4 chủng ma. Đó là do nghĩa uẩn ma khắp tất cả xứ đuổi theo; do nghĩa thiên ma kia ở mọi thời luôn nắm giữ chướng ngại; do nghĩa phiền não ma và tử ma năng cùng sanh tử phát sanh các nhóm khổ gây nên khí.

3. Không ngu chướng: do triền phiền não duyên cảnh không hiện thấy và duyên cảnh chẳng phải không hiện thấy và tùy miên kia.

Lại nữa, do 3 chủng tướng chư Phật Thế Tôn và Thánh đệ tử Phật năng chánh dạy trao các chúng đệ tử. Những gì là ba? 1. Dạy trao dẫn dắt; 2. Dạy trao tùy theo căn cơ mà an đặt ở nơi cảnh sở duyên thích hợp; 3. Dạy trao khiến người được giáo hóa chứng đắc nghĩa tự lợi. Theo thứ tự dạy trao như vậy nên biết tức là thứ tự 3 chủng thân biến.

Lại nữa, do 2 chủng tướng nên cầu, năng thành tựu diệu tuệ giải thoát: 1. Đã như lý văn, tư rồi, tuệ tương tục sâu chắc bền bỉ, năng thành tựu vị hữu học giải thoát; 2. Tuệ hữu học tương tục dài lâu

bền bỉ, năng thành tựu vị vô học giải thoát.

Lại lược có 2 chủng thành tựu giải thoát: 1. Vị hữu học; 2. Vị vô học. Vị hữu học: là đầy đủ Kim cương dụ tam-ma-địa. Vị vô học thì từ Kim cương dụ tam-ma-địa trở lên.

Lại Bí-sô hành tâm thanh tịnh có 5 chủng pháp có nhiều sở tác. Những gì là năm? 1. Chân chánh dạy trao; 2. Chi Xa-ma-tha; 3. Chi Tỳ-bát-xá-na; 4. Gia hạnh ân trọng, không gián đoạn; 5. Tuệ xuất thế gian.

1. Chân chánh dạy trao: Có 3 loại hiển bạn chân chánh: 1. Bậc Đại sư; 2. Bậc Quý phạm tôn trọng; 3. Người đồng phạm hạnh và người tại gia tinh thông an trụ nội pháp. Đây gọi là 3 chủng bạn chân chánh. Những người có trí phải theo các bậc kia mà thỉnh cầu sự dạy trao chân chánh, huân tu tích tập các môn thiện.

2. Chi Xa-ma-tha: Như có người an trụ đầy đủ giới, nói rộng như *Thanh văn địa* đã thuyết. Trụ đầy đủ giới như vậy rồi, tức không hối hận, không hối hận nên hoan hỷ, nói rộng cho đến an lạc nên tâm định.

3. Chi Tỳ-bát-xá-na: Tức là thành tựu 8 chủng

ngôn giáo tùy muốn: a. Ngôn giáo chân chánh của bậc thánh; b. Ngôn giáo khiến nhàm chán xa lìa; c. Ngôn giáo khiến tâm lìa cái hướng đến ái.

a. Sao gọi là ngôn giáo chân chánh của bậc thánh? Là sở hữu ngôn giáo nương năm uẩn vô học của các chúng thánh, tức là tuyên thuyết chư thánh thành tựu giới như vậy, định như vậy, tuệ như vậy, giải thoát như vậy, giải thoát tri kiến như vậy.

b. Sao gọi là ngôn giáo khiến nhàm chán xa lìa? Ngôn giáo nương ba chủng khiến tăng trưởng các hạnh như ít muốn biết đủ... và ngôn giáo nương vui đoạn trừ, vui tu tập khiến lìa huyền não.

c. Sao gọi là ngôn giáo khiến tâm lìa cái hướng đến ái? Nên biết giáo đây lại có ba môn: 1. Ngôn giáo lìa cái hướng đến ái là lìa tất cả phiền não cái; 2. Ngôn giáo lìa cái hướng đến ái là lìa năm cái; 3. Ngôn giáo lìa cái hướng đến ái là lìa vô minh cái.

Trong đây chỗ có lời nói: “Nương là chúng đắc đoạn giới, ly dục giới, diệt giới”, gọi là ngôn giáo thứ nhất. Chỗ có lời nói: “Nương tức ở kia thấy công đức thù thắng và ở nơi các hành sở trị các cái thấy sâu quá hoạn”, gọi là ngôn giáo thứ hai. Chỗ

có lời nói: “Thuận theo duyên khởi của tất cả duyên như vậy”, gọi là ngôn giáo thứ ba. Ba chủng ngôn giáo như vậy gọi chung là chi Tỳ-bát-xá-na.

Lại, tóm lược thì ngôn giáo đây có 3 chủng: 1. Ngôn giáo năng sanh vui “dục”; 2. Ngôn giáo năng chánh an đặt nơi tư lương; 3. Ngôn giáo năng chánh an đặt nơi tác ý.

Ngôn giáo chân chánh của bậc thánh gọi là ngôn giáo năng sanh vui “dục”. Ngôn giáo khiến nhàm chán xa lìa gọi là ngôn giáo chánh an đặt nơi tư lương. Ngôn giáo khiến tâm lìa cái hướng đến ái gọi là ngôn giáo chân chánh an đặt nơi tác ý. Tuệ do nương ngôn giáo thắng Xa-ma-tha đây nhiếp thọ gọi là Tỳ-bát-xá-na, cho nên rọi ngôn giáo đây gọi là chi Tỳ-bát-xá-na.

4. Gia hạnh ân trọng không gián đoạn: Thường thuận theo thực hành, thuận theo hết thấy thực hành, siêng an trụ tinh tấn, nên biết đây là gia hạnh nương Chỉ Quán.

Lại nên biết siêng tinh tấn có 5 chủng: 1. Mặc giáp tinh tấn; 2. Gia hạnh tinh tấn; 3. Không thấp hèn tinh tấn; 4. Không động chuyển tinh tấn; 5. Không vui đủ tinh tấn. Trong đây ban đầu

nên biết phát khởi vui muốn mãnh lợi. Kế lại tùy muốn mà phát khởi phương tiện dũng mãnh bền chắc. Kế lại vì chúng đắc các pháp được thọ, nên không tự khinh miệt, cũng không khiếp sợ. Kế lại năng kham nhẫn khổ nóng lạnh... Rốt sau không sanh vui đủ ở nơi những điều hạ liệt, vui cầu các công đức thù thắng khiến về sau triển chuyển càng vượt hơn, triển chuyển càng thêm vi diệu.

5. Tuệ xuất thế gian: Do vị kia siêng an trụ tinh tấn như vậy, nhập hiện quán đế, chứng đắc các thánh tuệ xuất thế gian. Ở trong tu đạo, hoặc lúc hành, hoặc lúc trụ, y chỉ tuệ đây năng chánh trừ bỏ các tùy phiền não trong thân sở y khiến tâm thanh tịnh. Đó là lúc cư trú ở thôn xóm, hoặc ở vùng ven thôn xóm, nếu thấy người nữ dung sắc đoan nghiêm mỹ diệu, tức liền tác ý tư duy bất tịnh, vì muốn tổn hại duyên tham dục kia; nếu gặp sự bức bách não loạn của người, tức liền tác ý tư duy tương từ, vì muốn tổn hại duyên sân khuể kia. Như vậy vào lúc hành năng chánh trừ bỏ các tùy phiền não khiến tâm thanh tịnh.

Lại lúc an trú ở chốn viễn ly, tu tập niệm hơi thở trừ bỏ các ác tâm tư như dục... tức vào lúc trụ

năng chánh trừ bỏ các tùy phiền não khiến tâm thanh tịnh. Vị kia nương như vậy đã chứng đắc tuệ xuất thế gian, lại ở nơi tất cả hành tu tướng vô thường, năng trừ ngã mạn sót thừa. Như vậy, bậc thiện sĩ làm chỗ nương, lại được dạy trao không điên đảo làm tiền hành, do đây lần hồi năng chứng đắc Kim cương dụ tam-ma-địa, tức giải thoát viên mãn của bậc hữu học; vì tất cả phiền não đều là hệ buộc, nên cũng chứng giải thoát viên mãn của bậc vô học.

Sao gọi là giải thoát? Vì phát khởi sẽ rất ráo đối trị đoạn, vì tất cả phiền não phẩm loại thô trọng vĩnh viễn diệt, nên chứng đắc chuyển y, khiến các phiền não quyết định rất ráo thành pháp “chẳng sanh”. Đây gọi là giải thoát. Nếu là bậc Thánh đệ tử đã đắc ly dục ở Vô sở hữu xứ, chỉ trừ sở hữu các hành ở Phi tướng phi phi tướng xứ, lại năng an trụ hơn nữa thắng định Hữu đẳng. Bấy giờ an trụ không gián đoạn như vậy, năng tùy đó chứng đắc các lậu vĩnh viễn tận. Nếu ở các vị khác tuy năng dần dần đoạn các lậu kia, nhưng không phải không gián đoạn trong việc năng chứng đắc vĩnh viễn tận các lậu, cho đến cũng chưa đắc

ly dục Vô sở hữu xứ.

Lại nữa, các cõi hệ buộc Dục giới thì ngoại trừ vô minh, tất cả phiền não gọi là dục lậu. Hai cõi hệ buộc Sắc, Vô sắc thì ngoại trừ vô minh, tất cả phiền não gọi là hữu lậu. Nếu các hữu tình hoặc chưa ly dục, hoặc đã ly dục, trừ các ngoại đạo, chỗ có dấu vết hành tà phân biệt ngu si sanh khởi ác kiến che đậy nơi tâm. Nương ác kiến đây, nơi các dục kia một phần tìm cầu, một phần ly dục, cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Sở hữu vô trí của ba cõi giới trên nhiếp chung làm một lập là vô minh lậu.

Lại nữa, có 9 chủng sự “năng hòa hợp” nên biết kiến lập 9 kiết sai biệt. Sao gọi là chín sự? 1. Sự nương phẩm tại gia đáng yêu thích thuộc số hữu tình, phi hữu tình, tất cả cảnh giới có triền tham ái; 2. Sự nương phẩm tại gia đáng ghét thuộc số hữu tình, phi hữu tình, tất cả cảnh giới triền sân khuể; 3. Sự nương số hữu tình có triền kiêu mạn; 4. 5. 6. Sự nương các phẩm xuất gia, nương pháp ác thuyết có ba chủng triền dấu tích tà thắng giải. Đây do nương lắng nghe pháp bất chánh, do nương tà tư duy không như lý, do nương phương tiện bất

chánh mà nhiếp lấy tu tập. Như vậy là 3 chủng sai biệt; 7. Sự ở nơi pháp luật thiện thuyết có triền không thắng giải; 8. Sự nương phẩm xuất gia có trí kém thiếu; 9. Sự nương phẩm tại gia có tài vật bản cùng. Do chín sự đây, tùy chỗ thích hợp nên biết phối hợp với ái... tạo thành chín kiết. Trong đây, do tâm ganh ghét biến hoại nên đối với chánh pháp bên trong phát khởi xển tiếc pháp, do đây đương lai kém thiếu trí huệ. Tùy chỗ thích hợp nên biết các dạng phối hợp còn lại.

Lại nữa, do bị tham phược trói buộc, ở nơi cảnh giới năng thuận theo thọ lạc, tâm không thể xả. Như vậy do sân phược trói buộc, ở nơi cảnh giới năng thuận theo thọ khổ, tâm không thể xả; do ngu si phược trói buộc, ở nơi cảnh giới trung dung năng thuận theo không khổ không lạc, tâm không thể xả. Do nhân duyên đây nên kiến lập 3 phược.

Lại nữa, sở hữu thô trọng của phẩm phiền não tùy nương tựa thân, gọi là tùy miên. Đây năng là chủng tử khiến sanh khởi tất cả phiền não triền. Nên biết đây lại kiến lập 7 chủng: do phẩm chưa ly dục sai biệt nên kiến lập dục tham, sân khuể, tùy miên; do phẩm đã ly dục sai biệt nên kiến lập có

tham tùy miên; do cả hai phẩm sai biệt nên kiến lập mạn, vô minh, kiến, nghi tùy miên. Như vậy tổng nhiếp tất cả phiền não.

Lại nữa, tùy phiền não tức là tham bất thiện căn, sân bất thiện căn và si bất thiện căn, hoặc phẫn, hoặc hận, như vậy nói rộng các sự tạp uế. Nên biết trong đây năng khởi tất cả pháp tham bất thiện, gọi là tham bất thiện căn. Sân, si cũng vậy.

Nếu sân khuể triển năng khiến dung mạo buồn phiền, phát khởi ưu não thấp kém, gọi là phẫn. Bên trong ôm oán kết nên gọi là hận. Ẩn giấu các điều ác nên gọi là che đậy. Nhiễm ô sợ hãi nên gọi là nhiệt não. Tâm ôm nhiễm ô, không vui vẻ với vinh quang của người nên gọi là tật. Đối với các vật nuôi thân ôm lòng xẻn tiếc nên gọi là xan. Khi đối người, trong ôm mưu khác, ngoài hiện tướng khác, gọi là cuống. Tâm không chánh trực, không trong sạch, không rõ ràng, hành hiểu tà vạy, nên gọi là siểm. Đối với tội đã tạo, hư vọng cho mình chẳng sai, nên gọi không tâm. Đối với tội đã tạo, mê vọng người không biết, không thấy xấu hổ, nên gọi là không quý. Đối với người thấp kém, cho

mình là hơn; đối với người bằng, cho mình là bằng, khiến tâm cao cử nên gọi là mạn. Đối với người bằng, cho mình là hơn; đối với người hơn, cho mình là bằng, khiến tâm cao cử nên gọi là quá mạn. Đối với người hơn, cho mình là hơn, khiến tâm cao cử gọi là mạn quá mạn. Hư vọng quán sát các hành cho là ngã ngã sở, khiến tâm cao cử, nên gọi là ngã mạn. Đối với pháp thù thắng, chưa đắc cho đã đắc, khiến tâm cao cử gọi là tăng thượng mạn. Ở trong nhiều pháp thù thắng, tự cho là yếu kém, cũng là tâm cao cử gọi là hạ liệt mạn. Thật không đức mà tự cho có đức, khiến tâm cao cử gọi là tà mạn. Ôm tâm nhiệm ô, tự thị nơi sự vinh quang hưng thịnh mà hiện hình tướng thô tháo, nên gọi là kiêu. Ở nơi các thiện phẩm không vui siêng tu tập, ở nơi các pháp ác tâm không phòng hộ, nên gọi là phóng dật. Đối với các bậc đang tôn trọng cùng với phước điền, tâm không cung kính, nên gọi là ngạo.

Nếu phiền não triền năng khiến phát khởi cầm dao gậy đấu tranh kiện tụng, nên gọi là phần phát. Ôm tâm nhiệm ô, vì hiển đức mình mà giả hiện oai nghi, nên gọi là kiêu. Ôm tâm nhiệm ô, vì

hiển đức mình mà hiện sự thân thiện gần gũi, hoặc hành lời nhu nhuyễn, gọi là trá. Ôm tâm nhiệm ô, muốn có những thứ mưu cầu, đối trá hiện hạnh oai nghi, nên gọi là hiện tướng. Hiện hành bức ép đối với những nơi khát cầu, nên gọi là nài nỉ cầu. Ở nơi lợi dưỡng mình đã được không sanh vui đủ, đối với lợi dưỡng người thu được liền muốn mình thu lợi hơn, nên gọi là lấy lợi cầu lợi. Tự hiển đức mình, xa lìa khiêm cung, đối với người đáng tôn trọng mà không tôn trọng, nên gọi là bất kính. Phát lời không thuận, tánh không kham nhẫn, nên gọi là ác thuyết. Bị các bạn hữu dẫn đường khiến làm việc không lợi ích, gọi là bạn ác. Đắm trước tài lợi, hiển đức chẳng thật, muốn khiến người kính nên gọi là ác dục. Đối với người rộng rãi lại muốn cầu thêm nhiều lợi dưỡng cung kính, gọi là đại dục. Ôm tâm nhiệm ô, hiển đức chẳng thật, muốn khiến người kính, gọi là tự mong muốn. Ở nơi bị mắng, mắng trả lại, gọi là chẳng nhẫn. Ở nơi sân, trả sân; ở nơi đánh, trả đánh; ở nơi khinh thường, trả khinh thường, nên biết cũng vậy. Ở nơi các dục của mình sanh sâu tham ái, nên gọi là đắm say vui thích. Ở nơi các dục của người sanh

sâu tham trước, gọi là đấm thích khắp. Ở nơi thặng diệu, ở nơi thấp kém, tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy. Ở nơi các cảnh giới khởi sâu chấp trước mong cầu, gọi là tham. Ở nơi các ác hạnh sanh sâu mê muội chấp đấm, gọi là tham phi pháp. Ở nơi tài bảo của cha mẹ mình, thọ dụng bất chánh gọi là chấp trước. Ở nơi sở hữu tài vật người giao gởi, không muốn trả lại gọi là tham ác. Hư vọng quán các hành cho là ngã ngã sở, hoặc phân biệt khởi, hoặc là đồng sanh, đây gọi là kiến. Hữu thân kiến làm chỗ nương, ở trong các hành phát khởi thường kiến gọi là hữu kiến, phát khởi đoạn kiến gọi là vô hữu kiến. Nên biết tướng năm cái đã thuyết như trước trong phần *Định địa*. Không được tự tại như ý, bị sự trói buộc của triền ngũ nghĩ phi thời, gọi là mê muội. Chẳng phải điều suy nghĩ mến mộ, gọi là chẳng vui. Thô tháo cứng ngắc, tâm không điều nhu, cử thân trì trệ, gọi là gay go. Đối với việc ăn uống, không khéo thông hiểu hoặc tăng hoặc giảm, gọi là ăn không biết lượng. Đối với việc nên làm thì không làm, việc không được làm mà lại làm, như trong việc tu tập pháp văn-tư-tu, phóng dật làm tiền dẫn mà phát khởi dụng công, gọi là

không tác ý. Ở nơi cảnh sở duyên sanh sâu trói buộc, giống như ngủ say ẩn sâu nơi tâm, nên gọi là không đúng lý hành chuyển. Tự khinh miệt gọi là tâm hạ liệt. Tánh làm não người nên gọi là đê tiện. Tánh thích giễu cợt nên gọi là hèn hạ. Khi đối Sư trưởng, những bậc phước điền đáng tôn trọng và bạn đồng pháp, nên gọi là không thuần trực. Hai nghiệp thân ngữ thấy đều thô tháo khinh suất, tâm ngang ngạnh, không trong sạch, nên gọi là chẳng nhu hòa. Ở nơi các giới, kiến, quỹ tắc, chánh mạng đều không đồng phạm, gọi là không tùy thuận đồng phạm mà chuyển, gọi là tầm tư dục. Tâm ôm ái nhiễm phan duyên các dục, phát ý lời thuận theo đó chuyển, gọi là tầm tư dục. Tâm ôm ghét ác với người, duyên theo tướng không nhiều ích, phát khởi ý lời thuận theo đó chuyển, gọi là tầm tư khuể. Tâm ôm tổn não với người, duyên theo tướng não loạn, phát khởi ý lời thuận theo đó chuyển, gọi là tầm tư hại. Tâm ôm nhiễm ô duyên theo thân bằng quyến thuộc, phát khởi ý lời thuận theo đó chuyển, gọi là tầm tư thân thích xóm làng. Tâm ôm nhiễm ô duyên theo đất nước, phát khởi ý lời thuận theo đó chuyển, gọi là tầm tư đất nước.

Tâm ôm nhiễm ô phan duyên nơi nghĩa nương dựa đời đời của mình, thời sau sanh khởi hư vọng có được, phát khởi ý lời thuận theo đó chuyển, nên gọi là tâm tư bất tử. Tâm ôm nhiễm ô phan duyên với mình, với người, hoặc hơn, hoặc kém mà phát khởi ý lời thuận theo đó chuyển, gọi là tâm tư tương ưng khinh miệt. Tâm ôm nhiễm ô duyên nơi thí chủ, tới lui nhà có thế lực, phát khởi ý lời thuận theo đó chuyển, gọi là tâm tư tương ưng nhà thế lực. Hết thấy sự sâu, thán... nên biết như trước cũng vậy.

Lại nữa, tất cả phiền não đều có triền. Do luôn luôn sanh khởi hiện hành nên gọi là triền. Nhưng có 8 chủng các tùy phiền não, ở trong 4 thời lớp lớp hiện hành, nên chỉ lập 8 chủng là triền. Đó là ở thời tu học tăng thượng giới, lớp lớp hiện hành không tầm, không quý năng làm chướng ngại. Nếu ở thời tu học tăng thượng tâm, lớp lớp hiện hành hôn trầm, thù miên năng làm chướng ngại. Nếu ở thời tu học tăng thượng tuệ, vì gián trạch pháp, lớp lớp hiện hành trạo cử, ác tác năng làm chướng ngại. Nếu người đồng pháp, lúc triển chuyển thọ dụng tài và pháp, lớp lớp hiện hành tật đố,

keo lặn năng làm chướng ngại.

Lại nữa, người hành phiền não hệ buộc Dục giới như dục, tham, sân... nếu chưa biết, chưa đoạn phiền não phẩm thượng hệ buộc Dục giới, gọi là dục thác lữ. Ba chủng thác lữ là hữu, kiến, vô minh tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy. Đó là người chưa đắc ly dục Dục giới, trừ các ngoại đạo, gọi là dục thác lữ. Người đã đắc ly dục gọi là hữu thác lữ. Nếu các ngoại đạo từ nhiều môn luận, nên biết có 2 chủng thác lữ khác: các kẻ ác kiến lược nhiếp làm một, gọi là kiến thác lữ thứ ba và nhân duyên ác kiến lược nhiếp làm một, gọi là vô minh thác lữ thứ tư.

Lại nữa, nếu các kẻ phiền não hành đẳng phần không tăng không giảm, tức ở nơi tất cả phiền não đã thuyết trên gọi là ách.

Lại nữa, nên biết nương ở hai phẩm mà kiến lập bốn thủ: 1. Phẩm tại gia; 2. Các phẩm xuất gia trong pháp ngoại đạo. Nên biết trong đây hoặc sở thủ, hoặc năng thủ, hoặc sở vi thủ, như vậy tất cả gọi chung là thủ.

Hỏi: Sao gọi là sở thủ?

Đáp: Dục, kiến, giới cấm, ngã ngữ là sở thủ.

Hỏi: Sao gọi là năng thủ?

Đáp: Bốn chủng dục tham là năng thủ.

Hỏi: Sao gọi là sở vi thủ?

Đáp: Vì được các dục và vì thọ dụng nên khởi thủ ban đầu. Do lực tham lợi dưỡng cùng với cung kính tăng thượng, hoặc vận hồi chỗ lập luận của người, hoặc vì tránh khỏi sự nạn vấn của người, nên khởi thủ thứ hai. Chi Xa-ma-tha làm chỗ nương tựa, làm chỗ kiến lập, vì muốn hưởng đến ly dục thế gian cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ Tam-ma-bát-đề, khởi thủ thứ ba. Vì muốn tùy thuyết phân biệt chỗ kế chấp tác nghiệp, thọ quả sở hữu sĩ phu, cùng với tùy thuyết tướng lưu chuyển hoàn diệt sĩ phu, khởi ngã ngữ thủ.

Bốn thủ như vậy nương nơi hai phẩm là phẩm các tại gia thọ dụng dục và phẩm các xuất gia trong pháp ác thuyết Tỳ-nại-da. Do Phật Thế Tôn mỗi tự xưng rằng: “Ta là bậc Đại sư chánh luận biết khắp vĩnh viễn đoạn các thủ”, nên người ở nơi pháp đây thế tu hành, tuy phiền não dẫn dắt khiến thân hoại mạng chung, mà không ở kia kiến lập các thủ. Vì cố sao? Vì người kia ở nơi các dục không lòng luyến tiếc mà xuất gia; vì ở nơi kiến, giới cấm

và ngã ngữ không chấp thọ. Kẻ pháp ác thuyết thì có 2 sai biệt: 1. Kẻ ở nơi ái kiến mà triển chuyển phát khởi luận oán tranh; 2. Kẻ năng chứng nhập định thế gian. Kẻ nương nơi ái kiến mà triển chuyển phát khởi luận oán tranh kiến lập kiến thủ. Kẻ nương năng chứng nhập định thế gian lập giới cấm thủ. Vì hai phẩm làm chỗ nương chấp trước ngã ngữ, nên nương cả hai phẩm lập ngã ngữ thủ. Trong đây kiến là 62 kiến, nên biết như trước. Chỗ thọ trì tà kiến phân biệt phòng hộ thân, phòng hộ ngữ gọi là giới. Tùy chỗ thọ hình phục, ăn uống, uy nghi, hình tướng... gọi là cấm. Luận cho là có ngã là thật, là trụ, gọi là ngã ngữ. Vì chấp có thật vật gọi là thật. Vì chấp có thể an lập gọi là trụ.

Lại ở trong đây, dục ái làm duyên kiến lập dục thủ. Nương luận trí, lợi dưỡng, cung kính... ái làm duyên kiến lập kiến thủ. Định ái làm duyên kiến lập giới cấm thủ. Hữu ái, vô hữu ái làm duyên kiến lập ngã ngữ thủ.

Lại nữa, có bốn “hệ” chỉ nương ngoại đạo sai biệt mà kiến lập, nên biết như trước.

Lại nữa, vì trái lại 5 xứ nên kiến lập 5 cái sai biệt: 1. Tại gia cuốn theo cảnh giới các dục trôi

nổi, trái với thánh giáo, nên kiến lập tham dục cái; 2. Không kham nhẫn vì các đồng pháp quở trách, khuyên ngăn, đui bỏ, dạy răn... trái với sở hữu pháp lạc khả ái, nên kiến lập sân khuể cái; 3. Do trái Xa-ma-tha, nên kiến lập hôn trầm thù miên cái; 4. Do trái với Tỳ-bát-xá-na, nên kiến lập trạo cử ác tác cái; 5. Do trái với pháp luận nghị không điên đảo, quyết trạch quán sát sâu các pháp Đại sư thánh giáo, thắng giải Niết-bàn, nên kiến lập nghi cái.

Lại nữa, hoặc vì tham sân si triền trói buộc, hoặc vì tham sân si tùy miên theo đuổi ngũ sắc, nên tâm không điều nhu, tâm rất ngu muội, năng làm suy tổn trong việc đắc nghĩa tự lợi, nên gọi là chu ngọt.

Lại nữa, đối với cảnh hèn hạ xấu xa phát khởi tham dục, gọi là tham cấu. Ở nơi cảnh sự sở duyên không đáng sân mà khởi sân khuể, gọi là sân cấu. Ở nơi chúng sanh hiển hiện cực ngu si, còn năng nhận biết chỗ khởi ngu si, gọi là si cấu.

Lại nữa, nếu tham sân si lớp lớp hiện hành, hằng thường lưu chuyển mạnh mẽ, thiêu não thân tâm cực làm suy tổn, gọi là thiêu hại. Nếu tham

sân si mà xa lìa tâm quý, vì không tâm quý nên một hướng không gián đoạn chẳng thể chế phục, quyết định sẽ bị thương tổn, gọi là tên. Nếu tham sân si có tâm quý xen lẫn gián đoạn, vì tiếp nối, vì không phải sát-na, nên có thể chế phục, gọi là nghĩa “sở hữu” chính là trói buộc cực dơ uế.

Lại nữa, tất cả thân nghiệp bất thiện gọi là ác hành. Như nói thân nghiệp, thì ngữ nghiệp, ý nghiệp nên biết cũng vậy. Do lớp lớp nghiệp ác đây hiện hành, ở các đường ác hoặc đã tùy nhập, hoặc sẽ tùy nhập, hoặc hiện tùy nhập, cho nên thuyết kia gọi là ác hành. Do đây hiển bày nghĩa nghiệp tạp nhiễm, còn triền phiền não tạp nhiễm trước đã hiển rõ.

Lại nữa, có 2 luận an lập nghiệp tạp nhiễm: 1. Tà luận; 2. Chánh luận.

Nói tà luận là như có người lập luận như vậy: “Nếu có người cố tư duy tạo tác các nghiệp bất thiện... tất cả quyết định sẽ thọ đường ác”. Luận đây tức hủy báng việc tu hành phạm hạnh năng chứng Niết-bàn. Vì cơ sao? Các loại hữu tình ở trong hiện pháp không dễ gì mà không cố ý suy nghĩ gây tạo nghiệp bất thiện khả đắc, hướng là

trong đời khác. Nếu kia quyết định cảm đường ác, bèn lẽ không có giải thoát khả đắc. Cho nên nên biết đây là tà luận.

Nói chánh luận là nếu có người lập luận như vậy: “Những người cố tư duy tạo nghiệp bất thiện, hoặc người cũng làm, cũng tăng trưởng nghiệp đây, quyết định đương lai thọ dị thực đường ác chẳng đáng ưa thích. Hoặc có người tuy tạo tác mà không tăng trưởng, vì lấy pháp thọ kia làm chỗ nương, nên tạo tác các việc hoặc vui, hoặc khổ, ở trong hiện pháp nghiệp đây quyết định hoặc thuận thọ lạc, hoặc thuận thọ khổ. Những kẻ tạo tác nghiệp như vậy rồi, nếu không hối hận, không tu đối trị, người kia ở nghiệp đây hoặc lại tăng trưởng, hoặc chẳng tăng trưởng, thì nghiệp đây tuy quyết định thuận thọ ở hiện pháp, cũng khiến chuyển thành thuận thọ đường ác, ở trong hiện pháp năng chướng giải thoát. Những kẻ tạo tác nghiệp như vậy rồi, nếu sanh khởi hối hận, tu tập đối trị, người kia ở nghiệp đây hoặc chẳng tăng trưởng, hoặc lại tăng trưởng, thì nghiệp đây tuy là thuận thọ đường ác, cũng khiến chuyển thành thuận thọ hiện pháp, không chướng giải thoát”. Cho nên luận đây chẳng

gọi là phỉ báng việc tu tập phạm hạnh năng chứng Niết-bàn. Nên biết luận đây là chánh luận.

Lại nữa, nếu khuyết 10 chủng nghiệp đối trị, tức bèn là chỗ nhiễm ô của nghiệp tạp nhiễm. Nếu có người tích tập 10 chủng đối trị như vậy, liền được thanh tịnh: 1. Hoặc do đối trị như vậy, tuy có gây tạo nghiệp mà không tăng trưởng, hướng về đương lai thành bất định thọ; 2. Hoặc do đối trị như vậy, tuy chưa vĩnh viễn đoạn trừ, mà không lãnh thọ trở lại; 3. Hoặc do đối trị như vậy, lìa hệ buộc, vĩnh viễn đoạn trừ; 4. Phòng hộ giữ gìn các căn môn, khéo tu thân, muốn tu tập tăng thượng giới học; 5. Tu tập tăng thượng giới rồi, muốn tu tập tăng thượng tâm học; 6. Tu tập tăng thượng tâm rồi, muốn tu tập tăng thượng tuệ học; 7. Tu tập tăng thượng tuệ rồi, đoạn trừ các lậu; 8. Tu tập ý lạc mạnh mẽ; 9. Trường thời tu tập; 10. Tu tập vô lượng môn đối trị. Nếu có người không tích tập 10 chủng nghiệp đối trị như vậy, bèn là chỗ nhiễm ô của nghiệp tạp nhiễm. Trái với tướng đây nên biết thanh tịnh.

Lại nữa, ở trong hiện pháp có người không khéo an trụ phòng hộ thân ngữ ý nghiệp, do kể kia

trước tạo tác nghiệp ác bất thiện, cũng khiến tăng trưởng, nên ở đời đương lai có tạp nhiễm. Nếu người khéo an trụ phòng hộ thân ngữ ý nghiệp, kia không bị tạp nhiễm.

Sao gọi là ở trong hiện pháp không khéo an trụ phòng hộ thân ngữ ý nghiệp? Sao gọi là khéo an trụ phòng hộ thân ngữ ý nghiệp?

Không khéo an trụ phòng hộ thân ngữ ý nghiệp: Như có người ở nơi sự phát khởi các thân ngữ ý nghiệp triền bất thiện, năng thệ xa lìa. Nhưng tác ý bất chánh năng khởi tương ưng vô minh vẫn còn nên phát khởi. Lại ở nơi các thân ngữ ý nghiệp thiện thọ học tùy chuyển. Do nhân duyên đây, ở trong hiện pháp tạo tác các khổ do các phiền não tà dục tìm cầu gây ra không thể khác được. Người kia chỉ ở nơi việc thệ thọ xa lìa đây mà sanh vui đủ như vậy, ở trong hiện pháp không sanh khởi thánh đạo, không chứng Niết-bàn. Tuy kia an trụ phòng hộ như vậy, ở trong hiện pháp tạm thời không tạo tác ý nghiệp ác bất thiện, nhưng vì tùy miên, triền, phược của phiền não nên thân hoại về sau hậu hữu tiếp nối sanh, theo chỗ thọ thân nương duyên nghiệp trước rộng khởi tạp nhiễm.

Người khéo an trụ phòng hộ thân ngũ ý nghiệp thì có sự sai khác. Đó là do người đây nương thế thọ xa lìa kia, không tạo nghiệp mới, nghiệp cũ tuy chín dần tạm đón nhận dị thực mà năng biến đổi tiêu dung. Người kia không chỉ đối với việc thế thọ xa lìa đây sanh vui đủ, lại ở trong hiện pháp năng khởi thánh đạo, cũng năng chứng đắc quả Niết-bàn. Người kia lúc bấy giờ cho đến thân có thức tương tục trụ, hằng lãnh thọ các thọ do nghiệp trước chiêu cảm. Ở trong hiện pháp, thân có thức kia cho đến giai đoạn thọ lượng chưa diệt tận, thường trụ tương tục; nếu thọ lượng đến lúc tận, liền xả thân có thức, mạng căn sau chẳng thành tựu. Do nhân duyên đây, thức và tất cả các thọ đều diệt, không tương tục về sau. Vì kia bóng thọ cùng cây thức ấy đều diệt tận, nên khắp ở tất cả chẳng thể thi thiết. Người kia lúc bấy giờ do hai nhân duyên tạo tác nghiệp trước, ở đời đương lai chẳng thể bị nhiễm: 1. Do phiền não làm trợ bạn khiến tạp nhiễm, đoạn trừ không sót thừa; 2. Do nương các hành tương tục đây khiến thành thực tạp nhiễm cũng đoạn diệt không sót thừa. Bấy giờ vì người kia đối với các hữu tình ý vui bạn lành tương tục

chuyển, nên gọi là tâm không oán. Vì duyên sân khuể ở nơi kia đoạn trừ, nên gọi là tâm không khuể. Vì đối với nghiệp dị thực thấy sâu quá hoạn, duyên thệ xa lìa lực tăng thượng, gọi là tâm không nhiễm. Đã đạt được đầy đủ đối trị kia, thành tựu thánh đạo, gọi là tâm thiện giải thoát không điên đảo. Do kia như vậy năng chứng đắc đầy đủ sáu chủng hằng trụ. Nếu đã nhiều an trụ như vậy, trong hiện pháp bị chủng chủng các duyên ác bất thiện xen tạp gián đoạn, thì do đây xa lìa, một hướng thành tựu thiện. Do nhân duyên đây nên biết người an trụ phòng hộ sau có sự sai khác so với người trước.

Lại nữa, nên biết thi thiết luận lãnh thọ nghiệp dị thực, do 5 chủng tướng thành tạp nhiễm và do 5 chủng tướng thành chẳng tạp nhiễm.

- Sao gọi là do 5 chủng tướng thành tạp nhiễm? Do thi thiết luận ác nhân, do thi thiết luận không nhân, và do thi thiết luận ác nhân, không nhân có ba chủng lỗi lầm.

Thi thiết luận ác nhân: Như có người khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Nếu có bổ-đặc-già-la sĩ phu thọ nhận các sự việc, tất cả đều là

nhân đời trước tạo ra. Như vậy Tự tại biến hóa... là nhân tạo ra”.

Thi thiết luận không nhân: Như có người khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Nếu có bổ-đặc-già-la sĩ phu thọ nhận các sự việc, nên biết tất cả đều không nhân không duyên”.

Thi thiết luận ác nhân, không nhân có 3 chủng lỗi lầm: Nếu nói: “Trong hiện pháp, bất thiện đồng hành với các thọ do nghiệp bất thiện đời trước làm nhân” cũng có lỗi lầm; “Nghiệp hiện pháp làm nhân” cũng có lỗi lầm. Nếu nói: “Thọ đây lấy nghiệp ác đời trước làm nhân”, vậy thì có người lúc nương ở bất thiện mà thọ các pháp vui, thì có phát sanh cảm thọ vui bất thiện. Nếu việc đây dụng các nghiệp bất thiện đời trước lấy làm nhân sanh khởi thì không đúng đạo lý. Vì cơ sao? Vì kia đời trước không tạo tác các nghiệp bất thiện, ở trong hiện pháp cảm vui dị thực thì đúng với đạo lý. Nếu nói: “Thọ đây dụng nghiệp ác trong hiện pháp làm nhân”, vậy thì hoại mất ý sở lập của chính các kẻ luận ác nhân và luận không nhân. Vì những kẻ kia cho là các sự thọ đều do nhân đời trước làm ra cho đến nói rộng. Đây gọi là lỗi lầm thứ nhất.

Lại nếu có kẻ nói rằng: “Các pháp bất thiện đều dụng nghiệp ác đời trước làm nhân, vậy thì quyết định chỗ có pháp thiện cũng dụng nghiệp thiện đời trước làm nhân”. Như vậy chỗ có các gia hạnh thiện đồng sanh khởi với tinh tấn đố: trị bất thiện đều thành vô dụng. Như vậy gọi là lỗi lầm thứ hai.

Lại nếu hiện tại không có dụng của sĩ phu, vậy thì không thể nương thiện, bất thiện, chánh quán sát sâu “đây là điều phải làm, đây là điều chẳng nên làm”. Lại như thật trí “điều đây ta nên triển chuyển, điều đây ta nên thành tựu” lẽ thành vô dụng. Vì không có dụng sĩ phu kia nên trí đây cũng không có, dẫn đến đạo lý như thật trí cũng không thành tựu. Vì trí không thành, nên niệm không an trụ. Vì niệm không an trụ, nên không định. Vì không có định, nên tâm tư bất chánh khiến tâm mê loạn. Vì tâm mê loạn, liền lẽ các căn vui sướng quyến luyến đồng theo ý vui của ngu phu. Vì kẻ kia thu được pháp như thế, nên thối thất pháp Sa-môn và luận Sa-môn. Như vậy gọi là lỗi lầm thứ ba.

Dưới đây lược thuyết 3 chủng lỗi lầm: lỗi lầm

do các thọ đời hiện tại nhân bất thiện không thành tựu; lỗi lầm do phỉ báng tinh tấn và lỗi lầm do phỉ báng chánh trí.

- Sao gọi là thi thiết luận lãnh thọ tất cả nghiệp dị thực do 5 chủng tướng thành không tạp nhiễm? Đó là hoặc kẻ năng lãnh thọ, hoặc do đây lãnh thọ, hoặc như vậy lãnh thọ, hoặc khi lãnh thọ tạp nhiễm như vậy, thanh tịnh như vậy.

Nên biết trong đây nương 5 thủ uẩn thi thiết giả danh bố-đặc-già-la là kẻ lãnh thọ. Tức kẻ đây do sáu xúc xứ nên năng lãnh thọ, ở trong thai mẹ có bốn chủng sai biệt. Đó là nương tinh huyết do đại chủng sở tạo, kết sanh tương tục do chỗ nhiếp thọ của các nghiệp phiền não, thức của hữu, thủ và sở hữu lỗi huyết trong thai mẹ, do như vậy mà được nhập thai mẹ. Kế đến có danh sắc, kế có sáu xứ, kế là xúc, kế là thọ, thứ tự như vậy mà có lãnh thọ. Lại tức thọ đây cũng dụng xúc hiện tại làm nhân, cũng dụng hết thủy nghiệp đời trước làm nhân. Nếu kia lắng nghe các pháp bất chánh, tác ý phi lý lấy làm nhân duyên liền xúc vô minh, xúc sanh thọ, thọ làm duyên sanh ái, ái làm duyên sanh thủ, cho đến các khổ sanh lão tử... sai biệt ở đương

lai. Như vậy lúc lãnh thọ các vô minh xúc sanh thọ, liền có tạp nhiễm nhiếp lấy hai đế. Trái với tướng đây, tức vì lắng nghe chánh pháp, như lý tác ý làm nhân duyên, liền năng lãnh thọ minh xúc phát sanh các thọ sai biệt. Khi lãnh thọ cảm thọ đây liền có thanh tịnh nhiếp lấy hai đế.

Lại nữa, nên biết thi thiết luận tà nghiệp, thanh tịnh và trong tà hạnh có 2 lỗi lầm. Những gì là hai? 1. Lỗi lầm do bên trong ngưng trệ; 2. Lỗi lầm do sự hủy chê của người.

- Sao gọi là thi thiết tà nghiệp thanh tịnh? Như có người thật chẳng phải Đại sư vọng phân biệt tự xưng là Đại sư, thi thiết luận tà tuyên thuyết thế này: “Các sự thọ khổ trong hiện pháp tất cả đều do nhân đời trước tạo ra”. Bởi kẻ kia quán sát các nghiệp bất thiện đời trước là do hai chủng nhân: 1. Trong hiện pháp các nghiệp bất thiện đều do nghiệp xưa thường xuyên tập quen dẫn dắt; 2. Các sự thọ khổ cũng là chỗ tạo tác của nghiệp kia. Do nhân duyên đây tự tu khổ hạnh, khiến nghiệp ác cũ chiêu tập quả khổ thấy đều biến đổi tiêu dung. Lại không tạo tác nghiệp mới bất thiện, ở trong hiện pháp lại năng an trụ phòng

hộ thân ngữ ý. Về sau một hương siêng tu nghiệp thiện khiến pháp bất thiện chuyển đổi thành chẳng còn lậu. Do nhân duyên đây nghiệp bất thiện tận hết. Do nghiệp kia tận, các khổ cũng tận, chứng biên tế khổ.

- Sao gọi là tà hạnh? Như có người chẳng thể rõ biết nghiệp tạp nhiễm của mình, chẳng thể rõ biết đối trị nghiệp kia, lại nơi sở chứng trước sau sai biệt chẳng như thật biết. Như vậy kẻ kia thành tựu pháp ngu si, nên đối với điều chứng đắc của thầy không phát khởi tín căn, đối với điều không nên tín mà sanh hư vọng cho là chân thật. Đối với thấng giải thánh giáo, kia đọa trong mê muội cho là không chân thật, không như lý, do đây bị kẻ bằng hữu tà luận khác xoay chuyển khuynh động. Đối với điều đáng nghi hoặc mà không sanh nghi hoặc, không tìm đến thầy cung kính thỉnh cầu thưa hỏi điều gì năng chánh ký, điều gì không thể ký, làm sao năng thanh tịnh nghi hoặc, làm sao không thể thanh tịnh nghi hoặc, sao là nhất thiết trí, sao không phải nhất thiết trí. Đại sư qua đời, ở nơi những điều nghi hoặc rất ráo theo đó chuyển. Vì có sao? Đại sư còn trụ ở đời năng vì nghi hoặc

của kia mà khai tỏ đây là nhất thiết trí và kia chẳng phải nhất thiết trí. Đại sư diệt rồi nương ai thừa hỏi, làm sao quyết nghị. Đây gọi là tà hạnh.

Duyên nào nên biết thi thiết nghiệp thanh tịnh như sau thì không đúng đạo lý? Do hai duyên: kia nếu tự khổ hạnh là do nhân đời trước tạo ra thì không đúng đạo lý và do đây năng tận nghiệp bất thiện đời trước thì không đúng đạo lý. Vì có sao? Do duyên tự khổ hạnh bức thiết phẩm nhuộm trung thượng, thì lãnh thọ khổ phẩm nhuộm trung thượng sanh. Nếu xa lìa duyên bức thiết của ba phẩm đây, thì sự bức thiết thọ khổ của ba phẩm đây chẳng được sanh. Cho nên do nhân đời trước tạo tác thì không đúng đạo lý.

Lại khổ hạnh đây không có công năng khiến sở tác các nghiệp bất thiện gây tạo ở đời trước năng cảm thọ khổ trở thành thuận thọ lạc. Cho nên kia khởi định kiến như vậy: “Do tự khổ hạnh khiến việc làm ác nghiệp đời trước biến đổi tiêu dung”. Nếu có việc đây, thì các nghiệp bất thiện đời trước gây tạo năng thuận thọ khổ, ở trong hiện pháp quả thọ khổ đây là năng cảm được hay do tự khổ bức thiết? Nếu nói quả thọ khổ đây là do chiêu

cảm được, thọ quả kia rồi tự nhiên tiêu dung, thì tự tu khổ hạnh tức là vô ích. Nếu như vậy, sự gây tạo các nghiệp bất thiện đời trước không phải do tự khổ hạnh mà có thể tiêu dung. Lại tức nghiệp đây, hoặc một phần có thể biến đổi, tức là trong hiện pháp thọ quả kia, nhưng nếu một phần nghiệp còn lại năng thuận thọ về sau, thì kia ở đời sau sẽ thọ quả ấy, không phải tự khổ hạnh có thể khiến quả đây thấy đều tiêu dung. Nếu nói: “Quả thọ khổ là do hiện tại tự khổ bức thiết, chẳng phải do nhân đời trước tạo tác”, như vậy chỗ thuyết: “Tất cả các sự lãnh thọ đều là nhân đời trước tạo tác” không đúng đạo lý. Như nghiệp ác năng thuận thọ khổ, không thể khiến đây thành thuận thọ lạc, như vậy việc làm đời trước nghiệp thiện năng thuận thọ lạc, không thể khiến đây thành nghiệp thuận thọ không khổ không lạc. Hoặc hai chủng kia thuận thọ hiện pháp, không thể khiến đây thành thuận thọ về sau. Hoặc thuận thọ về sau không thể khiến đây thành không chỗ thọ. Hoặc chưa thành thực, chẳng thể khiến thành thực. Hoặc đã thành thực, chẳng thể dụng phương tiện nào khác khiến chuyển đổi.

Dưới đây tóm lược nghĩa chủ yếu: Chỗ gọi tất cả nghiệp thiện, bất thiện do tự tánh quyết định, thời phần quyết định và phẩm loại quyết định. Nếu như vậy, quyết định tùy theo nghiệp, tất năng nhiếp thọ loại quả như thế. Vậy thì ở trong ấy tự hành bức thiết thọ khổ có tác dụng gì? Lại nếu thọ đây do nhân của nghiệp đời trước mà năng chiêu cảm kia, tự tin theo như vậy khiến nghiệp một phần diệt tận thì còn được chút phần lợi ích thù thắng. Do nhân duyên đây mà kế chấp cho là chút phần thắng lợi cũng không có, như vậy sẽ chịu sự trói buộc rất ngưng trệ của nghiệp chính mình, trọn không giải thoát. Do đạo lý đây, gọi là lỗi lầm thứ nhất của tà luận tà hạnh đây, đó là do bên trong ngưng trệ trong việc chứng nghĩa tự lợi.

- Sao gọi là lỗi lầm do hủy chê của người? Người kia nương theo hai chủng tà luận, phát khởi ba chủng tự hành khổ não.

Hai chủng tà luận: Có kẻ nói lời như vậy: “Tất cả các sự lãnh thọ của bố-đặc-già-la sĩ phu đều là nhân đời trước tạo tác”. Đây gọi là tà luận thứ nhất, tức là luận ác nhân. Lại có kẻ nói rằng: “Như kia ban đầu là do Tự tại biến hóa, từ đây về sau tất

cả các sự lãnh thọ đều do việc làm của nghiệp đời trước”. Đây gọi là tà luận thứ hai, tức là luận ác nhân.

Ba chủng tự khổ hạnh: đó là phòng hộ thân, phòng hộ ngữ, phòng hộ ý.

Phòng hộ thân: tức là không đem thân cùng cộng trú với hữu tình khác, chỉ đến núi rừng, chốn a-lan-nhã, một mình ở chốn nhàn tịnh, đều không sờ kiến mà tu khổ hạnh.

Phòng hộ ngữ: kẻ kia thọ trì cấm giới yên lặng không nói.

Phòng hộ ý: kẻ kia tâm nhẫn thọ tự khổ bức thiết, lại khởi vui muốn nói thuyết vì người mà hiển dạy như vậy.

Vậy như đã nói trên, người kia do 2 chủng sở kiến viên mãn và do 3 chủng khổ hạnh viên mãn nên năng vượt các thứ khổ, nhưng không thể vượt qua khổ của bản thân, cho nên bị sự hủy chê của người. Nếu các sự lãnh thọ tất cả đều là nhân đời trước tạo tác, cũng là nhân Tự tại biến hóa tạo tác, cũng là ba chủng khổ hạnh năng vượt qua nhân đã gây tạo, vậy thì ba chủng tu khổ hạnh đều là chỗ thọ các khổ, quyết định là do cảm nghiệp hắc đời

trước, cũng là chỗ hóa hiện bạo ác của Tự tại. Vì ba chúng khổ hạnh đều chẳng năng vượt, cho nên ở nay thọ ấy là thọ khổ. Nếu kẻ kia tuy bên trong chúng ngưng trệ mà được người xưng khen vẫn còn không có việc ấy, hà hưởng được người xưng khen có lợi ích thù thắng. Cho nên gọi là lỗi làm thứ hai, do trong phạm đây chỉ đáng hủy chê.

Lại nữa, trái với tướng trên nên biết thi thiết luận chánh nghiệp nhiễm tịnh và trong chánh hạnh có 2 lợi ích thù thắng: 1. Thắng lợi do bên trong chúng đặc không ngưng trệ; 2. Thắng lợi do được người xưng khen.

- Sao gọi là thi thiết luận nghiệp tạp nhiễm? Có 2 nghiệp: 1. Nghiệp thiện; 2. Nghiệp bất thiện. Ở đời quá khứ đã từng tạo tác nghiệp thiện, bất thiện, nay trong hiện pháp thọ quả dị thực ái, phi ái. Khi thọ quả ái, phi ái sai khác, liền lại tạo tác nghiệp thiện, bất thiện, do đây thọ quả dị thực ái, phi ái đương lai. Như vậy gọi là luận nghiệp tạp nhiễm.

- Sao gọi là thi thiết luận nghiệp thanh tịnh? Như có người không tạo nghiệp mới, nên tiếp xúc nghiệp cũ rồi liền khiến tiêu dung. Do lực đối trị

vĩnh viễn đoạn không sót, nên chứng đắc thanh tịnh. Đây gọi là luận khiến nghiệp tạp nhiễm được thanh tịnh. Như vậy thì thiết luận chánh nghiệp nhiễm tịnh gọi là luận vô thượng.

- Sao gọi là chánh hạnh? Như có người ở trong chánh pháp thành tựu đa văn, đối với nghiệp tạp nhiễm và thanh tịnh đã chánh biết tướng tạp nhiễm, thanh tịnh, nên xả bỏ nghiệp bất thiện, tu tập nghiệp thiện. Người kia ở nơi văn tự đã như lý tác ý siêng tu tập phương tiện rồi, vì chứng tu nên an trụ chốn a-lan-nhã tịnh tu sửa trị tâm, khiến lìa các cái và các pháp khổ. Vì muốn đoạn trừ tham dục, sân khúể, trạo cử, ác tác, nên dụng chín chủng hành an trụ nơi tâm, tức dụng Chỉ đối trị khiến tâm xả bỏ. Vì muốn đoạn trừ hôn trầm, thù miên cùng với nghi cái, nên phân tích sáu sự, tác ý như lý tu tập trang nghiêm nơi tâm, dụng Quán đối trị khiến tâm xả bỏ. Từ Chỉ Quán sở trị kia ra khỏi rồi, năng chánh tu học mỏng dần các khổ. Người kia đã tịnh tu tâm như vậy khiến lìa các cái, các pháp khổ rồi, lại ở nơi y phục, uống ăn, ngọa cụ, thọ dụng, oai nghi, phép tắc mà tịnh tu tâm đây. Tự rõ biết nếu tập quen thân cận với y phục cho

đến ngoại cụ như vậy, bất thiện pháp tăng, thiện pháp thoái giảm, tức liền xa lìa. Thà rằng thọ dụng y thô xấu... tạm vì nuôi sống thân này nhẫn thọ các khổ, tiến tu chánh hạnh.

Lại do 2 duyên nhân việc thọ dụng y phục tốt đẹp thượng diệu, năng khiến sanh trưởng pháp ác bất thiện là các vọng tưởng và tầm tư bất chánh. Những gì là hai duyên? 1. Vì ở nơi thiện chưa năng trường thời xuyên suốt tu tập, nên tâm chẳng điều phục nhu hòa; 2. Vì ở nơi các việc y phục, uống ăn... dục tham chấp đắm kiên cố. Do nhân duyên đây, người tu chánh hạnh nhu nhuyễn điều phục tâm khiến kham nhiệm thực hành. Đối với y phục... mà có dục tham chấp đắm kiên cố, tự rõ biết các pháp vô thường, chúng nhiều duyên sanh, thường hằng luôn buộc niệm thấy sâu quá hoạn. Bấy giờ, tuy lại thọ dụng các sự y phục tốt đẹp... mà trong tâm không bị tạp nhiễm. Người hành như vậy lãnh thọ sự an lạc, cũng không có tội. Đây nương lực tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na khiến tịnh tu nơi tâm. Đã lìa các cái, do lực tư trạch trong việc tà thọ dụng y phục... tuy bấy giờ tạm chút thành tựu tâm nhất cảnh tánh, nhưng chưa đoạn dục tham tùy miên, ở

đời đương lai lại bị tạp nhiễm. Người kia dùng diệu tuệ thông đạt đây rồi, liền tu gia hạnh sẽ rất ráo đoạn trừ, như pháp thọ dụng biết lượng đối với vật thực y phục, lìa các tham đắm. Trước hết khéo tu trị tư lương chánh định, lần hồi cho đến năng nhập Đệ tứ tĩnh lự thanh tịnh. Lấy đây làm chỗ nương, chứng hiện quán đế, tùy đắc lậu tận, tâm thiện giải thoát. Vì ở nơi tất cả khổ đã được lìa hệ buộc, vì nhiếp thọ tịch tĩnh rất ráo, vì tất cả thân tâm thanh tịnh vi diệu viên mãn không gián đoạn, vì tất cả phiền não vĩnh viễn lìa hệ buộc, vì khắp năng lãnh nạp các thọ vô lậu, đây gọi là chánh hạnh. Như vậy gọi là bên trong chứng đắc không ngưng trệ.

Trái với tướng trước kia, tức có 5 chủng sai biệt được người khen ngợi tán thán. Vị kia bấy giờ tâm thiện giải thoát khỏi các triền cái và tất cả khổ, ở trong hiện pháp các tùy miên kia đoạn hẳn không sót. Do chỗ có nghiệp tạp nhiễm tiền tế, hậu tế và dị thực đều khéo giải thoát, nên ở hiện pháp thành tựu thánh đạo và quả đạo.

Lại nữa, lược có 3 chủng bổ-đặc-già-la: 1. Dị sanh chưa nhập thánh giáo; 2. Hữu học đã nhập

thánh giáo; 3. Dị sanh đã nhập thánh giáo. Do ba chủng tướng nên rõ biết bổ-đặc-già-la thứ nhất. Bổ-đặc-già-la thứ hai, thứ ba nên biết cũng vậy.

- Sao gọi là nên biết 3 tướng của bổ-đặc-già-la thứ nhất? Tướng bổ-đặc-già-la thứ nhất đã thành tựu chánh kiến thế gian, rõ biết có thí... cho đến nói rộng. Người kia ở thời khác vì nghe pháp bất chánh làm nhân duyên, nên phát khởi tác ý phi lý về chánh kiến thế gian. Lúc chánh kiến sắp muốn diệt, tuy tất cả thấy đều chưa diệt được mà kham năng diệt. Lại sở tri tà kiến phỉ báng lúc sắp muốn sanh, tuy chưa đã sanh mà kham năng sanh. Người kia ở trong khoảng ấy vì lắng nghe chánh pháp làm nhân duyên, bèn trở lại phát sanh như lý tác ý. Vì tà kiến phỉ báng kia sắp muốn sanh mà không hiện hành, nên gọi là đoạn. Nhưng chánh kiến đây do trước đã thành tựu, nên không gọi là sanh.

Tướng bổ-đặc-già-la thứ hai không thành tựu chánh kiến và dụng tà kiến. Vì lắng nghe chánh pháp, như lý tác ý làm nhân duyên, bấy giờ người kia liền phát sanh chánh kiến thế gian. Người kia ở nơi tà kiến không được gọi là đoạn, vì trước không thành tựu việc đây.

Tướng bổ-đặc-già-la thứ ba đã thành tựu tà kiến, được lắng nghe chánh pháp, như lý tác ý làm nhân duyên, nên đoạn diệt tà kiến, sanh khởi chánh kiến.

- Sao gọi là nên biết 3 tướng của bổ-đặc-già-la thứ hai? Ở nơi Phật... đã đắc chứng tịnh. Trước ở nơi Phật kia hiện khởi tất cả đều vô trí, nên khi ở nơi các đế đắc hiện quán, vì trước đã đoạn tận nên nay không gọi là đoạn. Vì ở nơi Phật... chứng tịnh đồng hành minh hiện tiền, gọi là sanh. Tức dùng đạo học đoạn trừ phẩm vô minh tu sở đoạn sót thừa, mà đối với minh đây không được gọi là sanh khởi, vì đạo đây đồng với chủng loại trước. Đạo vô học của kia sắp hiện tại tiền, tu đoạn trừ vô minh... khiến chúng thấy đều diệt tận. Lại năng sanh khởi các minh vô học.

- Sao gọi là nên biết 3 tướng của bổ-đặc-già-la thứ ba? Đó là lắng nghe chánh pháp tương ưng vô ngã. Ban đầu chỉ do nghe nên phát sanh tin hiểu mà chưa ngộ nhập. Vì người kia ở nơi vô ngã sanh tin hiểu nên năng đoạn ngã kiến, nhưng vì chưa ngộ nhập nên không được gọi là sanh vô ngã kiến. Lúc như pháp đã được nghe, lại năng như lý chánh

tư duy, vì ở nơi lý vô ngã năng ngộ nhập, liền được gọi là sanh vô ngã kiến. Nhưng ở nơi tùy miên kia vẫn chưa năng đoạn. Từ đây về sau, do lực tu đạo chứng hiện quán đế, mới năng đoạn hẳn tùy miên, phát sanh vô lậu.



Quyển 90

Thứ 2. NHIẾP TRẠCH SỰ XỬ KHẾ KINH

Phần 2

Lại nữa, Ôt-Đà-Nam nói:

*Năm hai và mười ba
Sau cùng là bốn nghiệp.*

Có 2 chủng nghiệp: 1. Nghiệp nặng; 2. Nghiệp nhẹ.

Lại có 2 nghiệp: 1. Nghiệp tăng trưởng; 2. Nghiệp không tăng trưởng.

Lại có 2 nghiệp: 1. Nghiệp do cố tư duy mà tạo; 2. Nghiệp không cố tư duy mà tạo.

Lại có 2 nghiệp: 1. Nghiệp quyết định thọ; 2. Nghiệp bất định thọ.

Lại có 2 nghiệp: 1. Nghiệp dị thực đã chín mùi; 2. Nghiệp dị thực chưa chín mùi.

Lại có 3 chủng nghiệp: 1. Nghiệp thiện; 2. Nghiệp bất thiện; 3. Nghiệp vô ký.

Lại có 3 nghiệp: 1. Nghiệp thuận thọ lạc; 2.

Nghiệp thuận thọ khổ; 3. Nghiệp thuận thọ không khổ không lạc.

Lại có 3 nghiệp: 1. Nghiệp thuận thọ hiện pháp; 2. Nghiệp thuận thọ sanh; 3. Nghiệp thuận thọ về sau.

Lại có 3 nghiệp: 1. Nghiệp học; 2. Nghiệp vô học; 3. Nghiệp phi học phi vô học.

Lại có 3 nghiệp: 1. Nghiệp kiến sở đoạn; 2. Nghiệp tu sở đoạn; 3. Nghiệp không đoạn.

Lại có 3 nghiệp: ba nghiệp quanh co, đó là thân quanh co...

Lại có 3 nghiệp: ba nghiệp ướ, đó là thân ướ...

Lại có 3 nghiệp: ba nghiệp trước, đó là thân trước...

Lại có 3 nghiệp: ba nghiệp thanh tịnh, đó là thân thanh tịnh...

Lại có 3 nghiệp: ba nghiệp tĩnh lặng, đó là thân tĩnh lặng...

Lại có 4 chủng nghiệp: 1. Nghiệp hắc dị thực hắc; 2. Nghiệp bạch dị thực bạch; 3. Nghiệp hắc bạch dị thực hắc bạch; 4. Nghiệp không có dị thực, không phải hắc, không phải bạch, năng tận các nghiệp.

Nên biết trong đây do 3 chủng nhân duyên khiến nghiệp thành nặng:

1. Do ý vui: Do triền... mạnh mẽ gây ra, thấy người đồng pháp phát sanh hoan hỷ. Đối với người hành tùy pháp, nhiều tùy tâm tư, nhiều tùy tứ sát, lại không sanh hoan hỷ. Như vậy gọi là do ý vui khiến nghiệp thành nặng.

2. Do gia hạnh: Ở nơi nghiệp kia gây tạo không gián đoạn, gây tạo sâu dày, trường thời tích tập. Lại ở việc đây mà khuyến khích người khiến làm, lúc người làm theo thì khen ngợi tán thán. Như vậy gọi là do gia hạnh nên khiến nghiệp thành nặng.

3. Do ruộng: Các hữu tình đối với mình có ân, hoặc an trụ chánh hạnh và quả chánh hạnh, mà đối với những vị kia phát khởi tà cho là làm thiện làm ác. Nên biết nghiệp đây gọi là nặng.

Nghiệp nhẹ: nên biết trái với tướng trên.

Nghiệp không tăng trưởng: hoặc nghiệp có hành động gây tạo không hiển rõ ràng, hoặc do làm trong mộng, hoặc do ẩn che không ghi nhớ mà làm, hoặc do làm bất thiện nhưng sau lại hối hận nhiếp thọ đối trị. Lại ở nơi tất cả các nghiệp thanh

tình tương tục. Như vậy đều gọi là nghiệp không tăng trưởng.

Nghiệp tăng trưởng: là nghiệp trái với tướng trên.

Nghiệp do cố tư duy mà tạo: tức là trước đã suy lường, đã tùy xem soi suy nghĩ, đã tùy quán xét rồi mới có tạo tác, kia hoặc thác loạn, hoặc không thác loạn. Nếu kẻ kia thác loạn, tức là đối với người khác suy nghĩ muốn sát hại, hoặc muốn trộm cướp, hoặc muốn chia rẽ, hoặc muốn vọng ngữ và khi dối... Suy nghĩ như vậy rồi, tức dùng tướng đây thực hiện được từng việc riêng khác. Nên biết trong đây do ý vui nên thuyết là nặng, chẳng do sự mà thuyết là nặng. Nên biết tướng không thác loạn thì trái với tướng trên.

Nghiệp không cố tư duy mà tạo: là nghiệp trái với tướng trên.

Nghiệp quyết định thọ: là nghiệp do cố ý tư duy mà làm, thuộc loại nặng.

Nghiệp bất định thọ: cũng là nghiệp do cố tư duy mà làm, nhưng thuộc loại nhẹ.

Nghiệp dị thực đã chín muồi: là nghiệp đã cho quả.

Nghiệp dị thực chưa chín muồi: là nghiệp chưa cho quả.

Nếu lúc muốn chứng A-la-hán mà trước đã gây tạo nghiệp quyết định thọ, do quả dị thực hiện tại tiền nên năng làm chướng ngại, không phải do thân tương tục đuổi theo. Vì có sao? Bởi lẽ chỉ do nghiệp sanh không quân bình so với thân sở y mà năng làm chướng ngại, khiến không thể đắc quả A-la-hán. Nếu ở nơi không thọ sanh mà thọ hậu hữu, thì đối với sở chứng đắc quả A-la-hán không thể làm chướng ngại. Nhưng vị kia lại là nghiệp quyết định thọ. Vì có sao? Do tức nương phiền não trợ bạn kia và tức nương các hành tương tục kia mới thi thiết nghiệp đây là quyết định thọ.

Nghiệp thiện: do 2 nhân duyên mà được kiến lập: 1. Do nắm giữ quả ái; 2. Do ở nơi cảnh sở duyên như thật biết khắp và quả kia.

Nghiệp bất thiện: do 2 nhân duyên mà được kiến lập: 1. Do nắm giữ quả phi ái; 2. Do ở nơi cảnh sở duyên tà chấp trước.

Nghiệp vô ký: là nghiệp được kiến lập do ở nơi hai chủng hành tướng thiện và bất thiện, không thể ký nên kiến lập kia.

Nghiệp thuận thọ lạc: là sở hữu nghiệp thiện hệ buộc sơ, nhị, tam tĩnh lự địa và hệ buộc Dục giới. Hoặc nghiệp trước làm nhân chiêu cảm thọ lạc, nên biết nghiệp đây cũng được gọi là nghiệp thuận thọ lạc.

Nghiệp thuận thọ khổ: là các nghiệp năng chiêu cảm sanh trong đường ác, sanh trong bàng sanh và ngạ quỷ.

Nghiệp thuận thọ không khổ không lạc: là các nghiệp từ Đệ tứ tĩnh lự và các địa trên.

Chỉ trừ địa ngục, ở các xứ còn lại nên biết đều được gọi là tạp thọ khổ lạc, tức do nghiệp kia lự tăng thượng, khiến thân nương tạp trụ khổ lạc đây mà chúng không trở ngại nhau.

Nghiệp thuận thọ hiện pháp: do tướng trạng ý vui như thế tạo tác các nghiệp, hoặc do tướng trạng gia hạnh như thế tạo tác các nghiệp, đó là gia hạnh sự, gia hạnh thân và gia hạnh ngữ; hoặc do tướng trạng ruộng lành như thế tạo tác các nghiệp, nên trong hiện pháp dị thực chín muối. Như vậy gọi là nghiệp thuận thọ hiện pháp.

Nghiệp thuận thọ sanh: nếu nghiệp gây tạo ở trong hiện pháp dị thực mà chưa chín muối, ở

trong sanh đời kế sē sanh dị thực, gọi là nghiệp thuận thọ sanh.

Nghiệp thuận thọ về sau: nếu nghiệp gây tạo hiện pháp, đời kế sanh dị thực mà chưa chín muồi, từ đây về sau dị thực mới chín muồi. Nên biết đây gọi là nghiệp thuận thọ về sau.

Nghiệp hữu học: các Thánh đệ tử tùy từng giai đoạn mà nương tăng thượng giới, nương tăng thượng tâm, nương tăng thượng tuệ tu học vô lậu và đây về sau đắc nghiệp thiện hữu lậu, gọi là nghiệp hữu học.

Nghiệp vô học: ở trong thân tương tục của tất cả A-la-hán... tùy ứng các nghiệp.

Nghiệp phi học phi vô học: ngoại trừ nghiệp hữu học, nghiệp vô học, các nghiệp còn lại.

Nghiệp kiến sở đoạn: là các nghiệp hoặc tương ưng phiền não kiến sở đoạn, hoặc do đây dẫn phát tư duy tất cả nghiệp năng đến các đường ác.

Nghiệp tu sở đoạn: là các nghiệp hoặc tương ưng phiền não tu sở đoạn, hoặc do đây dẫn phát tư duy.

Nghiệp không đoạn: tất cả nghiệp của hữu học, vô học xuất thế gian.

Nên biết trong đây ở hiện pháp do 3 chủng tướng tư duy rồi gây tạo các nghiệp bất thiện đã làm khiến tăng trưởng, nhưng trở lại đoạn trừ. Những gì là ba? 1. Vì đoạn hiện pháp; 2. Vì đoạn sanh; 3. Vì đoạn sau.

- Đoạn hiện pháp: Như có người ở trong hiện pháp cố suy nghĩ gây tạo nghiệp, đã làm cũng; khiến tăng trưởng rồi, bèn lại chán lìa. Tức là ở nơi sự việc, làm rồi, thọ rồi, từ đó sanh chán lìa. Đây là dị sanh chưa đắc ly dục, trụ đây mà mạng chung, nên chưa có thể khiến ở đời sanh kế tiếp không gây tạo nghiệp kia, không thọ dị thực; cũng chưa thể khiến ở thân sau không có việc đây; ở trong hiện pháp cũng chưa một hướng năng khiến không gây tạo nghiệp đây.

- Đoạn sanh: Lại có người đã thọ chán lìa, tuy là dị sanh mà ở Dục giới đã đắc ly dục, an trụ như thế mà mạng chung. Kia ở hiện pháp bèn không tạo tác, ở đời sanh kế tiếp (vị sanh) còn không thọ dị thực, hướng lại sanh rồi sẽ tiếp tục gây tạo. Nhưng chưa giải thoát, nên ở các đời sau (vị sau) tạo tác nghiệp và thọ dị thực.

- Đoạn sau: Lại có người tuy là hữu học mà ở

Dục giới chưa đắc ly dục. Ban đầu đã thành tựu thọ chán lìa rồi, hoặc lại chứng quả thứ hai của Samôn, kia khởi nghĩ đây: “Vì ta sở hữu nhiều thô trọng, nhiều nhiệt não, chỉ nên vất bỏ, nhằm chán các nghiệp ác mà thân đã gây tạo, nguyện ở hiện pháp đều thọ tất cả”. Hoặc: “Chỗ có nghiệp hiện pháp thọ hoặc khổ hoặc lạc của ta đều nguyện đồng thời mà thọ, đừng khiến ta sẽ ở vị sanh sau hoặc ở vị sau nữa mà thọ dị thực kia”. Chánh tâm phát thệ nguyện như vậy rồi, vì đoạn kia lại thêm tu bốn vô lượng, dùng phẩm định Xa-ma-tha nhiếp lấy việc phát khởi chánh gia hạnh. Thực hành như vậy muốn khiến nhân duyên năng khởi nghiệp kia rất ráo tận và tiến đến ly dục ái. Nên biết trong đây hoặc do ý vui sân, hoặc do ý vui hại, hoặc do tánh tật đố, hoặc do sanh sâu đắm trước ở nơi việc khả ái, do đây làm nhân nên ở nơi các hữu tình mà phát khởi tà hạnh, tức dụng thân ngữ ý khởi vô số việc xấu ác thuộc nghiệp ác. Nếu muốn đối trị bốn chủng nhân duyên năng sanh khởi ác nghiệp như vậy, tu bốn vô lượng thắng tam-ma-địa. Vị kia cho đến đối với thiếu nam, thiếu nữ không chỗ dung chứa, không khiến tạm phát khởi các nghiệp tư

duy ác. Vì kia tu gia hạnh như vậy, năng tận sở hữu nhân duyên nghiệp ác. Nên biết chân chánh tu tập gia hạnh như vậy, nên 2 nhân duyên ở nơi tạo tác và tăng trưởng tất cả nghiệp ác đều năng hàng phục, đó là do tu tập định vô lượng. Vì cố sao? Chỗ gây tạo nghiệp ác đây chỉ đối với cảnh giới hữu tình có lượng mà phát khởi ý thích không làm nhiều ích. Sự tu tập vô lượng đây, bèn đối với cảnh giới hữu tình vô lượng mà phát khởi ý lạc làm việc nhiều ích.

Lại nếu tâm năng phát khởi nghiệp bất thiện nhiếp thuộc cảnh giới thấp kém là sở đối trị, thì việc tu tâm đồng hành vô lượng nhiếp thuộc cảnh giới thắng diệu là năng đối trị.

Lại tâm thù thắng hơn vì việc gây tạo nghiệp đều từ tâm lưu xuất, nên nói: “Gom hết thế gian thấy đều là tâm loạn, vì hệ thuộc tâm, vì nương tâm chuyển”. Người hành như vậy trước phát chánh nguyện làm chỗ nương, sau khéo tu tập vô lượng tâm định, lúc ở giai đoạn tiến đến ly dục ái, liền năng thành tựu trụ quả Bất hoàn. Nếu chỉ ở đây tạm sanh vui đủ, trong hiện pháp không cầu thắng tiến, thì vị kia ở trong hiện pháp còn không tạo

ngiệp, hưởng ở vị sanh, hoặc ở vị sau. Lại quyết định chẳng thể sē thọ vị sanh, vị sau dị thực.

Nghiệp quanh co: là chỗ có tất cả nghiệp thiện, bất thiện của những kẻ ngoại chánh pháp rơi trong tà kiến, những kẻ hành tà đạo, do tà kiến phát khởi, do lực tà kiến tăng thượng phát sanh.

Nghiệp ược: các nghiệp phát khởi do tham sân mãnh lợi.

Nghiệp trước: là các nghiệp phát khởi do ngu si như kẻ si mãnh lợi, kẻ độn căn phẩm thượng, kẻ quên mất nhớ nghĩ, kẻ cực ám độn.

Nghiệp tịnh: là tất cả diệu hành năng đến đường thiện.

Nghiệp tinh lặng: là tất cả diệu hành năng đến Niết-bàn.

Nghiệp hắc dị thực hắc: là nghiệp ác năng cảm mỗi mỗi cõi địa ngục riêng khác.

Nghiệp bạch dị thực bạch: là nghiệp thiện năng cảm đường thiện, mỗi mỗi cõi trời riêng khác.

Nghiệp hắc bạch dị thực hắc bạch: là các nghiệp năng cảm các xứ còn lại. Ở xứ đây có hai nghiệp quả hiện tiền khả đắc, nên thuyết chung là một nghiệp.

Nghiệp không dị thực, không hắc không bạch, năng tận các nghiệp: là các nghiệp vô lậu xuất thế gian. Hoặc nghiệp đã tận, vì khiến các nghiệp chưa sanh sẽ chẳng sanh; hoặc nghiệp sẽ tận, vì khiến các nghiệp đã sanh lìa hệ buộc, hai chủng gọi chung là năng tận các nghiệp. Nếu đem so trong phạm vi nhân quả dị thực khả ái, thì nói là không bạch. Nên biết mỗi xứ của cõi trời chỉ có một hướng bạch, đó là vượt qua cõi trời Tha hóa tự tại. Ở trong Dục giới có chỗ Ma vương đóng đô, cung điện chúng ma và Phạm thế, cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ, sở hữu nghiệp thiện thuyết chung là một. Do các xứ sở kia mắt thấy sắc cho đến ý biết pháp một hướng khả ái, vì nghĩa thù thắng tương tục tăng thượng, vì nghĩa môn ý dẫn phát ý mà thành tựu. Riêng xứ sở địa ngục có bốn: 1. Đại địa ngục; 2. Độc nhất địa ngục; 3. Hàn địa ngục; 4. Cận biên địa ngục.

Ở các xứ sở đây, hoặc có cõi chỉ riêng thuận thọ các quả dị thực của nghiệp thuận thọ lạc, hoặc có cõi chỉ riêng thuận thọ các quả dị thực của nghiệp thuận thọ khổ, cho nên thuyết là mỗi mỗi xứ sở riêng khác.

Lại ở cung ma, ở Sơ tĩnh lự và Đệ nhị tĩnh lự chỉ thuần thọ duyệt lạc. Nếu ở Đệ tam tĩnh lự trở lên thuần thọ hỷ lạc. Nói hỷ lạc tức là khiến tâm điều nhu, khiến tâm an ổn thích duyệt. Cùng tương tợ hỷ nên gọi là hỷ, chẳng phải thọ hỷ. Cùng tương tợ lạc nên gọi là lạc, chẳng phải thọ lạc. Chỗ hằng lãnh thọ môn sáu xúc xứ, nên biết tức kia gọi là sáu xúc xứ, và nghĩa đạo lý nhân quả phụ thuộc lẫn nhau ở mỗi xứ sở đều riêng khác.

Lại nữa, Ôt-Đà-Nam nói:

Vô trí, trí cùng định

Thù thắng, chương, học thầy

Trước, vô ngã, thánh đạo

Hai biển không đồng phận.

Hoặc các tà kiến, hoặc các ngã kiến, hoặc tức vô minh nương trước đã thuyết, vì ba chúng hữu tình vô trí làm gốc mà được sanh khởi. Nếu năng đoạn căn bản vô nghĩa đây, một pháp trong tất cả chúng năng khởi tất cả tạp nhiễm, nên biết kẻ kia năng chân chánh ký chỗ hiểu biết. Trong đây chỗ khởi tạp nhiễm thứ nhất tổn giảm đối với sự thật có, tạp nhiễm thứ hai tăng ích đối với sự hư vọng

không thật, tạp nhiễm thứ ba ở sự việc như thật hiển rõ phương tiện năng tạo tác ngu si. Vì ở hai nhân kia có ngu si, nên hoặc khởi tăng ích, hoặc khởi tổn giảm.

Lại nữa, có 2 chủng như thật trí: 1. Nương tác ý như lý dẫn phát; 2. Nương tam-ma-địa dẫn phát.

1. Nương tác ý như lý dẫn phát: Vì lực lắng nghe chánh pháp tăng thượng, nên thành tựu tác ý do chân chánh văn, tư. Như thật rõ biết ở nơi năm chủng phần vị thọ chuyển biến phát khởi quá hoạn. Lại tức ở nơi phần vị chuyển biến đây như lý tư duy, gọi là bất định địa. Lấy như thật chánh trí đây làm chỗ nương mà năng theo đó nhập vào tu tập.

Sao gọi là phần vị chuyển biến phát khởi quá hoạn? Tức là các vị khổ lạc tánh vô thường. Trong phần vị khổ có tự tánh của tánh khổ. Trong phần vị lạc có tánh pháp biến hoại.

Sao gọi là phần vị chuyển biến? Phần vị lạc và phần vị khổ có tánh riêng khác. Nếu phần vị khổ và phần vị lạc có tánh riêng khác, như vậy nên biết tất cả phần vị triển chuyển riêng khác. Ở nơi riêng khác đây, như thật quán thấy ở nơi phần

vị đây trụ tướng vô thường. Như thật quán thấy quá hoạn riêng khác, rõ biết sở hữu thọ đều là khổ rồi, trụ tướng khổ. Có tướng như vậy, có kiến như vậy năng chứng thanh tịnh, nên cũng được gọi là như thật trí.

2. Do nương định dẫn phát như thật trí: Tức là lúc nương hành tướng kia chuyển, khinh an nhiếp lấy thanh tịnh không bị nhiễu loạn, tịch tĩnh mà chuyển. Nên biết hành đây cùng với trước có sự sai biệt.

Lại tánh vô thường chính là cộng tướng của tất cả hành. Tánh khổ là cộng tướng của tất cả pháp hữu lậu. Vì hai chủng như thật trí đây làm chỗ nương, nên biết năng chánh hiển rõ như thật hai tướng của pháp kia.

Lại nữa, người trụ nội pháp chưa đắc tâm định so với tâm định của ngoại đạo còn có sự sai biệt, do trí thắng vượt hơn, huống là người đắc tâm định. Vì cơ sao? Các ngoại đạo kia tuy đắc tâm định cho đến cực xa chứng đắc Phi tướng phi phi tướng định, nhưng do chưa thể như thật rõ biết ở nơi sáu xúc xứ dụng năm chuyển khiến tâm chân chánh ly dục chứng đắc giải thoát. Cho nên ngoại đạo kia so với

người ở nơi chánh pháp luật đây có sự sai biệt lớn như tướng đất so với hư không. Người trụ nội pháp tuy chưa đắc định, chỉ do tịnh tín lắng nghe thắng giải vô ngã, liền năng chứng đắc tam-ma-địa, nơi sáu xúc xứ năng đoạn năng biết, tâm đắc ly dục và chứng giải thoát. Cho nên, nên biết đối với chánh pháp luật, ngoại đạo kia bị hoại mất, người trụ nội pháp đây không bị hoại mất, chỉ có lúc thắng giải chân chánh tương tục chuyển, nơi sáu cảnh giới nương sáu căn lược có năm chủng diệu hành tịch tĩnh. Tức là vì đối với kia thấy sâu lỗi lầm tai họa, gọi là khéo điều phục. Vì ở trong các cảnh giới không nên phục tùng thì không phục tùng, gọi là khéo giàu sang. Vì ở trong các cảnh giới nên phục tùng thì phục tùng, hoặc ở trong các cảnh thượng giới bỗng nhiên hiện tiền thì khéo an trụ niệm, gọi là khéo thủ. Vì ở nơi tất cả phiền não đều năng đoạn trừ, gọi là khéo hộ. Vì đã khéo tu tập đạo viên mãn, gọi là khéo tu.

Lại nữa, ở nơi hai xứ Như Lai chứng đắc an lập trí, năng chánh hiển thuyết “vượt các khổ lạc”, chẳng thể không chứng đắc mà năng an lập thắng trí. Ở trong ấy nếu có người khởi hiểu như vậy:

“Đại Sa-môn Kiều-Đáp-Ma đây không biết không hiểu. Nơi các thế gian chỉ một hướng an vui, lại tuyên thuyết pháp yếu cho đệ tử rằng an vui đây xen tạp các khổ, xen tạp nương dựa các thế gian, khiến họ sanh sâu sợ hãi, muốn vượt thoát khổ vui”. Nên biết hiểu đây là tà tưởng, là tà phân biệt, là đại tà kiến. Vì Như Lai khéo biết thế gian hoặc một hướng lạc, hoặc một hướng khổ, hoặc xen tạp khổ lạc, nhưng tất cả kia đều là vô thường. Cho nên vì khiến các chúng đệ tử vượt qua tất cả thế gian vô thường, vượt qua khổ vui, nên thuyết chánh pháp yếu. Do 3 chủng tương ưng mà chánh rõ biết các sự khả ý, tức là các sự khả ái đời vị lai gọi là sở truy cầu, hoặc các sự khả ái đời quá khứ gọi là sở tâm tư, hoặc bên ngoài cảnh khả ái đời hiện tại gọi là sở thọ dụng, hoặc bên trong lãnh thọ khả ái đời hiện tại gọi là sở đắm trước. Nên biết trong đây rơi vào ba đời vị lai, quá khứ, hiện tại có 4 hành tướng. Ở nơi hành tướng đây năng theo đó nhập vào là tướng duyệt ý, tướng ý sở lạc, tướng sắc khả ái, tướng sắc bình an. Như chỗ thích hợp nên biết tức là 4 chủng hành tướng khả hân, khả lạc, khả ái, khả ý.

Lại nữa, người siêng tu định lược có 2 môn, 2 thời, 2 địa, chỗ có các dục năng làm chướng ngại đối với sự dẫn phát 3 chủng đẳng trì. Vì muốn đoạn trừ chướng ngại như vậy, chánh siêng tu tập 5 chủng đối trị. Trong đây nên biết người ở chốn viễn ly, đối với các dục đã từng thọ dụng ở quá khứ, do môn tầm tư khiến tâm trôi nổi tản mạn. Lại người hiện tại sống ở cư gia, chỗ có lợi dưỡng cung kính đồng hành các dục, do môn tầm tư khiến tâm tán loạn. Trong đây vào lúc hành, chỗ có các dục đồng hành lợi dưỡng cung kính khiến tâm trôi nổi tản mạn. Vào lúc trụ, chỗ có các dục đã từng thọ dụng ở tại cư gia khiến tâm tán loạn. Như vậy, các dục đây năng làm chướng ngại ở dị sanh địa, cũng làm chướng ngại ở hữu học địa.

Lại ở vị dị sanh năng làm chướng ngại trong việc tu tập vô lượng đồng hành đẳng trì. Ở vị hữu học năng làm chướng ngại trong việc năng khéo thông đạt sự nhất thiết trí đẳng trì rộng lớn. Ở vị vô học năng làm chướng ngại trong việc cực khéo tu tập rốt ráo đẳng trì. Nên biết chỗ sanh khởi của tất cả đẳng trì như vậy đều cùng hỷ đồng hành. Trong đây môn thứ nhất, vì ý vui làm lợi ích an lạc

cho các hữu tình cùng hỷ đồng hành. Môn thứ hai, vì lãnh thọ hỷ của hữu học giải thoát cùng hỷ đồng hành. Môn thứ ba, vì lãnh thọ hỷ của vô học giải thoát cùng hỷ đồng hành. Kia do nhãn nhận biết sắc... sở duyên riêng biệt, nên lại có sáu chủng. Lại vì đẳng trì đầy đủ các tướng, gọi là viên mãn. Lại đẳng trì đầy rớt ráo ngần mé, đó là hoặc năng hướng đến ly dục thế gian, hoặc năng hướng đến ly dục xuất thế gian. Quá đây lại không đẳng trì nào khác năng hướng đến thanh tịnh khả đắc, cho nên nói đây không có khuyết giảm. Nếu có người muốn nhanh chóng chứng quả Sa-môn, đối với thân mạng.. không lòng luyến tiếc, hằng thường gia hạnh không gián đoạn, gia hạnh ân trọng, tinh tấn mãnh liệt; ở trong các dục rõ biết tự tướng, nên giữ gìn chánh niệm bền chắc; rõ biết quá hoạn, nên không các sự mong cầu, chánh biết hiện tiền. Vì lấy chánh niệm, chánh trí làm chỗ nương, nên phương tiện siêng tu bốn chủng không phóng dật, đó là phần ban ngày hoặc đi hoặc ngồi, nơi các pháp chương tịnh tu trong lòng, cho đến nói rộng. Như vậy phát khởi đồng mãnh tinh tiến, nơi sở chứng đây không chỗ khiếp sợ yếu hèn.

Do 9 chủng tướng khiến trong tâm an trụ, nhất hướng tu tập Xa-ma-tha định nên thân được khinh an. Vì không hết thấy ái vị nên không hết thấy nhiễm ô, không bị sự nhiễu loạn của hai tùy phiền não hôn trầm và thù miên. Vì nhất hướng lấy niệm trụ làm chỗ nương, tinh tấn tu tập Tỳ-bát-xá-na, kiên cố giữ gìn chánh niệm, xa lìa trạo cử và tùy phiền não, nên không có ngu si. Đã nhập đạo Chỉ Quán song vận chuyển, nơi tâm chánh định, tức ở nơi hai phần đây hành theo một cảnh. Vì đoạn chương kia nên tu tập năm chủng đối trị như vậy làm chỗ nương, nên năng ở nơi chương kia biết khắp vĩnh viễn đoạn trừ. Ở nơi ba đẳng trì nương sáu sự cảnh, chỗ có năng dẫn hỷ sai biệt đồng hành định viên mãn.

Do 2 nhân duyên chư Phật Thế Tôn vì các đệ tử tuyên thuyết tự mình năng dẫn đạo pháp: 1. Ở nơi quá thất của phẩm hắc, khiến sanh hiểu biết; 2. Ở nơi công đức của phẩm bạch, khiến sanh hiểu biết.

Lại nữa, ở trong chánh pháp Tỳ-nại-da đây lược có 2 chủng bổ-đặc-già-la: 1. Đã đắc ý; 2. Chưa đắc ý.

Người đã đắc ý lại có 2 chủng: 1. Đã kiến đế, đã đắc ý tâm giải thoát hữu học; 2. A-la-hán, đã đắc ý tâm giải thoát vô học.

Người chưa đắc ý tức là hàng hữu học dị sanh mới bắt đầu sự nghiệp tu tập ở nơi ba học. Kia hoàn toàn chưa đắc tất cả hai chủng ý tâm giải thoát, cho nên mong cầu thể dị sanh về sau hữu dư y diệt và tự thể về sau vô dư y diệt, lúc Niết-bàn giới, nên ở trong ba học an trụ nhiều tu học.

Nếu hàng vô học tuy đã chứng đắc ý tâm giải thoát, nhưng lúc mất chánh niệm, hành buông lung liền bị thối lui hiện pháp lạc trú. Tuy vị kia ở nơi hiện pháp lạc trú đây hoặc thối lui hoặc không thối lui, nhưng không kham năng thối mất giải thoát.

Nếu có người tu hành không phóng dật, tất cả đều vì chứng đắc giải thoát. Nhưng đã chứng đắc giải thoát thì không thối mất, vậy tu không phóng dật có tác dụng gì? Nếu vì chứng đắc hiện pháp lạc trú, siêng thực hành dụng công như tạo làm nghề nghiệp công xảo, không phóng dật là lẽ cần thiết tất nhiên. Nếu các bậc hữu học trước đã chứng đắc ý tâm giải thoát, vị kia cũng quyết định tiến đến

ba Bồ-đề; nơi sự tu đạo, không do duyên khác mà tự nhiên năng tu hành không phóng dật, vì trong hiện pháp còn chưa dừng nghỉ phóng dật một cách rốt ráo. Nếu có người chưa đắc tất cả ý, kia lẽ quyết định tu không phóng dật.

Lại do 3 tướng biện biệt việc nên làm: 1. Vì huân tập thành tựu các căn, nên tư lương viên mãn; 2. Do tập quen gần gũi tùy thuận như pháp các ngoại cụ, nên tâm được an trụ; 3. Do các nhân duyên thân cận y chỉ bậc thiện sĩ, lắng nghe chánh pháp, như lý tác ý, cho đến thành tựu 2 tâm giải thoát.

Lại tức ở đây, lúc sự thực hành không phóng dật chuyển, do 2 chủng tướng nên biết ở nơi sáu xứ tịch diệt kia có tăng thượng mạn, không tăng thượng mạn. Đó là ở nơi chưa diệt, khởi tà phân biệt vọng chấp là diệt. Do sở duyên và ở nơi chưa đắc, khởi tà phân biệt hư vọng kế chấp là đắc. Kia tuy khởi tà phân biệt “diệt giải thoát” như vậy, mà chưa năng khiến thân hoại về sau, thọ mạng vĩnh viễn tận, sáu xứ vĩnh viễn diệt, cũng không thể lia các cảnh giới tướng.

Lại kể kia ở nơi sáu xứ tịch diệt, hoặc duyên

hoặc chúng, vì lãnh thọ tà nên có sự việc như vậy. Hai chủng tướng đây nên biết gọi là có tăng thượng mạn. Trái với tướng đây nên biết gọi là không tăng thượng mạn.

Lại nữa, người trụ nội pháp đối với 2 chủng “đắm trước” phải nên rõ biết là 2 chủng quá hoạn, đó là vì các dị sanh ở hai duyên thức và thọ năng y không thể rõ biết là tánh vô ngã. Người chưa ly dục duyên nơi nghiệp lợi dưỡng cung kính tăng thượng mà khởi các thọ, nên có đắm trước thứ nhất. Người đã ly dục duyên nơi lìa các dục sanh khởi các thọ, có đắm trước thứ hai. Đắm trước đây làm nhân khiến đương lai sanh khởi, gọi là sanh. Lại, các ngoại đạo do chấp thủ đắm trước nên sanh các hệ phược, vì hệ phược sanh nên năng sanh tất cả pháp ác bất thiện. Đây gọi là quá hoạn thứ nhất. Lại do lực đắm trước đây tăng thượng, nên ở nơi chánh pháp Tỳ-nại-da bị chìm mất và đời đương lai sanh khởi các khổ như sanh... sai khác. Ở trong hiện pháp, vì lực tăng thượng đây làm nhân duyên, nên không thể Bát-niết-bàn. Đây gọi là quá hoạn thứ hai. Trái với tướng đây, nên biết tức là phẩm bạch sai biệt.

Lại nữa, do 4 nhân duyên ở nơi pháp vô ngã năng đến rốt ráo. Đó là tất cả pháp đều vô ngã. Vì ngoại trừ tự tánh thức, các nhân duyên thức, các trợ bạn thức, sở hữu còn lại đều chẳng thể đắc. Lại vì tự tánh thức là vô thường. Lại vì nhân duyên đây là vô thường. Lại vì trợ bạn đây là vô thường.

Lại nữa, do pháp tám Thánh đạo chi cùng quả đây hiển phát chánh pháp cùng Tỳ-nại-da, do 5 chủng tướng mà biết pháp tám Thánh đạo chi là tối thắng, không tội: 1. Vì ở hiện pháp khéo phân biệt hoặc có hoặc không có phiền não, gọi là hiện kiến; 2. Vì năng khiến đắc lìa hệ buộc phiền não, gọi là không chày mạnh; 3. Vì trong tất cả mọi lúc, hoặc đi hoặc đứng hoặc ngồi hoặc nằm, đều có thể tu tập, dễ dàng tu tập, gọi là đúng thời; 4. Vì dẫn dắt đến Niết-bàn, gọi là dẫn đạo; 5. Vì chẳng cùng chung với tất cả ngoại đạo, gọi là chỉ kiến đây. Vì xa lìa do người mà tín, hành tướng hân lạc, tâm tư khắp cả; từ văn phát khởi kiến-thẩm-sát-nhãn, duy chỉ tự chứng, gọi là bên trong sở chứng. Đạo và quả của pháp đây cũng có 5 tướng, nên biết đã phân biệt như trong phần *Nhiếp dị môn*.

Lại nữa, biển có 2 chủng: biển nước và biển

sanh tử. Do 3 chủng tướng nên biết biển nước và biển sanh tử chẳng đồng phạm. Những gì là ba?

1. Tự tánh không đồng phạm: Biển nước lớn dụng một phần sắc làm tự tánh, nên có biên bờ, có lượng. Biển lớn sanh tử dụng tất cả hành làm tự tánh, nên không biên bờ, không hạn lượng.

2. Chìm nổi không đồng phạm: Hoặc sở hữu chìm nổi, hoặc do đây chìm nổi, hoặc như vậy chìm nổi đều không đồng phạm.

Trong biển nước lớn, hoặc thú bàng sanh, hoặc cõ người chìm nổi trong ấy. Trong biển lớn sanh tử, cả trời và thế gian cũng thường chìm nổi.

Lại biển nước lớn chỉ có thân bị chìm nổi trong ấy, chẳng do ngũ, chẳng do ý, chẳng do tham, chẳng do sân, chẳng do si, chẳng do pháp sanh khổ... mà khiến chìm nổi trong ấy. Trong đây tuyên thuyết các nghiệp phiền não và quả kia ba phần, như thứ lớp đây mà biết tướng kia. Biển lớn sanh tử cũng do thân, cho đến cũng do sanh khổ... mà chìm nổi trong ấy. Những người xuất gia do hư vọng tầm tư, do hư vọng quán sát, do tự mình khởi các tà phân biệt, phát khởi chủng chủng tầm tư bất chánh, khiến tâm bị nhiễu loạn, hằng thường

chìm nổi nơi biển sanh tử. Lại vì các ngoại đạo khác bị sự ràng buộc trói cột của các phiền não hệ buộc, nên hằng thường chìm nổi nơi biển sanh tử. Những người tại gia bị các khổ phiền não hằng thường bức bách thiêu đốt không gián đoạn mà không biết nhàm chán, nên gọi là chìm nổi. Lại nương theo các nghiệp phiền não, mà qua lại sanh trong các cõi không ngừng, gọi là chìm nổi.

Biển nước lớn đây, tuy rơi vào trong ấy chỉ tạm thời bị suy tổn. Nếu là các thú bàng sanh, chỉ do một phần thế lực nghiệp phiền não mà sanh trong ấy, tạm thời bị chìm nổi mà chẳng phải rốt ráo hoàn toàn. Nên biết đây gọi là chìm nổi không đồng phận.

3. Vượt qua không đồng phận: Tức là trong biển nước lớn, nếu các loại dị sanh chưa ly dục tham vẫn có thể vượt qua, hưởng các loại khác. Biển lớn sanh tử kiến lập ba phần: người chưa ly dục, do năm cảnh khả ái sai biệt; người đã ly dục, do ý nhận biết pháp cảnh khả ái sai khác; các hữu học do nội sáu xứ có sai khác. Các loại dị sanh đối với cảnh giới khả ái của biển lớn chưa thể vượt qua. Các loại dị sanh đã ly dục ở trong sáu xứ mỗi

mỗi riêng khác của biển lớn chưa thể vượt qua. Do kia ở nơi đây chưa thể vượt qua, nên ở hai chủng cảnh giới biển lớn trước cũng chưa vượt qua.

Các bậc hữu học đây ở nơi sáu xứ biết khắp là khổ, tức ở nơi sở duyên mà tu tập chánh đạo. Do vị kia an trụ như vậy, ở hai chủng cảnh giới là chưa ly dục địa và đã ly dục địa, chỗ có tâm ý sở duyên cảnh tướng minh bạch rõ ràng hiện tiền. Lại do tác ý quán sát mãnh lợi, nên ở nơi sở kiến trước thấy đều tùy nhớ nghĩ. Do nhân duyên đây, ở nơi sáu xứ kia nhanh chóng dùng tuệ thông đạt, cũng năng trừ khiển. Lại, vị kia đối với sáu xứ biển lớn nhanh chóng năng vượt qua. Do năng vượt qua nên đối với hai chủng cảnh giới biển lớn trước sẽ rất ráo vượt qua. Và đối với những sự phiền não năng dẫn phát xả bỏ sở học, phiền não năng dẫn phát tầm tư loạn tâm, phiền não năng dẫn phát đấm trước thế gian lợi dưỡng cung kính, phiền não năng dẫn phát tất cả ác hành, thấy đều kham năng vượt qua.

Ốt-Đà-Nam nói:

*Đạo, thầy, không đồng phận
Vương quốc, hai thế gian*

*Hữu vi, ngăn thân hành
Kiên chấp, ba tánh không.*

Lược có 2 chủng đạo không đồng phạm: 1. Tự tánh không đồng phạm; 2. Hành tướng không đồng phạm.

Hoặc hướng đến khổ tập hành, hoặc hướng đến khổ diệt hành. Đây gọi là tự tánh không đồng phạm.

Nên biết tự tánh ban đầu năng hướng đến tạp nhiễm, tự tánh thứ hai năng hướng đến thanh tịnh. Đây gọi là nghĩa không đồng phạm.

Tức hướng đến diệt hành đây, hoặc có hành chuyển do cộng tướng hữu vi, hoặc có hành chuyển do cộng tướng hữu vi vô vi. Đây gọi là hành tướng không đồng phạm. Nên biết trong đây, nếu hành tướng do cộng tướng các hữu vi, kia so với đạo quả gọi là không đồng phạm. Nếu hành tướng do cộng tướng hữu vi vô vi, kia so với đạo quả cũng gọi là đồng phạm. Vì cố sao? Vì đạo quả Niết-bàn thường vô ngã vậy.

Lại nữa, ở nơi nội chánh pháp, lược có 5 chủng “Thầy giả lập cú”, các thầy ngoại đạo đều chẳng

thể chế luận như vậy. Đó là hướng đến các thủ hành; hướng đến các thủ tận hành; hoặc tất cả pháp vĩnh viễn đoạn biến tri, tác biên tế khổ; hoặc ở trong năm tướng thọ kiến lập từng tướng xứ một; không nương bốn tướng hữu thân kiến, lấy đây làm chỗ nương nãi hại bốn chủng hành tướng kiêu mạn.

Nếu mạn làm nhân có ba quá hoạn. Nếu lìa mạn làm nhân có ba thắng lợi. Nên biết trong đây kẻ ôm lòng kiêu mạn tức là tâm thối lui đối với Niết-bàn giới, đây do hãi sợ, gọi là quá hoạn thứ nhất. Ở trong các ác hạnh thường hiện hành cùng các sự tạp nhiễm khả ái, tâm lại hướng đến nhập vào, đây gọi là quá hoạn thứ hai. Vì đối với Niết-bàn giới sanh sâu sợ hãi lực tăng thượng, liền năng phát khởi sanh... sanh tử trọng bệnh ở đương lai. Như do lực hãi sợ tăng thượng, cũng vậy do ở nơi các ác hạnh cùng sự tạp nhiễm khả ái, tâm đây lực thú nhập tăng thượng, nên năng sanh khởi sanh... sanh tử trọng bệnh ở đương lai. Như sanh... bệnh, thì nhân xứ... ung nhọt, tham... tên độc nên biết cũng vậy. Đây gọi là quá hoạn thứ ba. Trái với tướng đây nên biết tức là lìa mạn làm nhân có ba

chúng thắng lợi.

Nếu thuận theo duyên khởi lực tăng thượng, thì ở trong hiện pháp chúng tử hậu hữu hoặc tăng, hoặc giảm. Do đây làm nhân hậu hữu đương lai hoặc sanh, hoặc chẳng sanh. Vì dụng năng nhiếp thọ chúng tử phiền não, hoặc có tập khởi, hoặc diệt chìm, nên như thật kiến lập sở hữu giáo pháp tất cả thế gian và xuất thế gian. Duy chỉ ở trong nội pháp mới có bậc Đại sư vì các đệ tử chân chánh tuyên thuyết “Thầy giả lập cú” chân thật khả đắc, chẳng thể trong các ngoại đạo mà có việc đây.

Lại nữa, ở trong Dục giới, các khí thế gian ví như vương quốc của vua, hữu tình thế gian ví như thần dân, thiên ma ác kia ví như quốc vương.

Lại nữa, có 2 thế gian: 1. Hữu tình thế gian; 2. Khí thế gian. Hữu tình thế gian sát-na sát-na mỗi mỗi nội thân nhậm vận hoại diệt. Khí thế gian đây bị sự hoại diệt của hỏa tai..

Lại nữa, Không có 2 chủng: hữu vi và vô vi. Trong đây, hữu vi là pháp không, vô thường, hằng an trụ lâu dài không biến đổi và ngã, ngã sở. Các vô vi chỉ có không, không có ngã và ngã sở. Lại, tánh Không đây lia các nhân duyên, nhiếp vào

pháp tánh, đạo lý pháp nhĩ làm chỗ nương về. Đây hoặc như vậy, hoặc khác, hoặc chẳng phải, khắp tất cả xứ không gì chẳng đều quy về đạo lý pháp nhĩ.

Lại nữa, Như Lai không bị ngăn ngại, năng đắc tất cả ngần mé thế gian, chỉ ngăn chặn thân hành đi đến đắc ngần mé thế gian. Phải biết đây nương đạo lý thắng nghĩa. Vì có sao? Đắc thế gian đây gồm đắc phương tiện ngần mé thế gian và ngần mé đời. Đó là ở nơi phương hướng, nơi chốn có tướng “thế gian” giả danh thi thiết lực tăng thượng, tức thế gian đây do hoặc tướng, hoặc trí lực tăng thượng mà gọi là có thế gian. Do hoặc tướng, hoặc trí lực tăng thượng đây, ở các thế gian rộng khởi ngôn thuyết; do hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc hiểu, hoặc biết lực tăng thượng đây, ở nơi sáu xúc xứ do năm chuyển nên khởi như thật trí, gọi là đắc phương tiện ngần mé thế gian. Vì nhân các hành vị lai vĩnh viễn tận mà gọi là năng đến ngần mé thế gian. Vì ở nơi nhân quả đời như thật biết, gọi là thế gian giải. Vì năng chánh nhậm trì tối hậu thân, gọi là khéo vận chuyển ngần mé thế gian. Vì ở trong hiện pháp tất cả cảnh giới ái vĩnh

viễn tận, vì hằng trụ đầy đủ, gọi là bậc năng vượt qua ái thế gian. Do các hành tướng đã thuyết như vậy, nên gọi là đắc gần mé thế gian.

Lại nữa, những người xuất gia không ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, lúc có một tâm tư ác bất thiện chưa sanh mà sanh, tức một hướng năng làm chướng ngại phạm hạnh; lúc kia đã sanh, lại chấp kiên cố chẳng xả. Trong đây không hành là thù thắng hơn cả. Giả sử có hành, thì không nên chấp kiên cố. Đã ở trong tương tục thì không được lầy đó làm chỗ nương tựa cư trú. Vì cố sao? Vì sát-na tạp nhiễm thì không thể làm khuynh động việc tu phạm hạnh, chính yếu là do sự tương tục mới năng khiến khuynh động.

Lại nữa, nên biết có 2 chủng trụ Không: 1. Trụ Không tôn thắng; 2. Dẫn trụ Không kia.

Trụ Không tôn thắng: Các A-la-hán trụ quán vô ngã, như vậy gọi là trụ Không tôn thắng. Do pháp nhĩ tôn thắng của A-la-hán là trụ quán vô ngã, nên trong các trụ, đây thật là tôn quý hơn cả. Như vậy, hoặc sở trụ tôn thắng, hoặc tức trụ tôn thắng, do nhân duyên đây thuyết gọi là trụ Không tôn thắng.

Dẫn trụ Không kia: Như có người hoặc đi, hoặc đứng như thật rõ biết hoặc có, hoặc không có phiền não. Biết có phiền não liền tu đoạn hành, biết không phiền não liền sanh hoan hỷ. Vì đã sanh hoan hỷ, cho đến khiến tâm chứng tam-ma-địa. Do tâm chứng đắc tam-ma-địa, như thật quán sát các pháp vô ngã, đêm ngày tùy học không từng giải đãi phế bỏ. Như vậy gọi là dẫn trụ Không kia. Nên biết đây đối với phiền não bên trong như thật rõ biết, có biết là có, không biết là không. Đây gọi là tánh Không.

Lại nữa, các bậc Thánh đệ tử viên mãn chánh kiến đã thấy dấu tích đế, đều năng như thật vượt qua tà không kia, cũng năng như thật chánh nhập “chẳng không”, dụng đạo thế gian và đạo xuất thế gian mà tu tập tánh Không. Nghĩa đây thế nào? Vì ở xứ đây, kia “chẳng phải có” nên chánh quán là “không”; vì ở xứ đây “có” sót thừa thì như thật biết có. Thí như nhà trọ, một thời gian không có người, vật, thì gọi là không. Thời gian khác lại có các người, vật, thì gọi là chẳng không. Hoặc nhà trọ đây do không một loại nào cả nên gọi là không, tức là không cây gỗ dựng thành, hoặc không mái cỏ

che, hoặc không cửa nẻo, hoặc không chốt khóa, hoặc có một phần nào đó không có. Nhưng chẳng phải nhà trọ đây tức “thể” không. Như vậy tự thể nương tựa thân, cũng gọi là thọ thú, cũng gọi là tướng thú, cũng gọi là tư thú. Nhưng thân chỗ nương của tự thể đây, một thời gian do không một loại hoặc thọ, hoặc tướng, hoặc tư... tất cả phiền não, tùy phiền não... nên được gọi là không. Nhưng thời gian khác do có một loại nên được gọi là chẳng không. Hoặc tức thân nương tựa tự thể, một thời gian do không một loại hoặc nhãn, hoặc nhĩ, hoặc tỷ, hoặc thiệt, hoặc một phần thân, hoặc một phần ý, nên gọi là không. Nhưng chẳng phải tự thể nương tựa thân, tức thân và tự thể tất cả đều không.

Nên biết trong đây lược nghĩa chung: Nếu quán các pháp sở hữu tự tánh sẽ rất ráo đều không, đây gọi là điên đảo thú nhập “không”, cũng gọi là trái vượt pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da mà Phật sở thuyết. Nếu quán các pháp do tự tướng nên một loại là có, một loại là chẳng phải có; có và chẳng phải có đây rất ráo xa lìa. Lại quán tánh “có” ở một thời gian một phần xa lìa, ở một thời gian một phần không xa lìa. Như vậy gọi là như thật thú

nhập tánh Không không điên đảo.

Người dụng đạo thế gian để tu tánh Không, đó là bậc Thánh đệ tử trụ chốn viễn ly, trước ở nơi thôn xóm tụ lạc tác ý tư duy tưởng người, kế lại tư duy tưởng a-lan-nhã. Người kia tức quán sát ở trong tự thân, nơi tưởng đây quán là không, tức ở nơi tưởng người, xóm... ở nơi tưởng đây quán chẳng không, tức là tưởng a-lan-nhã. Lại quán “chẳng không” khác, đó là tưởng a-lan-nhã làm duyên, ở nơi tưởng các thọ tư.. tương ứng a-lan-nhã. Hoặc tức ở nơi tưởng đây có một loại nên quán là không, tức ở nơi tưởng thô trọng, không trụ tịch tĩnh và thiêu đốt, quán là không. Hoặc ở nơi tưởng đây có một loại nên quán là chẳng không, tức là ở nơi vi tế, trụ rất tịch tĩnh, xa lìa thiêu đốt... quán là chẳng không.

Lại tức ở nơi kia năng nắm giữ tướng a-lan-nhã sai biệt như núi rừng, cỏ cây, cầm thú... thì không tư duy, lại tưởng tướng sai khác; chỉ tư duy địa, không tưởng tướng khác. Lại tức ở nơi kia năng nắm giữ tướng đất sai biệt như hiểm trở, cao thấp, không bằng phẳng, nhiều thứ ngói, đá vụn, đất... thì không tư duy, lại tưởng tướng sai khác; chỉ

tư duy đất bình, bằng phẳng, trơn mịn giống như lòng bàn tay, không tưởng tượng khác. Từ đây kể đến trừ tưởng sắc... lần hồi tư duy tưởng tượng sai biệt của Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, về sau tác ý tư duy tưởng tượng Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Ở nơi tất cả xứ như trước đã thuyết, trải qua quán tánh Không, quán các địa dưới có tướng thô, quán các địa trên có tướng tinh... Như vậy gọi là các Thánh đệ tử dụng đạo thế gian mà tu tập tánh Không. Nên biết đi đến cao nhất là Vô sở hữu xứ, thứ lớp ly dục. Từ nơi ấy rồi về sau tu thánh đạo, hành thứ lớp trừ bỏ, hành vô thường... năng hướng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ sẽ rốt ráo ly dục. Kia lúc bấy giờ tự quán trong thân không, không các tướng, đó là tất cả lậu một hướng tịch tĩnh, vĩnh viễn lìa thiêu đốt. Lại quán trong thân có pháp chẳng không, đó là nương đây làm duyên, sáu xứ triển chuyển xoay vần nhậm trì cho đến trụ thọ làm duyên, các pháp thanh tịnh không có hoại diệt. Nên biết khi xưa Thế Tôn tu tập hạnh vị Bồ-tát tu nhiều trụ không, năng nhanh chóng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, chẳng phải như trụ tư duy vô thường khổ. Cho nên nay chúng đắc thượng

diệu Bồ-đề, do lực đã chứa nhóm an trụ, xuyên suốt tu tập tùy chuyển, nên nhiều nương trụ không.

Lại nữa, có 2 chủng không: 1. Sở chứng không; 2. Sở tu không. Nếu các Bí-sô vui sống chung hỗn tạp, đối với 2 chủng đây chẳng năng thành tựu, vì chẳng năng chứng sở chứng không, vì chẳng năng tu sở tu không. Nhân chẳng thành tựu 2 chủng đây, nên biết thối thất 4 chủng diệu lạc. Đó là diệu lạc xuất ly, do ở nơi tất cả các khổ của việc nhiếp thọ các ác, gây dựng sự nghiệp... thấy đều giải thoát; diệu lạc xa lìa, do giải thoát sự tham dục, sân khuể... trong Sơ tĩnh lự; diệu lạc tịch tĩnh, do tâm tứ dừng dứt; diệu lạc đẳng giác, do nhiếp thuộc hai giải thoát nhiếp lấy không tạo tác, không kinh hãi. Hai giải thoát: 1. Thời ái tâm giải thoát; 2. Bất động tâm giải thoát.

Thời ái tâm giải thoát: Nếu A-la-hán căn tánh độn, ở định thế gian chính là thối pháp, chưa thể giải thoát chỗ có chương định, nên gọi là thời ái tâm giải thoát. Vì bị thối pháp, nên có lúc thối thất, có lúc hiện tiền, gọi là thời. Ở hiện pháp vui thích mong muốn trụ chứng đắc, nên gọi là ái.

Bất động tâm giải thoát: Vì A-la-hán căn tánh

lợi nên không thối pháp. Tất cả đều dùng lực vô lậu đạo mà đắc giải thoát, ở nơi tất cả chúng đều không thối thất. Nên biết trong đây nghĩa quyết định là nghĩa Tam-muội-da, còn lại như trước thuyết. Không chỗ tạo tác, không kinh hãi, tức là không có điều gì khá có thể khiến tâm A-lê-hán ở trong nhiễm kia mà bị biến đổi, phát sanh sầu thán...

Sở chúng không lược có 2 chủng: 1. Ngoại không: là vượt quá tất cả 5 chủng tướng sắc, tức là chỗ dẫn phát của năm diệu dục, chánh năng tác chúng ly dục tham; 2. Nội không: là chánh năng tác chúng ở nơi nội các hành, đoạn trừ tăng thượng mạn.

Sở tu không cũng có 2 chủng: 1. Ở trong nội ngoại các cảnh giới, tu vô ngã kiến; 2. Tức ở nơi kia tu vô thường kiến.

Bốn chủng không đây, nên biết lấy bốn hành làm chỗ nương: 1. Ngoại không lấy lực nội trụ tâm làm tăng thượng duyên, khiến xa lìa, phát sanh lạc tươi nhuần nơi thân làm chỗ nương và biết khắp ngã mạn; 2. Nội không lấy nội ngoại không đối với nội ngoại pháp, tu vô ngã kiến làm chỗ nương; 3.

Vô ngã kiến tức dụng ở kia tu vô thường kiến làm chỗ nương; 4. Vô thường kiến lấy nghe chánh pháp, như lý tác ý làm chỗ nương.

Lại, ở trong đây nếu các Bí-sô vì lìa dục tham, tinh siêng tu học tác ý quán sát lực tăng thượng, thì đối với các tướng bất tịnh hệ buộc Dục giới cần nỗ lực siêng năng tư duy. Người kia vì chưa tác chứng ngoại không, vì ở nơi chánh đạo đây chưa khéo tu, vì thú hưởng tập nhiễm, vì ở nơi tánh ngoại không tâm không chứng nhập, không vui thích, nên bèn ở trong đây do môn ngã mạn, tùy quán sát “tâm không trôi nổi tán loạn...”, dụng tướng tịch tĩnh tư duy nội không. Vì kia ngã mạn chưa vĩnh viễn đoạn, vì chưa khéo tu chánh đạo, nên cũng ở trong đây tâm chưa chứng nhập, bèn ở trong nội ngoại tất cả hành, tu vô ngã kiến. Vì chưa khéo tu vô ngã kiến, cũng ở trong đây tâm chẳng chứng nhập, bèn ở trong nội ngoại tất cả hành, tu vô thường kiến khiến tâm bất động. Vì ở trong các hành kiến vô thường, nên tất cả chủng động đều không chỗ có. Cho nên vô thường kiến gọi là bất động giới. Vì ở nơi thị xứ đây tâm không gì không thắng giải, nên dùng chánh tuệ như thật

thông đạt hoặc duyên bất tịnh, hoặc duyên từ bi, hoặc duyên niệm hơi thở sở hữu cảnh giới, hoặc duyên cảnh giới các hành vô thường. Vì rất nhiều tu tập tam-ma-địa làm nhân duyên khiến tâm điều nhu, do đây dần dần đều năng chứng nhập tất cả xứ. Do nhân duyên đây năng chứng viên mãn sở chứng không. Vì nhân ở nơi sở chứng được viên mãn, nên tâm giải thoát tất cả năng thuận thượng, hạ phần kiết. Do nhân duyên đây, năng tu viên mãn sở tu không. Vì nhân ở nơi sở tu đã được viên mãn, nên thành tựu pháp chánh kiến... vô học. Nếu ở lúc này cho đến đối với không mà chưa năng chứng nhập, nên biết thời đây là vị dị sanh. Nếu vào lúc chứng nhập là vị hữu học. Nếu thời tu tập đã được viên mãn là vị vô học. Vì khiến tu đây được viên mãn, siêng tu chánh hạnh khiến tâm chứng nhập, dụng tâm tư thiện mà chánh tâm tư, tức ở trong đây năng khéo biết lượng, lìa các tạp nhiễm mà khởi ngôn thuyết. Đối với chỗ nên kinh hành năng chánh kinh hành, đối với chỗ nên ngồi năng chánh an tọa. Nơi tất cả xứ như vậy đều khéo biết lượng. Như vậy vào thời hành, thanh tịnh làm tiền dẫn; vào thời trụ cũng được thanh tịnh. Ở

khoảng trung gian năng dùng tác ý quán sát, quán sát lớp lớp phiền não hiện hành, rồi tịnh tu sửa trị tâm. Như vậy năng một hương thành tựu các pháp bạch tịnh. Tất cả ma oán cùng tất cả pháp ác bất thiện, bốn chủng tạp nhiễm chẳng thể dẫn đoạt. Đó là vì tánh nhân hậu hữu, vì hiện pháp thân tâm biến hoại thiêu não khắp, vì tánh nhân ác thú, vì tánh nhân của các thứ khổ như sanh...

Ngôn thuyết có hai: 1. Ngôn thuyết tùy chuyển theo thắng giải âm thanh; 2. Ngôn thuyết tùy chuyển theo tùy pháp hành pháp. Ngôn thuyết thứ nhất là chỗ chánh phát khởi do thọ trì, đọc tụng, thưa hỏi tỉ mỉ chánh pháp. Ngôn thuyết thứ hai là chỗ chánh phát khởi do ở nơi sở duyên khiến tâm an trụ, rốt ráo giải thoát, thi thiết dạy trao. Nếu đây là nghĩa Như Lai xuất thế, các chúng đệ tử nhập vào thánh giáo phải siêng tu tập thiện pháp như vậy. Nếu ở trong pháp Tỳ-nại-da không tất cả chúng tu phạm hạnh, nên biết cũng không người tu phạm hạnh. Nếu ở trong đây đã không phạm hạnh mà có kẻ xưng phạm hạnh, tức đều tu tà hạnh. Thầy trò xoay vần triển chuyển xúc não, mỗi mỗi tự cho là có thể thức tôn ti. Ở trong chánh

pháp đây, hai chủng đều khả đắc đó là sở chứng không và sở tu không. Nếu có người từ bỏ quả rộng lớn, lợi ích rộng lớn của sự tu tập sở chứng không và sở tu không, là cực hạ liệt, có tội lỗi lớn, nổi trôi trong sự ái vị lợi dưỡng cung kính, nhiều tập quen tà hạnh. Nên biết kẻ kia là tai nạn lớn của phạm hạnh khiến bị xúc não. Do kẻ kia mê đắm ái trước lợi dưỡng cung kính tự bức não, nên đối với ngôn giáo năng thuận theo giải thoát không muốn lắng nghe, dù vì kia tuyên thuyết mà chẳng thể lắng tai nghe. Hoặc vì tham trước lợi dưỡng cung kính lực tăng thượng mà gượng ép lắng nghe, nhưng không tâm cầu hiểu, không muốn tu hành, không vì khéo tự điều phục mình rất ráo, cho đến không vì chứng Bát-niết-bàn. Do việc như vậy thêm ghét Đại sư, hành bất bình đẳng, chẳng thể hiện tiền báo đáp ân đức rộng lớn.

Nên biết trong đây lược nghĩa chung: Đó là đã xuất gia trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da rồi, do bốn nhân duyên, lẽ ra đối với điều mình chân chánh nên hành, mà không năng hành; lẽ ra đối với thánh giáo xuất gia của bậc Đại sư chân chánh nên hành, cũng chẳng thể hành, tức vì vui tướng

tạp trụ, vì ngôn thuyết tùy thuận theo thắng giải âm thanh, vì chìm đắm lợi dưỡng cung kính, vì lực đắm trước tăng thượng duyên đây mà lắng nghe chánh pháp nên không tu hành tự lợi, lợi tha.

Lại, Phật Thế Tôn không muốn tự hiển việc năng khéo điều ngự chúng mà nhiếp độ chúng, chỉ vì sanh sâu ai mẫn đối với các hữu tình. Do nhân duyên đây, đối với các chúng đệ tử hành tà hạnh, năng không hộ, tiếc dùng lời phân tích cặn kẽ răn dạy. Thà rằng khiến đệ tử do lời lợi ích phân minh thô đây, hiện tiền xả bỏ chánh pháp và Tỳ-nại-da mà còn có lợi ích, không để kia trụ trong chánh pháp rộng hưng khởi tà hạnh.

